

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGÔ THỊ THANH THÚY**

**KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI  
THEO PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2014**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**KHOA LUẬT**

**NGÔ THỊ THANH THÚY**

**KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI**  
**THEO PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA**

*Chuyên ngành : Luật dân sự*

*Mã số : 60 38 30*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Hà Thị Mai Hiền*

**HÀ NỘI - 2014**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

**TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Ngô Thị Thanh Thúy**

# MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
<i>Danh mục các hình</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI VÀ QUY PHẠM PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ QUYỀN KẾT HÔN CỦA NGƯỜI ĐỒNG GIỚI</b>	8
1.1. Khái quát chung về kết hôn đồng giới	8
1.1.1. Các quan điểm về đồng tính và nguyên nhân đồng tính	9
1.1.2. Sự phát triển các qui định về quyền kết hôn đồng giới	14
1.2. Quy phạm pháp luật quốc tế và của một số quốc gia trên thế giới về quyền kết hôn của người đồng tính	17
1.2.1. Hiến chương Liên hợp quốc	18
1.2.2. Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948	20
1.2.3. Những nguyên tắc Yogyakarta	21
1.3. Tác động của điều chỉnh pháp luật về việc kết hôn đồng giới	25
<b>Chương 2: NỘI DUNG PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG HỆ QUẢ CỦA ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VIỆC KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI Ở MỘT SỐ NƯỚC</b>	31
2.1. Nội dung pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về việc kết hôn đồng giới	31
2.1.1. Một số qui định pháp luật của quốc gia về kết hôn đồng giới	31
2.1.2. Một số quan điểm của nhóm quốc gia không công nhận kết hôn đồng giới	50
2.1.3. Một số quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay về quyền kết hôn của người đồng tính	56

2.2.	Tác động của điều chỉnh pháp luật việc kết hôn đồng giới ở một số nước	58
2.2.1.	Những tác động của Hôn nhân đồng giới đối với vấn đề dân số	64
2.2.2.	Tác động của hôn nhân đồng giới đối với thể chế hôn nhân khác truyền thống	65
2.2.3.	Hôn nhân đồng giới đối với các cá nhân trong xã hội	66
2.2.4.	Chức năng nuôi dưỡng và xã hội hóa con trẻ trong gia đình đồng tính	68
	<b>Chương 3: THỰC TRẠNG KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐẶT RA HIỆN NAY</b>	70
3.1.	Thực trạng kết hôn đồng giới ở Việt Nam	70
3.1.1.	Thực trạng về kết hôn đồng giới ở Việt Nam hiện nay	70
3.1.2.	Thực trạng kết hôn đồng tính tại Việt Nam	72
3.2.	Một số vấn đề pháp lý đặt ra hiện nay đối với quan hệ đồng giới tính	78
3.2.1.	Các vấn đề pháp lý khi hôn nhân đồng giới không được thừa nhận	78
3.2.2.	Hôn nhân đồng giới: Nên hay không nên được thừa nhận	83
3.3.	Một số ý kiến về lộ trình tiến tới thừa nhận hôn nhân đồng giới ở Việt Nam	87
3.3.1.	Bước đầu nên áp dụng theo hình thức kết đôi có đăng ký hay còn gọi là kết hợp dân sự như vậy sẽ mang tính khả thi và phù hợp nhất đối với Việt Nam trong thời điểm hiện nay	88
3.3.2.	Cùng với việc thừa nhận hình thức kết hợp dân sự thì pháp luật cần phải có những sửa đổi, bổ sung nhằm tạo ra sự thống nhất trong văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình	88
3.3.3.	Ban hành một văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về hình thức kết hợp dân sự	88
3.3.4.	Rà soát các văn bản pháp luật hiện hành nhằm có những điều chỉnh thích hợp theo hướng thừa nhận vấn đề kết hợp dân sự	89
	<b>KẾT LUẬN</b>	90
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	93

## DANH MỤC CÁC BẢNG

<b>Số hiệu bảng</b>	<b>Tên bảng</b>	<b>Trang</b>
1.1	Thời gian chuyển đổi ở các quốc gia	27
2.1	Danh sách các nước hợp pháp hóa quan hệ cùng giới	33
2.2	Thời gian chuyển đổi ở các quốc gia	61
3.1	Quan điểm sai lầm về đồng tính	73

## DANH MỤC CÁC HÌNH

<b>Số hiệu hình</b>	<b>Tên hình</b>	<b>Trang</b>
3.1	Lý do quyết định sống chung của các cặp trong độ tuổi kết hôn và đang sống chung	75
3.2	Ý nghĩa của việc mong muốn có con	76
3.3	Những khó khăn trong mối quan hệ cùng giới	77
3.4	Lý do kết hôn với người khác giới của người đồng tính	80
3.5	Mong muốn, nhu cầu đối với sự chấp nhận của gia đình	81
3.6	Mong muốn được pháp luật cho phép kết hôn cùng giới của nhóm đồng giới nữ	81
3.7	Tỷ lệ ủng hộ sự công nhận pháp lý đối với hôn nhân đồng giới	82
3.8	Lựa chọn các hình thức đăng ký trong trường hợp được pháp luật cho phép	82

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Đồng tính cho đến nay không phải là vấn đề xa lạ trên thế giới và ngay cả đối với Việt Nam chúng ta hiện nay. Thực tế cho thấy trên thế giới đồng tính đã có lịch sử tồn tại từ thời cổ đại. Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, đã có lúc đồng tính bị coi như một loại bệnh không thể chữa được. Tuy nhiên với sự phát triển của khoa học hiện đại thì đồng tính đã được xem là một xu hướng tính dục bình thường, tự nhiên và là hiện thực của xã hội loài người. Từ năm 1990, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) chính thức xác nhận đồng tính không phải là bệnh. Mặt khác, những cố gắng ‘chữa trị đồng tính’ đều được chứng minh là không có tác dụng "chữa" xu hướng tình dục tự nhiên, chỉ làm thay đổi hành vi tạm thời và thậm chí tác động tiêu cực đến tâm lý người đồng tính, khiến họ trở nên căng thẳng, trầm cảm. Bản thân xu hướng tính dục không phải là lựa chọn, cũng như chuyện một người có xu hướng dị tính không phải là "lựa chọn" của họ. Sự lựa chọn chỉ nằm ở hành vi, đó là việc người đồng tính tìm cho mình một mối quan hệ với người khác giới, lập gia đình như mong muốn của cha mẹ và cộng đồng hay họ dám khám phá bản thân, sống thật với chính mình và với những người quanh mình.

Vấn đề của người đồng tính là một vấn đề mà một số quốc gia mà cộng đồng thế giới quan tâm, quyền của người đồng tính như về chính trị, kinh tế, dân sự và đặc biệt là quyền kết hôn của người đồng tính đã và đang được nhiều nước trên thế giới công nhận. Trên thế giới, tính đến hết tháng 12/2013 đã có 16 nước hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới. Nếu tính những vùng lãnh thổ ở những quốc gia có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang (Hoa Kỳ, Mexico, Brazil) thì số lượng quốc gia và vùng lãnh thổ hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới hiện tại là 19. Bên cạnh đó, có 17 quốc gia và 13 vùng lãnh thổ thừa nhận hình thức "kết đôi có đăng ký" cho các cặp đôi cùng giới.

Đặc biệt có 03 quốc gia thừa nhận hình thức sống chung không đăng ký cho các cặp đôi cùng giới. Bên cạnh đó, nhiều quốc gia khác đang trong quá trình xem xét hợp thức hóa quan hệ cùng giới hoặc "nâng cấp" từ "kết hợp dân sự" (sống chung có đăng ký) lên "kết hôn" với đầy đủ quyền lợi và trách nhiệm. Có thể nhận thấy, thời gian gần đây nhất là trong năm 2012-2013 có khá nhiều quốc gia thừa nhận hoặc đang xem xét hôn nhân đồng giới.

Đối với Việt Nam hiện nay có khoảng 1,65 triệu người đồng tính chiếm 3-5 % dân số trong độ tuổi từ 15-59 trong khi đó cho đến hiện nay chưa có một văn bản pháp lý của Việt Nam thừa nhận hôn nhân đồng giới. Trong khi đó Điều 52 của Hiến pháp năm 1992 nước ta cũng đã quy định "mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật" [14], đến Hiến pháp năm 2013, quyền con người được quy định tại Chương II của Hiến pháp, một lần nữa được khẳng định rằng: Quyền con người là tự nhiên, Nhà nước phải thừa nhận, tôn trọng và cam kết bảo đảm, bảo vệ quyền con người đúng như những công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể Điều 14 quy định: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật" [17]. Theo đó Điều 16 cũng nêu rõ: "Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội" [17]. Điều này cũng có nghĩa là pháp luật không thừa nhận cũng như không cho phép có bất cứ sự phân biệt đối xử nào vì lý do giới tính hay xu hướng tính dục của cá nhân. Tuy nhiên, với sự ra đời của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, pháp luật nước ta chỉ thừa nhận mối quan hệ hôn nhân giữa nam và nữ mà không thừa nhận quyền kết hôn của người đồng tính (hôn nhân giữa những người cùng giới tính - hôn nhân đồng giới), pháp luật hiện hành sử dụng quy phạm "cấm" việc kết hôn giữa những người cùng giới tính (khoản 5 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) để tạo ra hiệu ứng định kiến xã hội đối với người đồng tính. Song thực trạng



mối quan hệ đồng giới ở nước ta thời gian qua cho thấy, kết hôn là một nhu cầu có thật và hoàn toàn chính đáng của những người đồng tính. Mặc dù không được pháp luật thừa nhận nhưng trên thực tế nhiều người đồng tính vẫn đang chung sống với nhau như một gia đình, từ đó phát sinh các quan hệ về nhân thân, tài sản hoặc về con cái nhưng lại chưa có cơ chế pháp lý để điều chỉnh các hậu quả về nhân thân, tài sản và con cái từ việc chung sống giữa những người cùng giới tính. Quan hệ đồng tính đã và đang diễn ra trong xã hội Việt Nam như gần đây đã xuất hiện một số đám cưới giữa những người cùng giới tính (tự phát, không được đăng ký kết hôn) diễn ra ngày càng nhiều và công khai... Những thực tế này đã cho thấy kết hôn là nhu cầu rất chính đáng của tất cả mọi người, trong đó có cả người đồng tính.

Thực tiễn xét xử của Tòa án trong thời gian qua cho thấy đã có một số vụ việc tranh chấp về tài sản giữa những người đồng tính quan hệ sống chung, nhưng chưa có cơ sở pháp lý cụ thể để giải quyết tranh chấp.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 4 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (về các nguyên tắc bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình) quy định cấm cưỡng ép kết hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ; cấm kết hôn giả tạo, lừa dối để kết hôn, ly hôn. Vấn đề đặt ra là nếu người đồng tính vì lý do áp lực gia đình, xã hội nên chấp nhận kết hôn với một người khác giới thì liệu có vi phạm nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hay không? Đây là một nguyên tắc rất cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta đồng thời cũng là một điều kiện thiết yếu để đảm bảo hạnh phúc, sự bền vững gia đình. Tuy nhiên việc xác định như thế nào là tự nguyện kết hôn là điều không đơn giản trong thực tế. Tình cảm là yếu tố thiêng liêng nhưng lại vô hình, không thể định lượng được trong quy phạm pháp luật hay thực tế áp dụng. Nếu người đồng tính kết hôn với người khác giới do quan niệm thường thấy của xã hội hiện nay thì chắc chắn việc kết hôn đó bị cưỡng ép bởi gia đình, xã hội xung quanh hoặc vì yếu tố khác nên hôn nhân không đáp ứng nguyên tắc tự

nguyện. Hơn nữa, nếu người bạn đời kết hôn với người đồng tính không biết sự thật về xu hướng tính dục của chồng/vợ mình thì điều kiện cấm kết hôn giả tạo sẽ bị vi phạm. Với những hạn chế này đã đặt ra, đòi hỏi pháp luật phải có những thay đổi nhất định để đảm bảo thực thi tốt trong xã hội.

Do đó để có cách nhìn một cách khách quan dựa trên những cơ sở luận cứ khoa học và nhằm góp phần làm sáng tỏ những vấn đề nêu trên, được sự phân công của Khoa sau đại học Đại học Quốc gia Hà Nội, dưới sự hướng dẫn của cô giáo Phó giáo sư, Tiến sĩ Hà Thị Mai Hiên, em chọn nghiên cứu đề tài "*Kết hôn đồng giới theo pháp luật một số quốc gia*" làm đề tài nghiên cứu của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Thời gian qua đã có nhiều chuyên đề, bài viết nghiên cứu vấn đề kết hôn đồng giới đối với Việt Nam đăng trên các sách, báo, tạp chí chuyên ngành, trang thông tin pháp luật dân sự.... như một số bài viết của các tác giả: Lê Quang Bình (2012), "*Hôn nhân cùng giới: xu hướng thế giới, tác động xã hội và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*", Tọa đàm chuyên gia: *Lồng ghép vấn đề giới trong dự án luật*, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội tổ chức ngày 08/10/2012, Hà Nội; Nguyễn Thu Nam (2012), "*Quan điểm xã hội về đồng tính và hôn nhân đồng giới*", Hội thảo khoa học: *Hôn nhân đồng giới*, Viện ISEE tổ chức ngày 13/12/2012, Hà Nội; Trương Hồng Quang (2012), "*Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về quyền của người đồng tính*", Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 7; Trương Hồng Quang (2012), "*Nhận thức về người đồng tính và quyền của người đồng tính*", Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 3; Trương Hồng Quang (2014), "*Thực tiễn ghi nhận quyền kết hôn bình đẳng của người đồng tính trên thế giới*", <http://moj.gov.vn/ct/tintuc>, ngày 10/02/2014 v.v...

Tuy nhiên, những chuyên đề, hay bài viết của các tác giả chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu, đề cập đến một hoặc một số khía cạnh khác nhau của kết

hôn đồng giới, mà chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện các vấn đề kết hôn đồng giới trên thế giới để từ đó đưa ra một số những giải pháp hiệu quả nhất đối với việc giải quyết các quan hệ đồng giới đã và đang diễn ra trong xã hội Việt Nam hiện nay.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

Mục đích nghiên cứu đề tài là nghiên cứu và làm rõ một số các quy định của một số các quốc gia trên thế giới về hôn nhân đồng giới. Từ đó rút ra một số kinh nghiệm điều chỉnh quan hệ đồng giới ở một số quốc gia trên thế giới cho Việt Nam. Đồng thời, thông qua việc nghiên cứu đề tài để thấy được thực trạng quan hệ đồng giới và thực trạng các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về vấn đề kết hôn đồng giới. Nhận diện được những hạn chế, bất cập và tìm ra các giải pháp giải quyết thực trạng quan hệ đồng giới hiện nay đã và đang diễn ra trong xã hội Việt Nam.

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, việc nghiên cứu đề tài có nhiệm vụ nghiên cứu một cách hệ thống, các vấn đề lý luận khoa học cơ bản trong qui tắc pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về quyền kết hôn của người đồng tính, một số qui định của pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về hôn nhân đồng giới, phân tích cụ thể các tác động xã hội đối với việc thừa nhận hay không thừa nhận quan hệ hôn nhân đồng giới đối với Việt Nam. Từ đó đề xuất một số ý kiến về lộ trình tiến tới thừa nhận hôn nhân đồng giới ở Việt Nam

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu đề tài "*Kết hôn đồng giới theo pháp luật một số quốc gia*" là nghiên cứu một cách khái quát nhất các qui tắc pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về quyền của người đồng tính và một số các qui định của pháp luật trên thế giới về kết hôn đồng giới từ đó rút ra được một số kinh nghiệm để điều chỉnh quan kết hôn đồng giới đối với Việt Nam.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ phạm vi luận văn thạc sĩ việc nghiên cứu đề tài chỉ giới hạn trong phạm vi kết hôn đồng giới theo nghĩa hẹp, không bao gồm nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề phát sinh khác của quan hệ kết hôn đồng giới như vấn đề tài sản, thừa kế, nuôi con nuôi.

- Phạm vi nghiên cứu đề tài: tập trung nghiên cứu và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc kết hôn đồng giới theo pháp luật của một số quốc gia, nêu thực trạng kết hôn đồng giới ở Việt Nam và qua đó có một số kiến nghị, đề xuất cho việc điều chỉnh pháp luật với quan hệ đồng giới ở Việt Nam hiện nay.

### **5. Phương pháp nghiên cứu đề tài**

Đề tài luận văn "*Kết hôn đồng giới theo pháp luật của một số quốc gia*" được thực hiện trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, các quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật.

Quá trình nghiên cứu học viên cũng đã sử dụng các phương pháp khoa học truyền thống như phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, khảo sát, diễn giải, so sánh v.v... Để đánh giá một cách khách quan, toàn diện nhất để chứng minh cho các luận điểm của mình.

### **6. Những đóng góp mới về khoa học của luận văn**

Việc nghiên cứu đề tài, đã có những đóng góp mới cho khoa học luật dân sự ở những điểm sau:

- Nêu và phân tích được quy tắc pháp luật một số quốc gia trên thế giới về quyền kết hôn của người đồng giới và những hệ quả của điều chỉnh pháp luật việc kết hôn đồng giới ở một số nước.

- Nêu và đánh giá đúng thực trạng các quan hệ đồng giới ở Việt Nam hiện nay và đưa ra một số vấn đề pháp lý đặt ra cần phải giải quyết đối với quan hệ hôn nhân đồng giới ở Việt Nam.

- Đề xuất một số ý kiến về lộ trình tiến tới thừa nhận hôn nhân đồng giới ở Việt Nam.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Khái quát chung về kết hôn đồng giới và quy tắc pháp luật một số quốc gia trên thế giới về quyền kết hôn của người đồng giới.

*Chương 2:* Nội dung pháp luật và những hệ quả của điều chỉnh pháp luật việc kết hôn đồng giới ở một số nước.

*Chương 3:* Thực trạng kết hôn đồng giới ở Việt Nam và một số vấn đề pháp lý đặt ra hiện nay.

## *Chương 1*

# **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI VÀ QUY PHẠM PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ QUYỀN KẾT HÔN CỦA NGƯỜI ĐỒNG GIỚI**

### **1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI**

Người đồng tính không phải trong xã hội hiện đại mới có mà sự xuất hiện và tồn tại người đồng tính đã được chứng minh có tính lịch sử. Tuy nhiên trong mỗi thời điểm lịch sử những vấn đề pháp lý liên quan đến người đồng tính đến nay đối với mỗi quốc gia đều có những quy định khác nhau, sự khác nhau trong các quy định pháp luật của mỗi quốc gia có nhiều yếu tố tác động đến như yếu tố chính trị, yếu tố văn hóa, truyền thống, tôn giáo, đạo đức... tuy nhiên trên thế giới hiện nay đều thống nhất về khái niệm về người đồng tính như sau:

Nói về cộng đồng những người đồng tính nữ (*Lesbian*), đồng tính nam (*Gay*), những người song tính (*Bisexual*) và chuyển giới (*Transgender*), viết tắt **LGBT**.

*Người đồng tính* : Người đồng tính (*Lesbian, Gay*) là người có cảm giác hấp dẫn về tình cảm, thể chất với người cùng giới.

*Người song tính*: Người song tính (*Bisexual*) là người có cảm giác hấp dẫn về tình cảm, thể chất với cả hai giới.

*Người dị tính*: Người dị tính là người có cảm giác hấp dẫn về tình cảm, thể chất với người khác giới.

*Người chuyển giới*: Người chuyển giới (*Transgender*) là trạng thái khi một người có giới tính sinh học không trùng với bản dạng giới hay thể hiện giới của họ (ví dụ có cơ thể là nam và nghĩ mình là nữ, hoặc bề ngoài như nữ). Người chuyển giới liên quan tới việc người đó nhận dạng hoặc thể hiện mình

là nam hay nữ, trong khi người đồng tính lại liên quan tới việc người đó yêu người cùng giới hay khác giới.

### **1.1.1. Các quan điểm về đồng tính và nguyên nhân đồng tính**

#### ***1.1.1.1. Quan điểm về đồng tính***

*Đồng tính* là thuật ngữ và là một hiện tượng đã có từ rất lâu trong lịch sử loài người, các tài liệu đầu tiên liên quan đến người đồng tính đến từ Hy Lạp cổ đại. Môi quan hệ đó đã không thay thế hôn nhân giữa người nam và người nữ, nhưng xảy ra trước và bên cạnh nó. Như đại đế Alexander và Hephaestion, nhưng người đàn ông lớn tuổi thường sẽ là erastes (người yêu) một thanh niên eromenos (người thân).

Ở Trung Quốc từ thời cổ đại đồng tính đã được công nhận Scholar Pan Guangdan đến kết luận rằng gần như tất cả các hoàng đế trong triều đại nhà Hán đã có một hoặc nhiều đối tác tình dục của nam giới. Ngoài đồng tính nam thì đồng tính nữ còn được mô tả trong một số cuốn sách lịch sử. Tình yêu đồng tính đã được thể hiện trong nghệ thuật Trung Quốc. Tuy tài liệu còn lưu lại không nhiều song nhiều bức tranh nghệ thuật trên lụa có thể được tìm thấy trong các bộ sưu tập tư nhân.

Đến thời kỳ cận đại thì đồng tính được nhiều quốc gia quan tâm hơn, nhiều nhà khoa học đã thực hiện các cuộc nghiên cứu về người đồng tính, trước thế kỷ XIX nhiều quốc gia đã đưa đồng tính vào danh sách các bệnh về tâm thần. Quan niệm đồng tính luyến ái là rối loạn tâm lý là một quan niệm phổ biến ở phương Tây từ thế kỷ XIX và sang đến một phần thế kỷ XX, và có lẽ nó lan truyền cùng với sự phổ biến của y học phương Tây. Đến những thập niên cuối thế kỷ XX, khoa học đã khẳng định đồng tính luyến ái không phải là bệnh. Nhiều nước lần lượt loại bỏ đồng tính luyến ái khỏi danh sách bệnh tâm thần, bắt đầu là Hiệp hội tâm lý Hoa Kỳ đã loại đồng tính ra khỏi danh sách bệnh tâm thần vào năm 1973. Tại Trung Quốc năm 2001 cũng đã loại đồng tính luyến ái khỏi danh sách bệnh tâm thần. Đồng tính luyến ái được coi là

một phần của đa dạng tính dục con người, không phải là bệnh và cũng không phải là giới tính thứ ba. Đến năm 1990, Tổ chức Y tế Thế giới - cơ quan của Liên hợp quốc cố vấn chuyên môn cho các quốc gia về y tế đã loại bỏ đồng tính luyến ái khỏi danh sách bệnh tâm thần. Bên cạnh đó, tháng 6/2011, Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết khẳng định: "mọi người đều có quyền bình đẳng, bất kể thiên hướng tình dục như thế nào". Đến ngày 7/3/2012, Tổng thư ký Liên hợp quốc Ban Ki-moon đã có bài phát biểu lịch sử kêu gọi các quốc gia trên toàn thế giới phi hình sự hóa đồng tính, chấm dứt kỳ thị với những người đồng tính, lưỡng tính và chuyển giới (thuật ngữ tiếng Anh viết tắt là LGBT).

Như vậy, quan niệm về người đồng tính rất đa dạng và điều này phản ánh sự đa dạng về cách hiểu thế nào là người đồng tính của xã hội. Sự đa dạng này xuất phát từ cách nhìn nhận các khía cạnh khác nhau trong cuộc sống xã hội - từ góc độ con người sinh học, đặc điểm cấu tạo cơ thể, thay đổi nội tiết tố bên trong cơ thể, thể hiện giới bên ngoài, hay vai trò giới v.v... Cho dù quan niệm về người đồng tính được nói đến ở khía cạnh nào thì hầu hết cũng dựa trên bản chất "là hai người cùng giới yêu nhau và có ham muốn quan hệ tình dục với nhau". Như vậy, có thể khái niệm người đồng tính là người có sự hấp dẫn về cảm xúc hoặc tình cảm hoặc tình dục với người cùng giới. Người đồng tính nam thường gọi là "gay" và người đồng tính nữ thường được gọi là "les"/"lesbian".

#### ***1.1.1.2. Giả thuyết về nguyên nhân đồng tính***

Có nhiều giả thuyết với nhiều cách lý giải khác nhau về nguyên nhân dẫn đến đồng tính. Đã có nhiều giả thuyết nêu rằng do di truyền học, sinh hóa học - nội tiết và các yếu tố cấu trúc. Song không giả thuyết nào được kiểm chứng cả, cuối cùng các nhà khoa học đã chia ra hai nguyên nhân chính dẫn đến đồng tính là do bẩm sinh và do yếu tố bên ngoài tác động.

#### ***\* Giả thuyết do bẩm sinh***



*- Giả thuyết dựa trên di truyền học*

Nói đến di truyền của người đồng tính người ta thường nói đến khuynh hướng tự nhiên hầu như không thể chữa trị được nội của cá nhân nào đó. Nhưng khuynh hướng tự nhiên di chuyển từ một người từ thế hệ trước sang một người thuộc thế hệ sau như thế nào, khoa học vẫn chưa chứng minh được. Có thời gian các nhà khoa học cho rằng đồng tính có thể mã hóa bằng gen, có nghĩa là có khả năng di truyền, song luận chứng này lại dựa trên cơ sở truyền thuyết cho rằng: Tồn tại một lúc nào đó, con người đã từng có 3 giống: "Giống đực", "giống cái" và "giống trung" có khả năng đóng vai trò cả đàn ông và đàn bà. Tuy nhiên về nguyên nhân này khoa học vẫn chưa có bằng chứng có tính thuyết phục.

Vào năm 1953, trong công trình khảo cứu "*Di truyền trong sức khỏe và rối loạn tinh thần*", E.j Kalhan đã tiến hành trên những trẻ sinh đôi hợp tử và song hợp tử đã cho thấy; trong mọi trường hợp sinh đôi đơn hợp tử, khi một đứa đồng tính, thì đứa kia cũng thế. Điều này không thấy ở những trường hợp sinh đôi song hợp tử. Nhưng ngay sau đó, đã có những công trình khác, lại có những chứng minh phản hồi lại ông, khi họ xác định được những trường hợp sinh đôi đơn hợp tử có khuynh hướng tình dục khác nhau.

Nhưng cho dù giải thích được trên cơ sở khoa học, người ta vẫn không thể lý giải được tại sao có những người đồng tính cơ quan sinh dục phát triển bình thường, cứ lao vào các cuộc tiếp xúc tình dục đồng tính mặc dù họ cứ bình thân sinh hoạt tình dục với người khác giới? Vấn đề đó còn là một dấu hỏi, đa số các nhà nghiên cứu ngã về ý tưởng cho rằng điều đó phụ thuộc nhiều vào việc giáo dục giới tính đúng đắn.

Theo BS. Trần Bồng Sơn, "bản tính là điều đa số các tác giả nhất trí, nhưng chưa ai hiểu tại sao, và nằm chỗ nào trong não, giả thuyết cho rằng có trục trặc ở hệ não viền vẫn chưa được chứng minh".

*- Giả thuyết dựa trên thần kinh - nội tiết và các yếu tố cấu trúc*

Theo tiến sĩ Vladirmir Sakhizanhia đồng tính xuất hiện là do một biểu hiện của thần kinh, đặc tính của nó là con người có xu hướng thực hiện các hành động khác nhau chống lại xã hội và phá hủy những chuẩn mực đã được xã hội chấp nhận và bao gồm cả các hiện tượng không kiểm soát được hành động của bản thân.

Theo ý kiến của các nhà nghiên cứu, nếu nói về đồng tính thì đa số các trường hợp là do phát triển không bình thường, sai lệch giới tính, nhưng tuyệt nhiên đây không phải bệnh tật. Tổ chất dẫn tới đồng tính có thể xuất hiện từ giai đoạn từ trong bụng mẹ khi trung tâm thần kinh điều khiển sự ham muốn tình dục được hình thành. Sự rối loạn của trung tâm thần kinh đó sẽ dẫn tới sự mất cân bằng hormone và dĩ nhiên sẽ làm rối loạn việc cung cấp nội tiết tố cho chức năng giới tính, và kết quả là sẽ có xu hướng tình dục lệch lạc.

**\* Giả thuyết do các yếu tố bên ngoài tác động**

*- Giả thuyết dựa trên các yếu tố giáo dục*

Theo tiến sĩ V.Sakhizanhia, người ta có thể làm bất kỳ một người nào đó trở thành đồng tính được. Theo ông, "việc giáo dục giới tính sai lệch, không có mục đích đúng đắn đối với người khác giới" đó chính là nguyên nhân làm một người bình thường bị đồng tính. Ngoài ra còn một số nguyên nhân khác như do tò mò hoặc bị ép buộc quan hệ tình dục với người đồng tính, sau đó vài lần thì trở thành thói quen, như là một sự lôi cuốn và cứ muốn tiếp tục việc ấy.

Ở Ailen, một nơi được coi là có nền văn hóa "trấn áp tình dục", qua khảo sát của các nhà khoa học thì "ở đó bà mẹ vốn là những người có uy tín nhất trong gia đình đã luôn nhồi nhét cho con trai những thành kiến đối với phái nữ. Các ông bố cũng thái độ ác cảm không kém. Đây có thể những yếu tố gây nên xu hướng tình dục đồng tính vốn đang diễn ra âm thầm trong cư dân địa phương".

Đôi khi các cuộc đồng tính ở thanh niên mang tính chất thủ dâm cùng nhau thì đó hoàn toàn không có nghĩa là họ những người đồng tính thật sự.

- *Giả thuyết dựa trên yếu tố văn hóa cá nhân*

Theo Hesnard, những người đồng tính nam là những người trong buổi ấu thơ đã chịu ảnh hưởng quá mạnh mẽ của một người phụ nữ nhiều nam tính. Có thể là mẹ, vú nuôi hay một ai đó có tác động trực tiếp đối với họ. Còn đồng tính nữ thì theo Hesnard nguyên nhân làm họ trở nên thế là do họ hình ảnh cha trong họ.

- *Giả thuyết dựa trên các yếu tố xã hội*

Mức độ đô thị hóa và sự phát triển xã hội càng cao bao nhiêu thì các hiện tượng đồng tính càng nảy sinh ra nhiều bấy nhiêu. Chúng ta đang sống trong một thế giới có thể được xem như là một thế giới đề cao bình đẳng, và như thế thì có quá nhiều lý do để cho khuynh hướng đồng tính có mảnh đất phát triển.

Với cuộc sống căng thẳng như hiện nay, nhiều thanh niên rất sợ lập gia đình khi chưa có sự nghiệp. Điều này, khiến cho số phụ nữ chưa chồng, ở mọi tầng lớp, mọi trình độ xã hội đang ngày càng gia tăng. Nhiều cô gái đã tìm đến nhau để thỏa mãn trước hết là về mặt tình cảm, nhu cầu cần thiết của phụ nữ nói chung, chứ không hẳn để được đáp ứng về mặt tình dục, và như thế cũng không thể xem đây là đồng tính thực sự.

Đồng tính cũng có thể xảy ra nơi những người thích chạy theo phong trào thị hiếu, dưới danh nghĩa "*tìm cảm giác mới lạ*", hoặc nơi những người làm cùng công việc đang được công chúng ngưỡng mộ; nơi những người nghiện ma túy ...

Ngoài những trường hợp trên, cũng có những người quan hệ tình dục đồng tính theo kiểu thiếu vắng người khác giới dài hạn như ở trại lính, trại giam... Việc này cũng có nguy cơ trở thành thói quen, nhất là khi đương sự còn trẻ và có sẵn một số yếu tố bị kích động bởi các chất kích thích thần kinh khác. Chẳng hạn những người đàn ông thuộc chủng tộc Tong (Mozambic) làm việc tại các hầm mỏ Nam phi và sống trong trại tập trung nam đã hình

thành một thói quen sinh hoạt tình dục đồng tính với sự thay đổi vai trò giới có tính chất định kỳ. Ở Xu Đãng, một số dân tộc của nước này có tục lệ tổ chức nam giới sống theo nhóm từ 22 đến 25 tuổi. Các thanh niên này không gian dúi với phụ nữ nhưng lại được quan hệ với cánh đàn ông.

Cũng có những trường hợp do hoàn cảnh xã hội thay đổi đột ngột khuynh hướng đồng tính luyến ái cũng phát sinh, chẳng hạn một người đàn ông thất vọng về vợ mình sẽ cảm thấy chán ghét những người khác phái và như vậy dễ chạy theo khuynh hướng đồng tính luyến ái. Tương tự cũng có thể áp dụng trong những trường hợp của phụ nữ ở các khu đô thị.

Như vậy, các giả thuyết trên đều có tính hợp lý và khoa học, nhưng vẫn chưa thật sự đầy đủ. Xét cho cùng, người đồng tính không ai giống ai, có người do bẩm sinh cũng có người do yếu tố xã hội bên ngoài tác động. Việc xác định nguyên nhân dẫn đến đồng tính sẽ góp phần làm xã hội nhìn nhận người đồng tính theo một chiều khác, cảm thông hơn, và hơn thế nữa nó là căn cứ để xây dựng quyền cho người đồng tính sau này.

### **1.1.2. Sự phát triển các qui định về quyền kết hôn đồng giới**

Hiện nay, trên thế giới có nhiều quan điểm về kết hôn đồng giới, có những quốc gia công nhận, ủng hộ hôn nhân đồng giới, nhưng cũng có những quốc gia không công nhận hôn nhân đồng giới mà coi đó là một trong những tội phạm mà có hình phạt rất nặng, thậm chí là tử hình như Iran, Mauritania, Pakistan, Saudi-Arabia, Sudan, các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Yemen, một số vùng của Nigeria và Somalia, Cộng hòa Chechnya ở Nga. Có nhiều lý do khiến cho kết hôn đồng giới không được công nhận do có những cản trở về vấn đề tôn giáo, vấn đề chính trị, vấn đề con người. Chính vì thế những người đồng giới muốn tồn tại họ phải "tự" thích nghi với qui định của mỗi quốc gia, và luật pháp ở một số quốc gia cũng có một số những quy định riêng của mình.

Nhiều người quan niệm rằng việc ghép đôi giữa hai con người chỉ là:

hôn nhân và không phải hôn nhân. Xong, trên thực tế pháp luật thế giới tồn tại rất nhiều các chế định khác nhau, thấp hơn hoặc tương tự như hôn nhân. Những chế định này có các tên gọi như quan hệ gia đình (domestic partnership), kết đôi có đăng ký (registered partnership), kết hợp dân sự (civil union) hay các tên gọi khác tùy vào từng quốc gia. Nhìn chung sự công nhận pháp lý mối quan hệ giữa hai người cùng giới có thể được phân vào ba nhóm chính:

- *Hôn nhân* là hình thức kết đôi có đăng ký với nhà nước, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với đầy đủ tất cả những quyền, nghĩa vụ và sự công nhận pháp lý như những cặp khác giới.

- *Kết đôi có đăng ký* là hình thức kết đôi có đăng ký với nhà nước, được cấp giấy chứng nhận "có quan hệ gia đình," "kết đôi có đăng ký" hoặc các tên gọi tương tự. Chế định này quy định cho những cặp cùng giới một tình trạng, quyền, nghĩa vụ và sự công nhận pháp lý tương đương (có thể có một vài ngoại lệ). Chế định này thường dành riêng cho những cặp cùng giới; nhưng một vài quốc gia cũng cho phép những cặp khác giới đăng ký theo hình thức này.

- *Sống chung không đăng ký* là hình thức kết đôi tự nguyện giữa hai người, không đăng ký với nhà nước. Chế định này áp dụng cho cả cặp cùng giới và khác giới, tự động phát sinh khi hai người đã chung sống thực tế với nhau một thời gian theo luật định. Hai người chung sống không đăng ký có một số quyền lợi và nghĩa vụ hạn chế liên quan tới tài sản, nhân thân.

Đối với Anh quốc, quá trình công nhận hôn nhân đồng tính cũng trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, nhưng cuối cùng ngày 18/7/2013 Nữ hoàng Elizabeth II đã phê chuẩn dự luật hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới tại Anh quốc. Đây là bước cuối cùng để dự luật này trở thành luật chính thức, và theo luật mới, kể từ mùa hè năm sau, các cặp đồng giới có thể "kết hôn" trong cả hai nghi lễ dân sự và tôn giáo. Luật này cũng cho phép các cặp đồng giới đã kết hợp dân sự (*civil partners*) hợp thức hóa quan hệ của mình.

Như vậy, Anh quốc đã trở thành quốc gia thứ 15 hợp pháp hóa quan hệ hôn nhân đồng giới.

Bên cạnh đó, có 25 quốc gia và 19 vùng lãnh thổ thừa nhận hình thức "kết đôi có đăng ký" cho các cặp đôi cùng giới. Hà Lan (Luật hôn nhân đồng giới ban hành năm 2001), Bỉ (ban hành Luật hôn nhân đồng giới năm 2003), Tây Ban Nha (năm thông qua: 2005), Canada (năm thông qua: 2005), Nam Phi (năm thông qua: 2006), Na Uy (năm thông qua: 2008), Thụy Điển (2009), Bồ Đào Nha (2010), Iceland (2010), Argentina (15/7/2010, là quốc gia đầu tiên ở khu vực Hoa Kỳ la tinh công nhận), Brazil (2011), Mexico (Mexico City, năm 2011), Hoa Kỳ (mới hợp pháp ở các tiểu bang Massachusetts, Connecticut, Iowa, Vermont, New Hampshire, Maryland, New York và gần đây nhất là thủ đô Washington công nhận vào tháng 2/2012); Đan Mạch (Luật hôn nhân được sửa đổi và thông qua vào tháng 3/2012, có hiệu lực vào ngày 15/6/2012), Uruguay (2013), New Zealand (2013) và Pháp (2013). Đặc biệt có ba quốc gia thừa nhận hình thức sống chung không đăng ký cho các cặp đôi cùng giới.

Các quốc gia công nhận đồng tính nhưng chưa cho phép kết hôn đồng giới: Aruba và Antilles (thuộc Hà Lan), Pháp, Israel, Hoa Kỳ (bang Rhode Island).

*Các quốc gia cho kết hợp dân sự và đăng ký cặp đôi:* Andorra, Czech, Phần Lan, Pháp, Đức, Greenland, Hungary, Luxembourg, New Zealand, Slovenia, Thụy Sĩ, Uruguay

*Các quốc gia chỉ công nhận đồng tính ở vài vùng:* Úc (Hạt Thủ đô Úc, Tasmania, Victoria), Mexico (Coahuila, Mexico City), Hoa Kỳ (California, Colorado, District of Columbia, Hawaii, Maine, New Jersey, Oregon).

*Các quốc gia vùng lãnh thổ đang tranh luận về kết hôn đồng giới:* Úc (Tasmania), Colorado, District of Columbia, Maine, Minnesota, New Jersey, Rhode Island, Liên minh châu Âu (Estonia, Pháp, Hy Lạp, Hungary, Ireland, Israel), Nepal, New Zealand, Philippines, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, Đài Loan,

Hoa Kỳ (California (Dự luật 8 California (2008).

*Các quốc gia cho phép kết hợp dân sự và đang tranh luận về đăng ký cặp đôi:* Liên minh châu Âu (Estonia, Faroe Islands, Ý, Ireland), Argentina, Úc, Áo, Brazil, Bulgaria, Chile, Costa Rica, Cuba, Ecuador, Mexico (Colima, Guerrero, Jalisco, Michoacans, Puebla, Veracruz), Hoa Kỳ (Arizona, Guam, Hawaii, Illinois, Montana, Nevada, Utah, Wisconsin).

## **1.2. QUI PHẠM PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ QUYỀN KẾT HÔN CỦA NGƯỜI ĐỒNG TÍNH**

Trong lịch sử, đồng tính luyến ái, dưới góc độ cá nhân, từng được ca tụng hoặc lên án vì mỗi xã hội có những chuẩn mực tình dục khác nhau. Ở những nơi đồng tính được ca ngợi, những quan điểm đó được coi là một cách làm cho xã hội tiến bộ. Ở những nơi đồng tính bị lên án, những hành vi cụ thể bị coi là một tội lỗi hoặc bệnh hoạn và một số hành vi đồng tính bị luật pháp cấm.

Từ giữa thế kỷ XX, đồng tính dần dần không còn bị xem là một căn bệnh và phạm pháp ở hầu hết các nước phát triển. Tuy nhiên, luật pháp về quan hệ đồng tính rất khác biệt ở các nước khác nhau. Ở nhiều nơi, vài hành vi đồng tính nào đó là phạm pháp và bị xử rất nặng bao gồm cả tử hình. Trên bình diện quốc tế, pháp luật quốc tế đã có những văn bản có tính chất làm nền tảng cho việc xây dựng quyền của người đồng tính. Một số văn bản quốc tế liên quan đến người đồng tính đó là : Hiến chương liên hợp quốc, Những nguyên tắc Yogyakarta, bộ luật nhân quyền do Liên hợp quốc soạn thảo bao gồm Tuyên ngôn nhân quyền ( được thông qua năm 1948) và Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị ( năm 1966) với hai nghị định thư đính kèm và công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Hai công ước chính đã được nhiều nước tham gia và có hiệu lực kể từ năm 1976; Công ước Cedaw ( năm 1979) do Đại hội đồng liên hợp quốc phê chuẩn) và Việt Nam tham gia ngày 29/7/ 1980, được phê chuẩn ngày 27/11/1981; Nghị quyết về nhân quyền về việc chống lại việc đối xử và bạo lực đối với người đồng tính,

song tính, và chuyên giới ( nghị quyết này được Việt Nam bỏ phiếu thông qua ngày 26/9/2014. Dưới đây, là ba văn bản tiêu biểu nhất.

### **1.2.1. Hiến chương Liên hợp quốc**

Từ cuối thế chiến thứ hai, Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế đã trình bày học thuyết để đảm bảo cho việc bảo vệ các quyền con người trong phạm vi quốc tế. Hiện nay, Liên hợp quốc vẫn giữ vững vai trò của mình là một cơ quan đứng đầu về bảo vệ quyền con người. Hiến chương Liên hợp quốc đã trở thành một văn kiện quan trọng nhất trong việc nâng cao Luật quốc tế về nhân quyền. Thực tế, Hiến chương không đưa ra bất kì một nghĩa vụ đặc biệt nào về quyền con người đối với các nước thành viên, ngoại trừ nghĩa vụ chung được đưa ra "hành động hỗ trợ và riêng biệt" để "đẩy mạnh sự tôn trọng, tuân theo sự tự do cơ bản và các quyền của con người đối với tất cả mọi người, không có sự phân biệt về giới tính, ngôn ngữ, hoặc tôn giáo".

Điều này vẫn còn là tiêu chuẩn cho sự đẩy mạnh các quyền cơ bản của con người bởi vì đây là lần đầu tiên các quyền con người được công nhận khắp nơi trên thế giới. Quyền con người được đề cập từ đầu đến cuối của Hiến chương kể cả trong lời nói đầu của Hiến chương.

Để đẩy mạnh quyền con người, một trong những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương đưa ra là bình đẳng, không phân biệt đối với tất cả mọi cá nhân. Lời nói đầu của Hiến chương đã tuyên bố rằng "công nhận các quyền cơ bản của con người, phẩm chất và giá trị của con người, và quyền bình đẳng giữa nam và nữ..." [5], tương tự, Điều 1 cũng quy định rằng "đẩy mạnh và động viên sự tôn trọng các quyền con người và sự tự do cơ bản đối với tất cả mọi người, không có bất cứ sự phân biệt nào về giới tính, ngôn ngữ hoặc tôn giáo" [5].

Chúng ta có thể thấy vấn đề xuyên suốt toàn bộ Hiến chương đó là quyền con người, nói rõ hơn đó là vấn đề về bình đẳng, bình đẳng về giới, bình đẳng về tôn giáo và bình đẳng về dân tộc. Xét về khía cạnh bình đẳng giới, trước đây, các quốc gia đều có tình trạng phân biệt nam nữ, có thể là



trọng nam khinh nữ hoặc ngược lại, vì thế Hiến chương Liên hợp quốc ra đời để ngăn chặn tình trạng này, nhưng ngày nay, có một xu hướng tính dục đồng tính tồn tại song song với xu hướng dị tính và vì thế bắt buộc Hiến chương phải được hiểu theo một hướng khác. Thực sự, trong vòng hơn 20 năm qua, Liên hợp quốc đã cố gắng để công nhận đồng tính như là một "xu hướng tính dục", để các quốc gia nhìn nhận họ có quyền bình đẳng. Tuy nhiên, mặc dù Liên hợp quốc có cố gắng đến đâu nhưng trong Hiến chương vẫn chưa ghi nhận quyền bình đẳng cho xu hướng tính dục đồng tính nên khi các quốc gia thừa nhận Hiến chương cũng có thể hiểu theo những chiều hướng khác nhau. Nhóm các nước nhìn nhận đồng tính nhưng không có pháp luật bảo vệ thì hiểu rằng quyền bình đẳng giới là bình đẳng giữa nam và nữ. Còn nhóm nước nhìn nhận đồng tính và có pháp luật bảo vệ lại cho rằng quyền bình đẳng giới là bao gồm nam, nữ và cả xu hướng đồng tính. Vấn đề này trước đây đã gây ra nhiều tranh cãi và chưa tìm ra được tiếng nói chung. Tình trạng đó đã đặt ra yêu cầu cho Liên hợp quốc phải có những biện pháp mạnh hơn để diệt trừ tận gốc sự phân biệt và ghi nhận sự công bằng đối với mọi người, sửa đổi Hiến chương để nó diễn tả sự bảo vệ quyền của người đồng tính.

Tháng 6 năm 2011 là một thời điểm lịch sử khi Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc đã thông qua Nghị quyết khẳng định: "mọi người đều có quyền bình đẳng, bất kể thiên hướng tính dục như thế nào". Đến ngày 7 tháng 3 năm 2012, Tổng thư ký Liên hợp quốc Ban Ki-Moon đã có bài phát biểu lịch sử kêu gọi các quốc gia trên toàn thế giới phi hình sự hóa đồng tính, chấm dứt kỳ thị với những người đồng tính, song tính và chuyển giới (thuật ngữ tiếng Anh viết tắt là LGBT). Như vậy, lần đầu tiên, người đứng đầu tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh đã đưa ra một thông điệp rõ ràng và đầy tính ủng hộ đối với vấn đề LGBT, và đây cũng là quan điểm của cả Liên hợp quốc khi gần đây liên tiếp có những động thái để giải quyết vấn đề kỳ thị phân biệt dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới. Những động thái này đã một lần nữa

khẳng định đồng tính chỉ là một xu hướng tính dục như bao xu hướng khác (dị tính, song tính, vô tính,...) và góp phần xóa bỏ quan niệm nặng nề tại các nước trên thế giới về cộng đồng đồng tính.

### **1.2.2. Tuyên ngôn nhân quyền năm 1948**

Vào ngày 10 tháng 12 năm 1948, Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền được công nhận bởi Liên hợp quốc. Tuyên ngôn này là công cụ pháp lý quốc tế đầu tiên tập trung vấn đề nhân quyền. Nó được xem như là tiêu chuẩn cho mỗi quốc gia, tổ chức, cá nhân để đạt được sự tôn trọng tự do và nhân quyền. Thực tế, tuyên ngôn này không chắc chắn là phương tiện thỏa thuận. Tuy nhiên, nó được xem như là thành phần trung tâm của tập quán pháp quốc tế và có lẽ vẫn còn được quy định bắt buộc cho mỗi quốc gia.

Theo đó, nội dung của Tuyên ngôn nhân quyền cũng bao gồm sự không phân biệt đối xử và công bằng, như là một thành phần cơ bản của luật nhân quyền quốc tế. Điều luật đầu tiên của nó đã đòi quyền lợi, như một lời tuyên bố bất hủ "Tất cả mọi người sinh ra đều được tự do và công bằng về quyền và nhân phẩm" [6]. Hơn nữa, ở Điều 2 Tuyên ngôn đã ngăn cấm các quốc gia có sự định kiến cá nhân chống lại những cá nhân khác, căn cứ vào các tiêu chuẩn sau "...như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị, hoặc các chính kiến và quan niệm khác, quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, tài sản, dòng dõi hoặc tình trạng khác" [6].

Khác biệt với Hiến chương, Tuyên ngôn này diễn tả một khoảng "mở" đó là "*tình trạng khác*" trở thành một dạng được bảo vệ, có nghĩa rằng đồng tính có thể được lý giải như một loại "*tình trạng khác*". Hơn nữa, từ "*mọi người*" được lặp lại nhiều lần trong hầu hết các quy định của Tuyên ngôn nhân quyền, ngoài ra các cụm từ như "*sự tự do*", "*không phân biệt đối xử*" và "*các quyền về sự công bằng*" được xem như gắn liền với mọi cá nhân.

Tuy nhiên, sự lý giải này không quy định một sự đảm bảo vững chắc cho cộng đồng đồng tính khi tồn tại những giới hạn trong Điều 29 của Tuyên ngôn:

Trong việc hành xử nhân quyền và thụ hưởng tự do, mọi người chỉ phải chịu những hạn chế do luật định, và những hạn chế này chỉ nhằm mục tiêu bảo đảm sự thừa nhận và tôn trọng nhân quyền, và quyền tự do của những người khác, cũng như nhằm thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng về luân lý, trật tự công cộng, và nền an sinh chung trong một xã hội dân chủ [6].

Thực tế, những người đồng tính hiện nay được đối xử hợp với đạo đức căn cứ vào nhiều quốc gia, vì thế những quốc gia có thể sử dụng điều khoản này để tiếp tục cản trở những người đồng tính khỏi việc đạt được quyền bình đẳng của họ. Tuy nhiên, sự luận giải để bảo vệ cho quyền của cộng đồng đồng tính có thể dựa trên một điều luật khác để bác bỏ Điều 29. Điều 30 của Tuyên ngôn đã nói rõ: "Không có một điều luật nào trong Tuyên ngôn này có thể được giải thích với hàm ý cho phép bất kỳ nhà nước, nhóm hoặc cá nhân nào được quyền tham gia vào bất cứ hoạt động nào nhằm mục đích hủy hoại bất kỳ quyền hoặc tự do đã được nêu trong tuyên ngôn này" [6]. Vì thế, quyền cơ bản của người đồng tính không thể bị lấy đi bởi vì Điều 29. Mặc dù có những sự giải thích này, nhưng nó vẫn còn quá sớm để khẳng định quyền của người đồng tính được ghi nhận trong Tuyên ngôn nhân quyền.

### **1.2.3. Những nguyên tắc Yogyakarta**

Để giải quyết những vấn đề về quyền cho người đồng tính, ngày 26 tháng 3 năm 2007, một nhóm chuyên gia nhân quyền đưa ra bộ Yogyakarta Principles (Nguyên tắc Yogyakarta) để áp dụng Luật Nhân quyền cho những vấn đề có liên quan đến khuynh hướng/xu hướng tính dục (sexual orientation) và bản dạng giới (gender identity). Nguyên tắc Yogyakarta bao gồm 29 nguyên tắc. Dưới đây là một số nguyên tắc cơ bản trong 29 nguyên tắc Yogyakarta, Các nguyên tắc này sẽ xác định nghĩa vụ của các quốc gia là phải tôn trọng, bảo vệ và thực hiện nhân quyền của tất cả mọi người bất kể khuynh hướng

tình dục hoặc giới tính của họ. Hiện nay các quốc gia của thế giới tự do đang vận động để đưa những Nguyên Tắc Yogyakarta vào trong pháp luật của họ. Trong đó có các quyền tự do dân chủ của công dân, ban hành các luật về những quyền chưa được cụ thể hóa như: quyền tự do lập hội, quyền tự do hội họp, quyền biểu tình, quyền được trưng cầu dân ý, quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền tiếp cận thông tin...

Quyền của người đồng tính được thể hiện rõ nhất trong một số nguyên tắc của bộ nguyên tắc này.

*Nguyên tắc 1: Quyền được hưởng sự hưởng thụ phổ quát của quyền con người*

Mọi con người được sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm giá và nhân quyền. Con người thuộc mọi xu hướng tính dục và bản dạng giới có quyền được hưởng đầy đủ tất cả quyền con người.

*Nguyên tắc 2: Quyền bình đẳng và không phân biệt*

Mọi người được quyền hưởng mọi quyền con người mà không bị phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục hay bản dạng giới. Mọi người được quyền hưởng sự bình đẳng trước pháp luật và sự bảo vệ của pháp luật mà không phải chịu sự phân biệt đó cho dù sự hưởng thụ của một quyền con người khác có bị ảnh hưởng hay không. Pháp luật sẽ nghiêm cấm bất kì sự phân biệt nào như thế và đảm bảo sự bảo vệ bình đẳng và hiệu quả để chống lại phân biệt đối xử.

Sự phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới bao gồm bất kì sự phân biệt, sự ngoại trừ, sự hạn chế hay lựa chọn dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới với mục đích hay tác động làm vô hiệu hóa hay làm suy yếu sự bình đẳng trước pháp luật hay sự bảo vệ công bằng của pháp luật, hay đối với sự thừa nhận, hưởng thụ hay thực hành, một cách bình đẳng, mọi quyền con người và tự do cơ bản. Sự phân biệt dựa trên xu hướng

tính dục và bản dạng giới có thể, và thường hay như thế, đi chung và làm cho sự phân biệt đối xử dựa trên các mặt khác, bao gồm giới tính, chủng tộc, tuổi tác, tôn giáo, sự tàn tật, sức khỏe và địa vị kinh tế, tồi tệ thêm.

*Nguyên tắc 3: Quyền được thừa nhận trước pháp luật*

Mọi người đều có quyền được công nhận là một con người trước pháp luật ở bất kì đâu. Người thuộc các xu hướng tính dục và bản dạng giới khác nhau có tư cách pháp lý đối với mọi khía cạnh cuộc sống. Xu hướng tính dục và bản dạng giới tự xác định của mỗi con người là không thể thiếu đối với nhân cách của họ và là một trong những khía cạnh cơ bản nhất của sự xác định bản thân, phẩm giá và tự do. Không một ai phải bị ép buộc trải qua những quy trình y khoa, bao gồm phẫu thuật thay đổi giới tính, sự triệt sản hay trị liệu hor-mon, như một yêu cầu để được thừa nhận bản dạng giới của mình. Không một quan hệ pháp lý nào, như hôn nhân và tư cách làm cha mẹ, được phép được xác lập để ngăn chặn sự thừa nhận hợp pháp của bản dạng giới của một người.

*Nguyên tắc 5: Quyền an toàn cá nhân*

Mọi người bất kể thuộc khuynh hướng tính dục hay bản dạng giới nào, đều có quyền an toàn cá nhân và được nhà nước bảo vệ trước bạo lực và những tổn hại cơ thể gây ra bởi chính phủ, cá nhân hay nhóm.

*Nguyên tắc 13: Quyền được hưởng an sinh xã hội và các biện pháp bảo trợ xã hội khác.*

Mọi người đều có quyền hưởng an sinh xã hội và các biện pháp bảo trợ xã hội khác mà không bị phân biệt đối xử vì lý do khuynh hướng tính dục hoặc bản dạng giới.

*Nguyên tắc 24: Quyền được lập gia đình*

Mọi người đều có quyền được lập gia đình, bất kể khuynh hướng tính dục và bản dạng giới của họ. Gia đình tồn tại ở nhiều hình thức khác nhau.

Không có gia đình nào phải chịu sự đối xử trên cơ sở khuynh hướng tính dục và bản dạng giới của bất kỳ thành viên nào trong gia đình đó.

Bộ nguyên tắc Yogyakarta là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên ghi nhận và bảo vệ quyền đồng tính. Bộ nguyên tắc này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tiến tới xóa bỏ hoàn toàn sự kỳ thị người đồng tính trên thế giới; các quốc gia đang xem xét, xây dựng Luật cho người đồng tính có thể xem bộ nguyên tắc này như nguồn để từ đó dựng lên một văn bản pháp luật phù hợp nhất cho quốc gia mình nhưng vẫn đảm bảo không vi phạm Luật quốc tế.

Dưới góc độ pháp luật quốc tế, các văn kiện quốc tế cũng như quan điểm của các tổ chức quốc tế hiện nay đã ghi nhận sự bình đẳng giữa các xu hướng tính dục cũng như bảo vệ quyền của người đồng tính, chống lại các hành động phân biệt, kỳ thị. Có thể nhận thấy vấn đề bảo vệ quyền của người đồng tính đang thực sự dần trở thành một trong những mối quan tâm, lo ngại của các quốc gia trên thế giới. Trong đó, quyền được sống, được hưởng chính sách an sinh xã hội bình đẳng như các chủ thể khác trong xã hội và quyền được kết hôn là những quyền đặc biệt, ảnh hưởng lớn đến chất lượng nhân quyền của những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội. Ví dụ như hôn nhân đồng giới hay hôn nhân đồng tính (hôn nhân của hai người có cùng giới tính sinh học hoặc giới tính xã hội được chấp nhận về mặt luật pháp hay xã hội) là một vấn đề về quyền công dân và là vấn đề chính trị, xã hội, đạo đức và tôn giáo ở nhiều quốc gia phương Tây. Những người ủng hộ hôn nhân đồng giới dựa trên quyền chung của con người, bình đẳng trước pháp luật và mục tiêu bình thường hóa mối quan hệ LGBT. Những người phản đối thường dựa vào việc từ hôn nhân có bao gồm cả các cặp cùng giới hay không. Các lý do khác là tác động trực tiếp và gián tiếp của hôn nhân đồng giới, vấn đề con cái, nền tảng tôn giáo, truyền thống và chủ nghĩa dị tính luyến ái. Nhiều

người ủng hộ hôn nhân đồng giới cho rằng sự phản đối hôn nhân đồng giới là do chúng ghê sợ đồng tính luyến ái chằm dứt kỳ thị trong tiếp cận hôn nhân dân sự đã trở thành vấn đề bức bách ở nhiều quốc gia. Đây cũng chính là những điều mà pháp luật Việt Nam cần xem xét, cân nhắc đưa ra những thay đổi nhất định để hòa nhập với sự thay đổi trong quan niệm về nhân quyền với thế giới.

### **1.3. TÁC ĐỘNG CỦA ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VIỆC KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI Ở MỘT SỐ NƯỚC**

Quan niệm về vấn đề kết hôn thì đối với nhiều người chỉ tồn tại hai khái niệm đó là: hôn nhân và không phải hôn nhân. Xong, trên thực tế, pháp luật thế giới tồn tại rất nhiều các chế định khác nhau, thấp hơn hoặc tương tự như hôn nhân. Những chế định này có các tên gọi như quan hệ gia đình (domestic partnership), kết đôi có đăng ký (registered partnership), kết hợp dân sự (civil union) hay các tên gọi khác tùy vào từng quốc gia. Nhìn chung, sự công nhận pháp lý mối quan hệ giữa hai người cùng giới có thể được phân vào ba nhóm chính sau đây (như đã phân tích ở phần trên).

Hôn nhân là hình thức kết đôi có đăng ký với nhà nước, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với đầy đủ tất cả những quyền, nghĩa vụ và sự công nhận pháp lý như những cặp khác giới.

Kết đôi có đăng ký là hình thức kết đôi có đăng ký với nhà nước, được cấp giấy chứng nhận "có quan hệ gia đình", "kết đôi có đăng ký" hoặc các tên gọi tương tự. Chế định này quy định cho những cặp cùng giới một tình trạng, quyền, nghĩa vụ và sự công nhận pháp lý tương đương (có thể có một vài ngoại lệ). Chế định này thường dành riêng cho những cặp cùng giới; nhưng một vài quốc gia cũng cho phép những cặp khác giới đăng ký theo hình thức này.

Sống chung không đăng ký là hình thức kết đôi tự nguyện giữa hai

người, không đăng ký với nhà nước. Chế định này áp dụng cho cả cặp cùng giới và khác giới, tự động phát sinh khi hai người đã chung sống thực tế với nhau một thời gian theo luật định. Hai người chung sống không đăng ký có một số quyền lợi và nghĩa vụ hạn chế liên quan tới tài sản, nhân thân.

Tại những quốc gia hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới, pháp luật đã định nghĩa lại khái niệm hôn nhân, bãi bỏ điều kiện giới tính của hai bên phối ngẫu(vợ/ chồng) dẫn đến việc ban hành một luật hôn nhân thống nhất không phân biệt giới tính. Ví dụ như Thụy Điển ghi trong luật hôn nhân của mình là "luật này áp dụng cho tất cả mọi người".

Ở những quốc gia hợp pháp hóa kết đôi giữa hai người cùng giới, bên cạnh hôn nhân giữa hai người khác giới, trong hầu hết trường hợp sự khác nhau chỉ nằm ở tên gọi. Luật pháp nhiều nơi quy định các quyền, nghĩa vụ dành cho kết đôi có đăng ký giữa hai người cùng giới là hoàn toàn giống với quyền, nghĩa vụ dành cho hôn nhân giữa hai người khác giới. Ví dụ Bộ luật kết đôi dân sự 2004 của Vương quốc Anh quy định những quyền và nghĩa vụ của hai cặp cùng giới trong Kết đôi Dân sự là hoàn toàn giống nhau với hôn nhân của hai cặp khác giới. Hoặc như Bộ luật Gia đình của bang California (Hoa Kỳ) có một hình thức kết đôi dành riêng cho người đồng tính có tên gọi là "quan hệ gia đình có đăng ký". Bộ luật Gia đình của bang tại đoạn 297.5(a) qui định rằng: "Các bên trong quan hệ gia đình có đăng ký có đầy đủ các quyền, sự bảo hộ, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ và bổn phận giống như các quy định dưới luật này". Có hai nguyên nhân chủ yếu mà nhiều nước bắt đầu thừa nhận quan hệ cùng giới bằng hình thức "kết đôi có đăng ký" hoặc "quan hệ dân sự" là do các nhà lập pháp không muốn thay đổi định nghĩa hôn nhân là giữa một nam và một nữ. Bên cạnh đó, các nhà lập pháp cũng muốn có một bước đệm, một khoảng thời gian chuyển tiếp để xã hội có thể thay đổi sự suy nghĩ cố hữu về hôn nhân là giữa một người nam và một người nữ.

Hình thức kết đôi có đăng ký là mô hình của kỹ thuật lập pháp "tách



biệt nhưng bình đẳng" (seperate but equal), với ý tưởng rằng không làm đụng chạm đến những chế định truyền thống, nhạy cảm, mà vẫn tạo ra được sự công bằng cho tất cả mọi người một cách hợp pháp. Tuy nhiên, quan điểm của những người ủng hộ hôn nhân không phân biệt giới tính là mặc dù quyền lợi của hai hình thức như nhau, nhưng khi nào vẫn còn sự phân biệt, nghĩa là vẫn chưa có được công bằng thật sự. Ở những quốc gia này, điều mà pháp luật hướng tới là thống nhất lại thành một chế định hôn nhân duy nhất dành cho tất cả mọi người.

Đó cũng là lý do ngày càng có nhiều nước chuyển từ hình thức kết hợp dân sự hay sống chung có đăng ký sang hình thức hôn nhân cùng giới. Kinh nghiệm một số nước trên thế giới cho thấy, vấn đề này nên được giải quyết theo lộ trình. Trước hết, Nhà nước thừa nhận quyền chung sống như vợ chồng của người đồng tính, sau đó mới có quy định thừa nhận hôn nhân giữa những người này. Ví dụ, Hà Lan quy định về việc đăng ký kết hợp dân sự giữa những người cùng giới tính vào năm 1998, nhưng đến năm 2001 mới thừa nhận chính thức hôn nhân hợp pháp giữa người cùng giới; Canada thừa nhận quyền chung sống của người đồng tính vào năm 1999, đến năm 2005 mới được thừa nhận quyền hôn nhân giữa họ với nhau... Tùy vào từng quốc gia mà thời gian chuyển đổi nhanh hay chậm như được trình bày ở bảng dưới đây.

**Bảng 1.1: Thời gian chuyển đổi ở các quốc gia**

Quốc gia	Tên gọi và năm bắt đầu công nhận quyền lợi, nghĩa vụ giữa hai người cùng giới	Năm áp dụng hôn nhân cùng giới/hôn nhân không phân biệt giới tính	Thời gian giữa hai cột mốc
Hà Lan	Quan hệ có đăng ký (1998)	2001	3 năm
Bi	Chung sống theo pháp luật (1998)	2003	5 năm
Argentina	Kết hợp dân sự (2002)	2012	8 năm
Tây Ban Nha	Nhận con nuôi của những cặp cùng giới (2004)	2005	1 năm
Canada	Phán quyết đầu tiên về lợi ích pháp	2005	16 năm

	lý giữa cặp đồng giới (1999)		
Nam Phi	Phán quyết đầu tiên về lợi ích pháp lý giữa cặp đồng giới (1994)	2006	12 năm
Na Uy	Quan hệ có đăng ký (1993)	2009	16 năm
Thụy Điển	Quan hệ có đăng ký (1995)	2009	14 năm
Bồ Đào Nha	Chung sống không đăng ký (2001)	2010	9 năm
Iceland	Quan hệ có đăng ký (1996)	2010	14 năm
Đan Mạch	Kết hợp dân sự (1989)	15/6/2012	22 năm

*Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu lập pháp (phục vụ kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII).*

Xác lập sự điều chỉnh lên một quan hệ xã hội cụ thể không chỉ dựa trên ý chí, quyền lợi của giai cấp thống trị mà còn phụ thuộc vào bản chất xã hội của quan hệ đó và mối liên hệ với các yếu tố khác. Yêu cầu công nhận, đề ra các biện pháp bảo vệ quyền của người đồng tính trong pháp luật sẽ được xem xét dựa vào các căn cứ:

Về mặt kinh tế, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã nói rộng khoảng cách giàu nghèo, gia tăng sự chênh lệch trong mức sống và sự hưởng thụ quyền lợi của các nhóm người trong xã hội. Trong đó các nhóm thiểu số yếu tiềm năng kinh tế, thiếu quyền lực chính trị là đối tượng dễ bị tổn thương dưới các tác động tiêu cực đó nhất. Pháp luật vì vậy cần có những điều chỉnh hợp lý để vừa thúc đẩy kinh tế phát triển, vừa hạn chế sự bất bình đẳng trong việc thụ hưởng quyền giữa các nhóm chủ thể khác nhau, vì xét cho cùng, mục đích của phát triển kinh tế là nhằm cải thiện đời sống cho nhân dân và đảm bảo công bằng xã hội. Dưới ảnh hưởng của sự kỳ thị, phân biệt đối xử, người đồng tính có thể được xem như đối tượng yếu thế trong xã hội. Khi tham gia vào các quan hệ kinh tế như: tìm kiếm việc làm, cơ hội thăng tiến trong công việc, vấn đề nhà ở... họ sẽ gặp nhiều trở ngại và có thể bị đối xử bất công. Hơn nữa, do người đồng tính chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trong dân số nên tiếng nói chưa được chú

trọng đúng mức; hệ quả là khả năng tự thân chống đỡ, tự bảo vệ khi quyền lợi chính đáng bị xâm phạm thường rất thấp. Nói cách khác, pháp luật cần có các cơ chế hữu hiệu để bảo vệ người đồng tính khỏi các xâm hại nói trên.

*Về mặt chính trị:* Khi ban hành pháp luật cần chú trọng tới địa vị pháp lý, quyền và lợi ích của các bên để có những quy định phù hợp. Thực tế cho thấy, với số lượng ít, chưa có sự góp mặt trên các diễn đàn pháp luật, người đồng tính chưa bày tỏ được quan điểm, nguyện vọng của mình để nhà làm luật xem xét và phát triển thành luật. Điều này không có nghĩa là chỉ đến khi người đồng tính lên tiếng thì pháp luật mới vào cuộc mà phải hiểu rằng, quyền được pháp luật bảo vệ các lợi ích chính đáng là đòi hỏi hợp lý của mọi công dân. Luật pháp khi ban hành phải tính đến quyền lợi chung cho cả cộng đồng, trong đó quyền của những nhóm người thiểu số, dễ bị tổn thương phải được chú ý đến. Nền luật pháp nếu không đề cập quyền lợi của số ít người yếu thế thì không thể là nền luật pháp dân chủ và tiến bộ. Đồng tính luyến ái không phải là hiện tượng xã hội có tính chất tạm thời. Sự tồn tại của hiện tượng này là tất yếu, xuất hiện ở mọi xã hội, trong mọi giai đoạn lịch sử. Sự phát triển của đời sống đã nâng cao các đòi hỏi về quyền tự do, quyền sống của con người. Trong bối cảnh đó, người đồng tính đã nảy sinh các mâu thuẫn với xã hội liên quan đến các yêu cầu được xã hội công nhận sự tồn tại của mình, được đối xử công bằng, được kết hôn như những người khác, với những giá trị truyền thống, chuẩn mực văn hóa, đạo đức lâu đời. Xung đột ngày một mạnh mẽ của các lợi ích ấy đòi hỏi cần có sự điều chỉnh hợp lý của pháp luật. Cần thiết phải có những quy phạm điều hòa, giải quyết mâu thuẫn trên để duy trì trật tự xã hội hợp lý đồng thời bảo vệ toàn diện các quyền cơ bản mà người đồng tính đáng được hưởng.

Có thể thấy rằng việc thừa nhận hôn nhân cùng giới là một xu hướng tất yếu của xã hội phát triển. Nhìn lại lịch sử việc thay đổi từ "tội phạm hóa đồng tính" đến loại đồng tính ra khỏi danh sách bệnh tâm thần ở Hoa Kỳ

(1973) và Tổ chức y tế thế giới (1990) đến việc Đan Mạch là nước đầu tiên thừa nhận hình thức kết hợp dân sự (1989) và Hà Lan thừa nhận hôn nhân cùng giới (2001) cho đến hiện tại đã có 35 nước và 29 vùng lãnh thổ có các hình thức khác nhau hợp pháp hóa quan hệ cùng giới để thấy xã hội loài người đã có những bước tiến dài trong việc bảo vệ quyền của người đồng tính. Các thay đổi này có được là nhờ phong trào xã hội bảo vệ quyền của người đồng tính. Tuy nhiên, việc thay đổi này được dựa trên hiểu biết đúng đắn của con người về đồng tính nhờ nhiều nghiên cứu khác nhau được tiến hành bởi các viện nghiên cứu, trường đại học trên thế giới. Các kết quả nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí có hội đồng khoa học đánh giá (peer-review) và báo cáo quốc gia về hôn nhân đồng giới và tác động xã hội ở các nước đã công nhận các hình thức chung sống của người đồng tính để cho thấy rằng những lo ngại này là không có cơ sở. Vậy dựa trên những cơ sở nào mà các nước căn cứ vào để công nhận hôn nhân đồng giới? Có lẽ việc không công nhận hoặc chưa công nhận hôn nhân đồng giới có thể do một số những lý do như vấn đề hôn nhân đồng giới sẽ làm suy giảm dân số, làm thay đổi thể chế hôn nhân khác giới truyền thống, chức năng nuôi dưỡng và xã hội hóa con trẻ trong gia đình không được đảm bảo? Dưới đây là một số những nghiên cứu tại các nước đã công nhận hôn nhân đồng giới về những vấn đề như đã nêu ở trên.

## *Chương 2*

# **NỘI DUNG PHÁP LUẬT VÀ NHỮNG HỆ QUẢ CỦA ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VIỆC KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI Ở MỘT SỐ NƯỚC**

### **2.1. NỘI DUNG PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VỀ VIỆC KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI**

Theo báo cáo của tổ chức ILGA (International Lesbian, Gay, Bisexual, Trans and Intersex Association) cho đến tháng 5/2010, có 32 quốc gia trên thế giới chấp nhận đồng tính nữ nhưng không chấp nhận đồng tính nam. Cũng theo báo cáo này, quan hệ đồng tính bị cấm tại 44 quốc gia trên thế giới, trong đó có một số quốc gia như Iran, Mauritania, Saudi Arabia, Sudan, Yemen và một phần của Nigeria, Somalia có thể xử phạt đến chết nếu phát hiện quan hệ đồng tính. Có thể thấy, dù đã có những tiến bộ trong việc giảm kỳ thị và từng bước tôn trọng quyền của người đồng tính nhưng những nỗ lực đó còn quá ít ỏi. Nhìn chung, trên phạm vi toàn thế giới hiện nay, người đồng tính vẫn chưa thực sự được bảo vệ bởi hệ thống chính sách pháp luật và thêm vào nữa một số quyền tự do cơ bản của họ vẫn bị vi phạm. Một số nước trên thế giới cho rằng, việc ngăn cấm kết hôn đồng tính là vi phạm nhân quyền. Tuy vậy, kết hôn đồng tính chưa được nhiều quốc gia công nhận, và cho rằng đó là việc vi phạm đạo đức truyền thống nghiêm trọng.

#### **2.1.1. Một số qui định pháp luật của quốc gia về kết hôn đồng giới**

Vấn đề hôn nhân đồng giới không còn là vấn đề mới trên thế giới mà sự tồn tại của nó đã có tính lịch sử. Vấn đề bảo vệ quyền của người đồng tính đang thực sự dần trở thành một trong những mối quan tâm, lo ngại của các quốc gia trên thế giới. Trong đó, quyền được sống, được hưởng chính sách an sinh xã hội bình đẳng như các chủ thể khác trong xã hội và quyền

được kết hôn là những quyền đặc biệt, ảnh hưởng lớn đến chất lượng nhân quyền của những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội. Ví dụ như hôn nhân đồng giới hay hôn nhân đồng tính (hôn nhân của hai người có cùng giới tính sinh học hoặc giới tính xã hội được chấp nhận về mặt luật pháp hay xã hội) là một vấn đề về quyền công dân và là vấn đề chính trị, xã hội, đạo đức và tôn giáo ở nhiều quốc gia phương Tây. Những người ủng hộ hôn nhân đồng giới dựa trên quyền chung của con người, bình đẳng trước pháp luật và mục tiêu bình thường hóa mối quan hệ LGBT. Những người phản đối thường dựa vào việc từ hôn nhân có bao gồm cả các cặp cùng giới hay không. Các lý do khác là tác động trực tiếp và gián tiếp của hôn nhân đồng giới, vấn đề con cái, nền tảng tôn giáo, truyền thống và chủ nghĩa dị tính luyến ái. Nhiều người ủng hộ hôn nhân đồng giới cho rằng sự phản đối hôn nhân đồng giới là do chúng ghê sợ đồng tính luyến ái. Chấm dứt kỳ thị trong tiếp cận hôn nhân dân sự đã trở thành vấn đề bức bách ở nhiều quốc gia.

Dưới đây là thống kê các nước hợp pháp hóa quan hệ cùng giới tính đến ngày 15/6/2012 đã có 11 nước hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới. Nếu tính những vùng lãnh thổ ở những quốc gia có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang (Hoa Kỳ, Mê-hi-cô, Úc...) thì số lượng quốc gia và vùng lãnh thổ hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới hiện tại là 21.

Bên cạnh đó, có 21 quốc gia và 19 vùng lãnh thổ thừa nhận hình thức "kết đôi có đăng ký" cho các cặp đôi cùng giới. Đặc biệt có ba quốc gia thừa nhận hình thức sống chung không đăng ký cho các cặp đôi cùng giới.

Như vậy, nếu tính tổng tất cả các hình thức luật pháp thừa nhận và bảo vệ quan hệ cùng giới thì đã có 35 quốc gia và 29 vùng lãnh thổ trên thế giới.

Cụ thể danh sách được trình bày ở bảng dưới đây.

**Bảng 2.1: Danh sách các nước hợp pháp hóa quan hệ cùng giới**

Hình thức	Số quốc gia công nhận	Số vùng lãnh thổ công nhận	Tổng số quốc gia và vùng lãnh thổ
Hôn nhân	11 (Hà Lan, Bỉ, Argentina, Tây Ban Nha, Canada, Nam Phi, Na Uy, Thụy Điển, Bồ Đào Nha, Iceland, Đan Mạch)	10 (Mexico: Mexico City; Hoa Kỳ: Connecticut, Iowa, Massachusetts, New Hampshire, New York, Vermont, Washington, Maryland và đặc khu thủ đô Columbia)	21
Kết đôi có đăng ký	21 (Andorra, Bỉ, Brazil, Colombia, Cộng hòa Séc, Ecuador, Phần Lan, Pháp, Đức, Greenland, Hungary, Ireland, Isle of Man, Jersey, Liechtenstein, Luxembourg, New Zealand, Slovenia, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh, Uruguay)	19 (Úc: New South Wales, Queensland, Tasmania, Victoria, địa hạt thủ đô Úc; Mexico: Coahuila; Hoa Kỳ: California, Colorado, Delaware, Hawaii, Illinois, Maine, New Jersey, Nevada, Oregon, Rhode Island, Washington, Wisconsin; Venezuela: Mérida)	40
Chung sống không đăng ký	3 (Úc, Croatia, Israel)	0	3
Tổng	35	29	-

*Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu pháp luật (phụ lục kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII)*

### **2.1.1.1. Hôn nhân đồng giới ở Cộng hòa Pháp**

Cộng hòa Pháp (République française), là một quốc gia lớn nhất Tây Âu và lớn thứ ba ở Châu Âu và có một số đảo và lãnh thổ nằm rải rác trên nhiều lục địa khác. Tuyên ngôn nhân quyền về dân quyền năm 1789 đến nay là hơn 500 năm vẫn còn nguyên giá trị. Những giá trị pháp lý về quyền cơ bản của con người luôn được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy là quốc gia có Tuyên ngôn nhân quyền về dân quyền từ rất sớm, song cũng giống như nhiều

nước trên thế giới để đi đến việc công nhận của pháp luật về kết hôn đồng giới nước Pháp đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh, đặc biệt là các cuộc biểu tình với quy mô lớn về ủng hộ hôn nhân đồng giới và cũng không ít những cuộc biểu tình phản đối hôn nhân đồng giới đã khiến tình hình chính trị tại Pháp trở nên căng thẳng.

Vào năm 1985, Quốc hội đã thông qua đạo luật cấm phân biệt đối xử với người đồng tính trong công việc, vấn đề nhà ở, cung cấp các hàng hóa, dịch vụ công và tư. Ngày 30/12/2004, luật về chống phân biệt đối xử và bình đẳng được ban hành, trong đó các Điều 20, 21 tại Mục 3 bổ sung thêm một số hành vi vi phạm pháp luật quy định ở Luật ngày 29/7/1881 bao gồm: hành vi gây tổn thương, lăng mạ, xúc phạm, xúi giục việc thù ghét hay bạo động hoặc kỳ thị một người, nhóm người vì giới tính, xu hướng tình dục hoặc bệnh tật của họ. Các hành vi tấn công, giết hại các nạn nhân đồng tính luyến ái sẽ bị xử phạt tùy theo mức độ. Người đồng tính được quyền quan hệ tình dục khi 15 tuổi, được gia nhập quân đội và hưởng hầu hết các quyền dân sự, kinh tế, chính trị khác giống như người dị tính. Pháp luật Pháp không thừa nhận kết hôn đồng giới nhưng cho phép các cặp đôi này chung sống dưới hình thức đối tác chung nhà (domestic partnership), được thông qua vào năm 1999. Các cặp đôi này được pháp luật bảo vệ, hưởng các quyền và nghĩa vụ như những cặp dị tính kết hôn khác. Họ được phép nuôi con của một trong hai người với một người khác giới trước đó nhưng không được quyền nhận nuôi con nuôi và thụ tinh nhân tạo. Ngày 23/4, Hạ viện Pháp đã thông qua Luật thừa nhận kết hôn đồng tính và nhận con nuôi của những cặp đồng tính. Trước đó, Thượng viện Pháp cũng đã thông qua Luật này. Luật này chỉ đợi Tổng thống Francois Hollande phê chuẩn.

Tổng thống Francois Hollande từ năm 2012 đã cam kết thực hiện việc hợp pháp hóa kết hôn đồng tính. Nhưng ở một quốc gia với hơn nửa dân số theo Thiên Chúa giáo như Pháp, thì vấn đề kết hôn đồng tính vấp phải sự



phản đối mạnh mẽ. Đây cũng là lý do chính khiến những cuộc biểu tình phản đối kết hôn đồng tính thường xuyên xảy ra tại Pháp. Một số người quá khích đã dùng cả súng để đe dọa những người đồng tính.

Ngày 18/5/2013 Tổng thống Pháp Francois Hollande đã ký thông qua dự luật hôn nhân đồng tính. Quyết định này đưa Pháp trở thành quốc gia thứ 9 ở châu Âu và thứ 14 trên thế giới công nhận hôn nhân đồng tính và cho phép các cặp đồng tính nhận con nuôi. 10 ngày sau khi Tổng thống Pháp ký dự luật trên, cặp đồng tính đầu tiên có thể tổ chức lễ kết hôn.

Phát biểu sau khi ký dự luật trên, ông Hollande cho biết: "Tôi muốn nói rằng, luật này sẽ công nhận một quyền mới, mang lại bình đẳng cho tất cả mọi người. Đây cũng là luật của sự đồng thuận, hòa hợp và tiến bộ".

Trước đó một ngày, Tòa án hiến pháp của Pháp đã thông qua dự luật trên, trong đó phán quyết rằng dự luật này không vi phạm các nguyên tắc của hiến pháp cũng như "các quyền cơ bản, tự do hay chủ quyền quốc gia". Tòa án cũng bác bỏ sự phản đối của phe đối lập cánh hữu.

Vấn đề hôn nhân đồng tính đã chia rẽ nước Pháp với các cuộc biểu tình đường phố thu hút hàng trăm ngàn người chống lại dự luật và thường bùng nổ thành bạo lực. Các chiến dịch phản đối đã làm thay đổi ý kiến cử tri và chia đều cho hai vấn đề hôn nhân đồng tính và nhận con nuôi. Ngày 29/2 Vincent Autin (40 tuổi) và Bruno (30 tuổi) đã tổ chức lễ cưới tại tòa thị chính Montpellier (Pháp), đây trở thành đám cưới đồng tính đầu tiên được tổ chức hợp pháp tại quốc gia này. Tại lễ cưới, Helene Mandroux, Thị trưởng Montpellier, cho rằng sự kiện này đã đánh dấu "*Một khoảnh khắc lịch sử cho nước Pháp*". Bộ luật mới cho phép các cặp đồng tính làm thủ tục hôn nhân và xin con nuôi được Quốc hội Pháp thông qua ngày 23/4 và được ban hành hôm 18/5/2013.

Như vậy sau khi được pháp luật chính thức thừa nhận hôn nhân đồng tính thì tại Pháp hiện nay có ba hình thức chung sống được pháp luật phân biệt. Sự chung sống ở đây được mở rộng ra khỏi phạm vi giữa một người đàn

ông và một người đàn bà, mà còn gồm cả những người đồng tính luyến ái, cùng là đàn ông, hay cùng là phụ nữ. "*Tất cả*" mọi người được chính thức "*kết hôn*" với nhau, mở ra cho họ nhiều quyền lợi về thuế má, trợ cấp xã hội, thừa kế, xin con nuôi, lương hưu trí... Dưới đây là ba hình thức sống chung được pháp luật của Pháp phân biệt:

*Le concubinage*: sống chung không có hôn thú, không có hợp đồng, khái niệm chỉ vị trí trong xã hội là "compagne" (bạn đường). Hai người, khác giới tính hay đồng giới tính, sống chung với nhau một cách tự nhiên. Hình thức này rất ít được pháp luật bảo vệ, về hành chính được xem như hai cá nhân riêng biệt.

Với hình thức này thì cả hai đều không có nghĩa vụ sống chung thủy với nhau, không bị bắt buộc tương thân tương trợ cho nhau, không có quyền thừa kế, nếu không có di chúc, không có lương hưu góa bụa của nhau. Khi nào muốn chia tay nhau thì đường ai nấy đi, rất dễ dàng, nhanh chóng. Con cái là con "tự nhiên", mang họ mẹ hay họ cha, nếu người cha nhìn nhận. Họ không có quyền xin con nuôi. Không có thay đổi và ghi nhận về hộ tịch. (Ví dụ như bà Valérie Trierweiler vẫn giữ tên chồng cũ của mình là Trierweiler, khi chung sống với ông François Hollande).

*Le PACS*: sống chung có hợp đồng giữa hai người cùng giới tính hay khác giới tính, khi nào không muốn sống chung với nhau nữa thì tuyên bố hủy hợp đồng, đồng thời không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ chung thủy.

Hình thức này được pháp luật bảo vệ trên một số bình diện nhất định. Họ không có lương hưu góa bụa của nhau, người này không phải là thừa kế của người kia, nếu không có di chúc. Không có thay đổi và ghi nhận về hộ tịch. Con cái là con "tự nhiên", mang họ mẹ hay họ cha, nếu người cha nhìn nhận. Họ không có quyền xin con nuôi. Theo Bộ luật Dân sự Pháp, PACS phải được đăng ký tại công chứng viên hoặc Tòa án. PACS cũng có những điều kiện về độ tuổi hoặc về quan hệ trực hệ như điều kiện kết hôn. Việc đăng

ký, thay đổi, chấm dứt PACS đều được ghi lại trong giấy tờ hộ tịch của hai bên. Hợp đồng PACS sẽ kết thúc khi 1 trong 2 người chết hoặc kết hôn hoặc 1 trong 2 bên muốn chấm dứt thì chỉ cần gửi thư đến nơi đăng ký.

Vào năm 1999 khi PACS ra đời, những sự kiện này không được ghi trên giấy tờ hộ tịch mà chỉ ghi trong sổ theo dõi của Tòa án hoặc cơ quan đăng ký; sau năm 2006, những thông tin trên mới được ghi vào giấy tờ hộ tịch của cả hai bên.

Về quan hệ nhân thân của cặp đôi PACS: Những người trong cặp PACS có các nghĩa vụ trong đời sống chung nhưng không tạo thành một gia đình, không có nghĩa vụ chung thủy và không có quyền có quan hệ cha, mẹ, con. Riêng đối với các cặp PACS đồng giới, họ có quyền nhận con nuôi riêng, nhưng không có con nuôi chung của cả cặp. Họ cũng không có quyền nhận con riêng của người kia làm con nuôi của người còn lại.

Về chế độ tài sản của cặp đôi PACS: Trừ những khoản nợ chung phục vụ cho đời sống của hai bên, mỗi người sẽ tự định đoạt, sử dụng tài sản riêng của mình và chịu trách nhiệm trên những tài sản riêng đó. Tài sản mua chung hoặc mua từ nguồn riêng nhưng không có tuyên bố đó là tài sản riêng thì sẽ được nhập vào khối tài sản chung. Nhà ở chung cũng theo quy định của chế độ nhà ở chung trong hôn nhân. Tuy nhiên, họ không có quyền thừa kế tài sản của nhau hoặc không có tiền tuất khi một trong hai người chết.

*Le mariage*: sống chung có kết hôn chính thức, có hôn thú giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Khái niệm vị trí trong xã hội là "époux/épouse", hay "conjoint", "mari/femme" (chồng/vợ).

#### **2.1.1.2. Hôn nhân đồng giới ở Mỹ**

Luật gia đình hoa kỳ có đặc điểm là luật tiểu bang, với nghĩa là mỗi tiểu bang có quy định riêng về hôn nhân và đình, không có luật đình Hoa Kỳ theo nghĩa là luật quốc gia và đồng nhất cho toàn liên bang.

Ở Hoa Kỳ không phải tất cả các bang đều công nhận hôn nhân đồng

giới. Chính vì vậy một cặp đồng tính được công nhận ở bang này nhưng lại không được chấp nhận ở bang khác. Ví dụ : Một cặp đồng tính được công nhận ở Newyork, nhưng khi họ di chuyển đến ở California thì không được luật pháp của bang này chấp nhận. Sự không đồng đều của pháp luật của mỗi bang của Hoa kỳ đã khiến cho những cặp đồng tính gặp nhiều khó khăn vì vậy các cặp đôi đồng tính họ phải lựa chọn đến những nơi mà luật pháp thừa nhận hôn nhân đồng tính để đăng ký. Chính vì sự không đồng đều về mặt luật pháp nên quyền con người đã bị đã không được thừa nhận một cách đầy đủ. Nhiều phong trào đòi quyền hôn nhân và quyền lợi cho các cặp đồng giới tính bắt đầu vào đầu những năm 1970. Nhưng cho đến nay, đã hơn 40 năm qua, nó vẫn còn là vấn đề gây chia rẽ trong cả nhân dân và chính giới Hoa Kỳ, chưa giải quyết dứt khoát được. Có thể thấy rằng, Mỹ là một trong những nước có ý kiến trái chiều về hôn nhân đồng tính gay gắt nhất. Vấn đề đã trở nên càng nổi bật lên hơn trong chính trị Hoa Kỳ vào giữa thập niên 1990 sau khi Quốc hội thông qua Dự luật Bảo vệ hôn nhân năm 1996 và Tổng thống Bill Clinton đã ký thành luật ngày 21/9/1996 gọi tắt là DOMA (Defense of Marriage Act). Theo luật DOMA, Chính phủ liên bang định nghĩa hôn nhân tại phần 3 định nghĩa hôn nhân gia đình trong việc xác định ý nghĩa của bất kỳ đạo luật của quốc hội của bất kỳ phán quyết quy định hoặc giải thích những cơ quan hành chính, các cơ quan của Hoa kỳ từ “ hôn nhân” có nghĩa chỉ có một bên liên minh pháp lý giữa một người nam và một người nữ như vợ chồng chỉ đề cập đến một người khác phái là một người chồng hay một người vợ”. Như vậy, theo định nghĩa này thì pháp luật Hoa kỳ chỉ công nhận hôn nhân là một sự kết hợp hợp pháp giữa một người đàn ông và một người đàn bà, vì các mục tiêu cho liên bang, như việc khai báo cho việc giảm thuế đối với các cặp vợ chồng và việc nhận được các quyền lợi về an sinh xã hội của người hôn phối quá cố và cho phép một bang hay vùng lãnh thổ nào của Hoa Kỳ có quyền nhận hay không nhận hôn nhân đồng giới tính mà một bang khác đã thừa

nhận. Như vậy luật này vẫn không cấm bất kỳ bang hay vùng lãnh thổ nào cho tiến hành hôn nhân giữa hai người đồng giới tính.

Trong khi đó, ở các nước khác, hôn nhân đồng giới tính từ từ giành được chỗ đứng. Tình hình quốc tế này dội vào dư luận Hoa Kỳ, cho nên vào đầu thế kỷ XXI, sự ủng hộ của công chúng Hoa Kỳ cho tính hợp pháp của hôn nhân đồng giới tính tăng lên đáng kể. Trong các cuộc thăm dò dư luận, đa số người Hoa Kỳ vẫn còn chống đối các quyền hôn nhân đầy đủ cho các cặp đồng giới tính, mặc dầu khoảng sai biệt đang thu hẹp dần. Các kết quả chứng tỏ một sự dễ chịu hơn trong thái độ hướng về hôn nhân đồng giới tính từ cuộc thăm dò tháng 7/2004 của Pew Research Center, trong đó 56% chống và 32% ủng hộ đám cưới hợp pháp của các người đồng tính nam và nữ. Tới cuộc thăm dò dư luận toàn quốc vào tháng 5/2008 do Pew Research Center for the People & the Press thực hiện thì 49% người Hoa Kỳ chống hôn nhân đồng tính trong khi 38% chấp nhận. Và tới năm 2010, hai lần thăm dò dư luận của kênh CNN và Associated Press cho thấy sự ủng hộ cho hôn nhân đồng giới tính tại Hoa Kỳ lần đầu tiên đã vượt 50%. Tuy nhiên, các kết quả thăm dò vẫn còn thay đổi lớn, và vấn đề còn có tính chia rẽ chính trị tại Hoa Kỳ. Các dân biểu và nghị sĩ Đảng Cộng hòa và các Tổng Giám mục ở các Giáo khu Ki tô giáo thì không chấp nhận hôn nhân đồng giới tính, trong khi các dân biểu, nghị sĩ Đảng Dân chủ và thành viên các tôn giáo khác Ki Tô thì có xu hướng chấp nhận hôn nhân đồng giới tính. Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ phát triển như một pháo đài của việc thừa nhận của chính quyền về các mối quan hệ đồng giới tính, với tình trạng kết hôn hợp pháp trong 5 bang. Bang Massachusetts là bang đầu tiên ở Hoa Kỳ chấp nhận hôn nhân đồng giới tính năm 2004. Hiện nay, giấy chứng nhận hôn nhân đồng giới đã được cấp tại 8 bang trên toàn nước Hoa Kỳ.

Có những bang hay vùng lãnh thổ mà hôn nhân đồng giới tính chưa được luật pháp cho tiến hành thì người ta tìm cách "*lách luật*" theo nghĩa là

luật pháp công nhận các cuộc hôn nhân đồng giới tính đã thực hiện tại các bang hay nơi khác. Chẳng hạn, Thống đốc Paterson của New York đã ký lệnh năm 2008 rằng New York sẽ công nhận hôn nhân đồng giới tính được thực hiện trong các bang khác, và Chánh án Tối cao Patrick Lynch của bang Rhode Island năm 2007 đã khuyến cáo bang nên chấp nhận các đám cưới đồng giới tính thực hiện ở các nơi khác. Hội đồng thành phố District of Columbia cũng đã bỏ phiếu ngày 7/4/2007 để công nhận các đám cưới đồng giới tính thực hiện ở nơi khác. Một hình thức khác là "*đi đường vòng*", nghĩa là chấp nhận một số hình thức thay thế hôn nhân (alternatives), trong đó có hai hình thức là Civil union (Kết hợp dân sự) và Domestic partnership (Hợp tác gia đình). Đây là hai hình thức thay thế hôn nhân theo nghĩa là tuy không được công nhận là hôn nhân, nhưng hai người đồng giới tính có quyền chung sống với nhau và được hưởng một số quyền lợi và nghĩa vụ nào đó trong luật hôn nhân tùy theo quy định của từng địa phương. Đầu tiên được thành luật tại Hawaii năm 1977, Hợp tác gia đình (Domestic partnership) thay đổi về một số quyền lợi và nghĩa vụ mà họ phải tuân theo. Luật của Hawaii (1977), cũng như luật của Maine (2004) và Nevada (2009) là có hạn chế một số quyền lợi của hôn nhân. Nhưng luật của California (1999), Oregon (2007) và bang Washington (2009) cho các cặp đồng tính sống chung theo các hình thức kết hợp dân sự hay hợp tác gia đình hưởng tất cả mọi quyền hợp pháp của hôn nhân, bao gồm các quyền lợi được giảm thuế, các quyền tới thăm ở bệnh viện, chấp thuận việc hiến nội tạng và thừa kế. Các bang Maine, Connecticut, New Jersey và vùng District of Columbia đã chấp nhận hình thức Kết hợp dân sự và Hợp tác gia đình. Luật trong một bang hay vùng cũng bị đảo ngược tùy theo ảnh hưởng của tôn giáo hay xu hướng chính trị của các dân biểu, nghị sĩ địa phương. Chẳng hạn, Tòa thượng thẩm bang California đã phán quyết ngày 15/5/2008 chấp nhận hôn nhân đồng giới tính, và từ 16/5/2008 bang California bắt đầu thực hiện kết hôn cho các cặp đồng giới tính. Nhưng cuộc bầu cử tháng

11/2008 tại bang California đã làm vô hiệu hóa phán quyết của Tòa thượng thẩm California bằng cách thông qua Proposition 8 (hay California Marriage Protection Act - Đạo luật bảo vệ hôn nhân bang California) sửa đổi Hiến pháp bang California để "chỉ có hôn nhân giữa một người đàn ông và một người đàn bà là được thừa nhận tại California", và đạo luật này có hiệu lực từ ngày 5/11/2008. Đạo luật này không ảnh hưởng đến các hình thức Kết hợp dân sự và Hợp tác gia đình, cũng như vẫn công nhận có giá trị các hôn nhân đồng giới tính được thực hiện tại California trước ngày 5/11/2008. Vì vậy có hơn 18.000 cặp đồng giới tính vội vàng làm lễ kết hôn trước ngày 5/11/2008 tại California.

Trong thời Tổng thống George W. Bush, Quốc hội đã cố gắng hai lần, năm 2004 và 2006, và mặc dầu có sự ủng hộ của Tổng thống Bush, các biện pháp đều thất bại trong việc gom đủ 2/3 số người ủng hộ cần thiết để sửa đổi Hiến pháp để cấm hôn nhân đồng giới tính trên phạm vi toàn quốc. Tổng thống Barack Obama nói ông tin rằng "Hôn nhân là giữa một người đàn ông với một người đàn bà", nhưng ông đã bỏ phiếu chống lại một sự sửa đổi hiến pháp được đề nghị để cấm hôn nhân đồng giới tính khi một thượng nghị sĩ Hoa Kỳ nói rằng quyết định nên đưa lên cho nhà nước. Ông đã nói ông khuyến khích các bang chấp nhận các hình thức thay thế hôn nhân như kết hợp dân sự và hợp tác gia đình. Như vậy, Tổng thống Obama và nhiều người trong Quốc hội đã đứng trung lập về vấn đề này, bằng đề nghị các bang chấp nhận các hình thức thay thế của hôn nhân, nhưng cho tới nay, không một ai trong Đồi Capitol (Capitol Hill) đề nghị một sự thay đổi các luật hôn nhân của liên bang. Nhưng từ tháng 11/2010, Đảng Cộng hòa đã thắng đậm Đảng Dân chủ tại các địa phương, cũng như trong Quốc hội và thượng viện của Chính phủ Liên bang, cho nên các nhà chính trị tại một số bang có thể lại nghiêng hơn về phía cấm hôn nhân đồng giới tính. Chẳng hạn, các nhà chính trị bang Minnesota đã thông qua một dự luật cấm hôn nhân đồng giới tính mà sẽ được

đưa ra bầu phiếu trong bang vào năm 2012. Theo Minnesota Public Radio, Hội đồng gia đình Minnesota chống hôn nhân đồng giới tính (Anti-gay marriage Minnesota family council) và nhà thờ Catholic (Catholic church) cả hai đã vận động hành lang một cách tích cực để luật cấm này có thể ra đời. Mặc dầu Đảng Cộng hòa đang thắng thế Đảng Dân chủ trên các diễn đàn của ngành lập pháp tại các bang và Liên bang, và mặc dầu sự chống đối của các giới chức Ki Tô giáo, trong thực tế việc sống chung của các cặp đồng giới tính ở Hoa Kỳ vẫn tăng lên. Các chuyên gia luật pháp và chính trị nói con số các cặp đồng giới tính đang lớn dần trong nước sẽ tạo ra sức ép xã hội và sau cùng chính trị hướng về phía tự do hóa luật hôn nhân càng lớn hơn. Những thách thức luật pháp mới sẽ càng căng thẳng lên khi các cặp đồng giới tính chuyển chỗ ở tới các bang công nhận các quyền của hôn nhân của họ.

Kết quả một cuộc thăm dò công bố hồi trung tuần tháng 3/2011 cho thấy, đa số người dân Hoa Kỳ ủng hộ hôn nhân của những người đồng tính. Cụ thể, đã có tới 53% số người trả lời cho rằng, nên hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính. Đây là lần đầu tiên số người ủng hộ hôn nhân đồng tính chiếm đa số. Trong thời gian gần đây, Hoa Kỳ liên tục có những quyết sách mới mang tính cổ vũ mạnh mẽ cho quyền của cộng đồng LGBT như bãi bỏ chính sách "Không hỏi, đừng nói", hợp pháp hóa hôn nhân và chung sống đồng giới tại một số bang, tăng cường hỗ trợ các tổ chức LGBT trên thế giới. Hoa Kỳ đã có bước đi quan trọng trong việc giải quyết vấn đề này trên phạm vi quốc tế. Ngoại trưởng Hoa Kỳ Hillary Clinton đã có một bài phát biểu mang tính lịch sử với ngôn ngữ mạnh mẽ hiếm thấy. Clinton cũng trở thành ngoại trưởng đầu tiên đưa việc bảo vệ quyền của người đồng tính lên thành một phần quan trọng trong chính sách ngoại giao toàn cầu của Hoa Kỳ. Vào ngày 6/12/2011 tại Geneva (Thụy Sĩ), bà Clinton đã gọi vấn đề quyền của người LGBT là "một trong những thách thức còn lại về nhân quyền trong thời đại của chúng ta". Vừa quả quyết và cũng rất thận trọng, bà nhấn mạnh rằng trong lúc thực thi



những thay đổi, cũng phải nhận thức rằng những quan điểm chỉ có thể trở nên mềm dẻo hơn thông qua việc tôn trọng đối thoại giữa các quốc gia. Các chuyên gia luật pháp và chính trị nói con số các cặp đồng giới tính đang lớn dần trong nước sẽ tạo ra sức ép xã hội và sau cùng chính trị hướng về phía tự do hóa luật hôn nhân càng lớn hơn. Những thách thức luật pháp mới sẽ càng căng thẳng lên khi các cặp đồng giới tính chuyển chỗ ở tới các bang công nhận các quyền của hôn nhân của họ.

Qui định như phần 3 của Luật DOMA, đã trái với Hiến pháp Hoa Kỳ, chính vì vậy, ngày 26 tháng 06 năm 2013 Tòa án tối cao, với phiếu biểu quyết 5-4 cho 2 vụ kiện từ tiểu bang California, đã vô hiệu hóa Điều 3 của đạo Luật Bảo vệ hôn nhân (Section 3 of the Defense of Marriage Act - DOMA - 1996) và buộc chính phủ liên bang công nhận các cuộc hôn nhân đồng tính, đã đăng ký kết hôn tại những tiểu bang mà hôn nhân đồng tính hợp pháp, những quyền cơ bản như kết hôn và di trú mà những cặp vợ chồng nam nữ được luật pháp bảo vệ. Nhiều kênh báo chí cho rằng quyết định này của Tòa án tối cao sẽ trở thành tiền lệ cho công cuộc đấu tranh của cộng đồng đồng tính nhằm hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính trên toàn nước Mỹ.

Ngày 02 tháng 07 năm 2013, Tổng Thư Ký Janet Napolitano của Bộ An ninh Quốc gia (Department of Homeland Security - DHS), theo chỉ định của Tổng thống Obama, thông báo rằng dựa vào quyết định của Tòa án tối cao vừa qua thì luật DOMA, đã từng từ chối rất nhiều quyền lợi liên bang đối với nhiều cặp hôn nhân đồng tính và quyền lợi nhập cư là một trong những lợi ích này, đi ngược với hiến pháp Hoa Kỳ. Và dưới sự chỉ đạo của bà Janet Napolitano, USCIS đã thông báo rằng các hôn nhân đồng tính giữa công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ với người ngoại kiều có thể tiến hành hồ sơ bảo lãnh theo diện đoàn tụ gia đình.

Tuy nhiên, với quyết định của Tòa án tối cao thì những quyền lợi cơ bản này chỉ được công nhận tại những tiểu bang mà hôn nhân đồng tính đã

được hợp pháp mà thôi, và tính tới thời điểm hiện nay, ngày 10 tháng 07 năm 2013, chỉ có 13 tiểu bang là California, Connecticut, Delaware, Iowa, Maine, Maryland, Massachusetts, Minnesota, New Hampshire, New York, Rhode Island, Vermont, và Washington, và Washington D.C., và 5 bộ lạc thổ dân Hoa Kỳ (Native American tribes) công nhận các hôn nhân đồng tính hợp pháp. Trong khi một số quyền hạn đã hợp pháp hôn nhân đồng tính qua những quyết định của tòa án, hành động lập pháp, và bỏ phiếu bầu cử của người dân, thì 6 tiểu bang vẫn nghiêm cấm hôn nhân đồng tính do bộ phận lập pháp ban hành và 29 tiểu bang vẫn không công nhận hôn nhân đồng tính qua hiến pháp của tiểu bang. USCIS sẽ xem xét nơi đăng ký kết hôn của các cặp hôn nhân đồng tính, vì vậy khi mong muốn tiến đến hôn nhân với người đồng tính, hai người bạn đời đồng tính muốn đăng ký kết hôn tại một trong những tiểu bang hoặc địa điểm có công nhận hôn nhân đồng tính để hôn nhân của họ được pháp luật liên bang công nhận.

### ***2.1.1.3. Hôn nhân đồng giới ở Tây Ban Nha***

Tây Ban Nha hay Vương quốc Tây Ban Nha (Reino de España) là một nước nằm trên bán đảo Iberiaphía tây nam châu Âu. Vùng đất chính giáp Địa Trung Hải, và một phần nhỏ giáp lãnh thổ Vương quốc Anh Gibraltar, về phía đông và phía nam, giáp Pháp, Andorra và vịnh Biscay về phía bắc và giáp Đại Tây Dương và Bồ Đào Nha về phía tây và Tây Bắc. Tây Ban Nha là một quốc gia dân chủ và quân chủ lập hiến phát triển với nền kinh tế phát triển. Vấn đề hôn nhân đồng giới sớm được quốc gia này công nhận đứng thứ ba thế giới sau Hà Lan, và Bỉ. Tuy nhiên cũng như các quốc gia khác để việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới Tây Ba Nha cũng gặp không ít những khó khăn đặc biệt là sự phản đối mạnh mẽ từ phía nhà thờ thiên chúa La Mã.

Trong thập niên 1990 và đầu thập niên 2000, nhiều hội đồng thành phố và cộng đồng tự trị đã cho phép đăng ký kết hợp dân sự nhằm đem lại quyền lợi cho những cặp không cưới nhau đối với bất kỳ giới tính nào mặc dù

tác động hầu như chỉ mang tính biểu tượng. Cơ quan đăng ký được thành lập ở 12 trong số 17 cộng đồng tự trị: Catalonia (1998), Aragon (1999), Navarre (2000), Valencia (2001), Balearic Islands (2001), Madrid (2001), Asturias (2002), Andalusia (2002), Extremadura (2003), Basque Country (2003), Canary Islands (2003) và Cantabria (2005). Luật Tây Ban Nha đã cho phép người độc thân nhận con nuôi do đó hiển nhiên một cặp đôi đồng giới có thể nhận con nuôi nhưng người bạn đời kia không phải là cha/mẹ hợp pháp và không có quyền nếu mối quan hệ đó chấm dứt hoặc người cha/mẹ hợp pháp qua đời. Lúc đó hôn nhân đồng giới thì bất hợp pháp ở cộng đồng tự trị.

Ngày 30 tháng 6 năm 2004, Bộ trưởng Tư pháp Juan Fernando López Aguilar tuyên bố Hạ viện đã tạm thời chấp thuận kế hoạch của chính phủ cho việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Việc này để thực hiện lời hứa khi tuyên thệ của thủ tướng José Luis Rodríguez Zapatero. López Aguilar cũng thông báo hai đề xuất của Đảng Hội tự và Liên minh của Catalonia: một là đưa hôn nhân đồng giới và hôn nhân khác giới vào luật chung, hai là cho phép người hoán tính được thay đổi họ tên và giới tính mà không nhất thiết phải thực hiện phẫu thuật.

Dự luật hôn nhân đồng giới được Nội các thông qua vào ngày 1 tháng 10 năm 2004, nộp cho Quốc hội vào 31 tháng 12 và được Hạ viện thông qua vào 21 tháng 4 năm 2005. Tuy nhiên, dự luật đã bị bác bỏ vào 22 tháng 6 năm 2005 bởi Thượng viện, nơi có đa số ghế là người của Đảng Nhân dân. Dự luật được chuyển lại cho Hạ viện nơi có quyền gạt bỏ quyết định của Thượng viện và cuối cùng dự luật được thông qua vào 30 tháng 6 tháng 2005 với 187 phiếu thuận, 147 phiếu chống và 4 phiếu trắng. Luật dự thảo ngày 30 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Tư pháp được Tổng Hội đồng Tư pháp nghiên cứu. Mặc dù Tổng Hội đồng thừa nhận rằng không thể chấp nhận sự kỳ thị đối với người đồng tính, việc mở rộng hôn nhân ra cho các cặp đồng giới (bao gồm việc nhận con lẫn nhau) là khá nghiêm trọng. Tổng Hội đồng tranh luận rằng

việc mở rộng đó không được Hiến pháp đòi hỏi và có thể chấm dứt việc kỳ thi bằng những biện pháp pháp lý khác như là mở rộng kết hợp dân sự.

Trước báo cáo không khả quan này, chính phủ trình dự luật lên Quốc hội vào 1 tháng 10 năm 2004. Với sự chống đối của Đảng Nhân dân và những thành viên của Đảng Liên minh Dân chủ Catalonia, những đảng khác trong Quốc hội ủng hộ cuộc cải cách. Ngày 21 tháng 4 năm 2005, Quốc hội thông qua dự luật với 183 phiếu thuận, 136 phiếu chống và 6 phiếu trắng (bao gồm một thành viên của Đảng Nhân dân). Dự luật cho phép hôn nhân đồng tính ở Tây Ban Nha thì ngắn: chỉ một đoạn được thêm vào mục 44 của Luật Công dân, nói rằng hôn nhân có những điều kiện cần và hiệu lực bất kể những người liên quan là cùng hay khác giới tính.

Cùng với những điều khoản Hiến pháp, đoạn văn được chấp thuận bởi Quốc hội được nộp cho Thượng viện cuối cùng thông qua, thay đổi hay phủ quyết. Ngày 21 tháng 6 năm 2005, những chuyên gia được gọi tới Thượng viện để tham gia tranh luận về vấn đề này. Ý kiến của các chuyên gia rất khác nhau, vài chuyên gia cho rằng việc người đồng tính nhận con nuôi không có tác động tới sự phát triển của một đứa trẻ, trừ khả năng cởi mở nhiều hơn đối với đồng tính luyến ái. Tuy nhiên nhà tâm thần học Aquilino Polaino, mà Đảng Nhân dân gọi là chuyên gia, cho đồng tính luyến ái là một rối loạn xúc cảm và bệnh lý. Giữa những quả quyết khác đem tới sự tranh luận, ông cho rằng "nhiều người đồng tính có tiền sử bị lạm dụng hiếp dâm khi còn nhỏ" và rằng những người đồng tính thường có gia đình trong đó người cha "không thân thiện, nghiện rượu và xa cách" và người mẹ "bảo vệ quá đáng" đối với con trai và "lạnh lùng" với con gái. Những thành viên nổi bật của Đảng Nhân dân sau đó đã bác bỏ lập luận của Polaino.

Thượng viện đã phủ quyết đoạn văn do Quốc hội nộp. Sự phủ quyết này được đề xuất bởi Đảng Nhân dân, đảng có đa số ghế, và Đảng Liên minh Dân chủ của Catalonia, và được quyết định bởi 131 phiếu thuận, 119 phiếu

chống và 2 phiếu trắng. Do đó, đoạn văn được gửi trả lại cho Quốc hội. Ngày 30 tháng 6, 2005, nó được Quốc hội thông qua. Đoạn văn này cùng với những điều khoản Hiến pháp, có quyền gạt bỏ quyền phủ quyết của Thượng viện. Quyết định này có được từ 187 phiếu thuận (bao gồm một thành viên của Đảng Nhân dân là Celia Villalobos), 147 phiếu chống và 4 phiếu trắng. Phủ quyết của Thượng viện bị gạt bỏ đã thông qua dự luật. Cuộc bỏ phiếu đó được tổ chức sau khi Zapatero bất ngờ phát biểu trước quốc hội rằng: "Chúng ta mở rộng cơ hội có được hạnh phúc cho láng giềng của chúng ta, đồng nghiệp của chúng ta, bạn bè của chúng ta và người thân của chúng ta. Cùng lúc đó, chúng ta xây dựng một xã hội tử tế"

Khi thông tin đại chúng hỏi nhà vua Juan Carlos rằng ông có ký dự thảo đang được tranh luận tại Quốc hội hay không, ông trả lời rằng ông là quốc vương Tây Ban Nha, chứ không phải quốc vương của Bỉ, muốn ám chỉ rằng nhà vua Bỉ Baudouin đã từ chối ký luật hợp pháp hóa phá thai. Nhà vua với quyền phê chuẩn của hoàng gia có thể làm cho sự phủ quyết của bên lập pháp có tác dụng. Tuy nhiên, quốc vương đã dùng quyền phê chuẩn của hoàng gia (ngự chuẩn) đối với Luật 13/2005 vào 1 tháng 7 năm 2005. Điều luật được công bố trên Boletín Oficial del Estado ngày 2 tháng 7 và có tác dụng vào ngày 3 tháng 7. Nhà vua bị những người theo chủ nghĩa Carlism và những người bảo thủ cực hữu chỉ trích vì đã ký điều luật.

Như vậy, sau hàng loạt những cuộc "*đấu tranh*" hôn nhân đồng giới được hợp pháp hóa từ ngày 3 tháng 7 năm 2005 tại Tây Ban Nha. Một chính phủ dân chủ xã hội vừa được bầu cử, được dẫn dắt bởi Thủ tướng José Luis Rodríguez Zapatero, bắt đầu chiến dịch hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính bao gồm quyền nhận con nuôi của các cặp đồng tính. Sau nhiều tranh luận, luật cho phép hôn nhân đồng tính được Quốc hội Tây Ban Nha thông qua vào ngày 30 tháng 6 năm 2005 và công bố vào ngày mùng 2 tháng 7 năm 2005.

Hôn nhân đồng giới bắt đầu hợp pháp từ Chủ nhật, ngày 3 tháng 7 năm 2005. Sau khi hôn nhân đồng giới được hợp pháp hóa thì Tây Ban Nha trở thành quốc gia thứ ba trên thế giới hợp pháp hóa hôn nhân đồng tính trên cả nước theo sau Hà Lan và Bỉ và trước Canada 17 ngày.

Việc phê chuẩn luật này không phải là không có sự phản đối mặc dù 66% người dân ủng hộ. Những nhà lãnh đạo Công giáo La Mã đặc biệt cương quyết phản đối và chỉ trích rằng việc này sẽ làm suy yếu đi ý nghĩa của hôn nhân. Những tổ chức khác bày tỏ sự lo ngại về việc nhận con nuôi của các cặp đồng tính. Biểu tình ủng hộ lẫn chống đối dự luật lôi kéo hàng ngàn người trên khắp các vùng của Tây Ban Nha. Sau khi dự luật này được phê chuẩn, Đảng Nhân dân Tây Ban Nha, một đảng bảo thủ đã kiện luật này ra Tòa Hiến pháp Tây Ban Nha.

Khoảng 4.500 cặp đôi đồng giới cưới nhau ở Tây Ban Nha trong năm đầu tiên sau khi luật được thông qua. Chẳng bao lâu sau khi luật được thông qua, nhưng câu hỏi xoay quanh vấn đề hợp pháp của hôn nhân đồng giới đối với người ngoại quốc mà đất nước quê hương họ không cho phép kết hôn đồng giới. Bộ Tư pháp quy định rằng luật này cho phép một công dân Tây Ban Nha cưới một người ngoại quốc bất kể đất nước của người đó có cho phép hay không. Ít nhất một trong hai người phải là công dân Tây Ban Nha, hai người ngoại quốc có thể cưới nhau nếu họ định cư hợp pháp tại Tây Ban Nha.

Đảng Nhân dân Tây Ban Nha đã thắng trong cuộc bầu cử Quốc hội 2011 và người đứng đầu Mariano Rajoy nói rằng ông phản đối hôn nhân đồng giới tuy nhiên quyết định có bãi bỏ luật này hay không phải chờ phán quyết của Tòa Hiến pháp. Tháng 11 năm 2012, luật này được Tòa Hiến pháp quyết định giữ lại với 8 phiếu ủng hộ và 3 phiếu chống. Bộ trưởng Tư pháp Alberto Ruiz-Gallardón tuyên bố chính phủ sẽ tôn trọng luật này và nó sẽ không bị hủy bỏ. Đám cưới đồng giới đầu tiên diễn ra 8 ngày sau khi dự

luật trở thành luật và được Carlos Baturín và Emilio Menéndez tổ chức tại phòng hội đồng ở Tres Cantos, ngoại ô Madrid. Đám cưới đầu tiên giữa hai phụ nữ diễn ra ở Barcelona 7 ngày sau đó.

Mặc dù quá trình dẫn tới quyền bình đẳng trải qua nhiều bước, vẫn có một khe hở: nếu một cặp đồng tính nữ sinh con, người mẹ phi huyết thống của đứa con vẫn chưa được xem là mẹ hợp pháp của đứa trẻ mà phải trải qua một thủ tục pháp lý dài để nhận con. Trong khi đó quyền này thì hợp pháp đối với một cặp dị tính (cho dù có kết hôn hay không): một người cha dượng có thể tuyên bố con riêng của vợ là con của ông ta mà không cần một thủ tục pháp lý nào. Ngày 7 tháng 11 năm 2006, chính phủ bổ sung phần trợ giúp sinh sản vào bộ luật, cho phép người mẹ phi huyết thống được coi là mẹ của đứa trẻ, cùng với người mẹ huyết thống.

Ngoài ra, ở hầu hết các quốc gia khác như Na Uy, Úc, Anh, Mexico... đều ban hành luật cấm phân biệt đối xử, kì thị với người đồng tính. Các quốc gia này cũng cho phép các cặp đôi được chung sống với nhau ở các mức độ khác nhau như thừa nhận hôn nhân đồng tính ở: Canada, Nam Phi, Thụy Điển và một số tiểu bang của Hoa Kỳ,...; cho phép quan hệ đồng giới dưới các hình thức như kết hợp dân sự (civil union) hoặc hình thức hợp danh (partnership) ở các nước như: Đức,, Anh, Phần Lan..., ở các bang của Hoa Kỳ như: California, Colorado, Hawaii, New Jersey..., Australian Capital Territory, New South Wales ... (Úc), Merida (Venezuela).

Như vậy, có thể thấy rằng vấn đề hôn nhân đồng tính trên thế giới không phải là vấn đề "mới" nữa. Tuy nhiên việc thừa nhận hôn nhân đồng giới ở mỗi quốc gia là khác nhau đâu đó những cặp đôi đồng tính họ chưa được hưởng những quyền kết hôn như những cặp kết hôn dị tính khác. Thực tế ch thấy rằng ngay từ năm 1989, Đan Mạch là quốc gia đầu tiên xây dựng luật cho phép các cặp đồng tính đăng ký sống chung, với quyền như các cặp đôi đã kết hôn. Tuy nhiên họ không được phép cưới ở nhà thờ. Nhưng ở Hà

Lan thì quyền của người đồng giới được pháp luật công nhận đầy đủ, các cặp đôi đồng tính còn được phép nhận con nuôi. Xong ở Bỉ, quốc gia thừa nhận hôn nhân đồng tính có mọi quyền như các cặp vợ chồng bình thường, trừ quyền nhận nuôi con nuôi, và phải sau 3 năm kể từ tháng 1 năm 2003, thì quyền nhận nuôi con nuôi mới được công nhận.

### **2.1.2. Một số quan điểm của nhóm quốc gia không công nhận kết hôn đồng giới**

Xuất phát từ nhiều quan điểm khác nhau, một số quốc gia không thừa nhận quyền của người đồng tính, quan hệ tình dục của người đồng tính bị xem như một tội phạm. Trên thế giới hiện nay có khoảng hơn 70 quốc gia coi hôn nhân đồng tính là tội phạm. Ngay cả ở những quốc gia mặc dù luật pháp đã thừa nhận hôn nhân đồng giới xong không ít phong trào ở các nước đó vẫn nổ ra phản đối hôn nhân đồng giới. Ngay như ở Pháp những cuộc biểu tình mang đậm tính chính trị, những người phản đối hôn nhân đồng tính cho rằng đó là vấn đề sẽ làm cho xã hội "rạn nứt". Các cuộc biểu tình phản đối việc kết hôn đồng tính đã diễn ra trên khắp nước Pháp. Nếu những người ủng hộ hôn nhân đồng tính giương cao khẩu hiệu "Mariage pour tous - Hôn nhân cho tất cả mọi người" thì những người phản đối tập hợp nhau dưới lá cờ "Manif pour tous - Phản kháng cho tất cả mọi người". Cuộc biểu tình thường cuối tuần là những ngày xuống đường. Và đám đông ngày một lớn. Cuộc biểu tình lớn nhất tại Paris theo con số của những nhà tổ chức, lên đến 800.000 người. Hàng triệu người Pháp đã diễu hành trên phố để phản đối việc dự luật được thông qua.

Có hai yếu tố khiến các cuộc biểu tình phản đối này có sức nặng. Về quy mô, đó là những cuộc biểu tình lớn nhất nước Pháp trong vài năm qua, thậm chí còn đông đảo hơn cả những lần tập hợp lực lượng của các đảng phái trong cuộc tranh cử Tổng thống năm 2012. Quan trọng hơn, các cuộc biểu tình này mang một tính chất khác, đó là những người biểu tình không đòi hỏi lợi ích trực tiếp cho cá nhân họ giống như các cuộc biểu tình chống sa thải



nhân công hay các chính sách thắt lưng buộc bụng của chính phủ. Họ biểu tình để đòi hỏi phải bảo vệ những giá trị truyền thống của xã hội. Lý luận của những người phản đối: chấp nhận kết hôn đồng tính là phá vỡ cấu trúc gia đình trong xã hội Pháp.

Trên thực tế, sự phản đối này có nhiều nấc thang khác nhau. Ở một quốc gia đa văn hóa và cởi mở như Pháp, số lượng người đồng tính không ít. Vẫn còn những tranh cãi về con số chính thức nhưng theo số liệu của cuộc điều tra giới tính năm 2007, số người đồng tính ở Pháp dao động ở mức 5-7% dân số. Không khó bắt gặp người đồng tính trên các con phố ở thủ đô Paris hay trong các khu trung tâm ở Montpellier, thành phố được coi là "*thủ phủ đồng tính*" tại miền Nam nước Pháp. Phần lớn người Pháp không xem đồng tính là điều gì quá nghiêm trọng và ngay trong số những người biểu tình phản đối, hầu hết có thể chấp nhận việc kết hôn đồng tính. Họ chỉ phản đối mạnh mẽ nhất ở điều khoản thứ hai của bộ luật, đó là cho phép các cặp đôi đồng tính được nhận con nuôi.

Với những người phản đối, đó là điều không thể chấp nhận bởi một đứa trẻ cần phải được hưởng đầy đủ, cân bằng sự giáo dục và tình thương yêu của cả cha và mẹ. Một đứa trẻ được một cặp đôi đồng tính nhận nuôi sẽ có nguy cơ phát triển lệch lạc và tạo ra một thế hệ lệch lạc. Nền tảng gia đình, vì thế, sẽ bị phá vỡ.

Nhưng, sau những cuộc tranh luận nảy lửa, các nhà lập pháp Pháp đã đứng về phía những người đồng tính, với lập luận vững chắc nhất, đó là tất cả mọi công dân, dù là đồng tính hay dị tính, đều phải được đối xử bình đẳng.

Những người phản đối không chịu thua, họ vẫn kêu gọi nhau tiếp tục xuống đường và tình hình bắt đầu căng thẳng. Từ chỗ ôn hòa, đã có đụng độ với cảnh sát và các vụ tấn công nhằm vào các đôi đồng tính. Thậm chí, những lá thư đe dọa còn được gửi đến cho Chủ tịch Quốc hội, Claude Bartolone. Nguy cơ về sự rạn nứt trong xã hội ngày một rõ hơn và có thể bùng nổ ngoài tầm kiểm soát.

Theo các nhà xã hội học Pháp, cuộc tuần hành của những người phản đối hôn nhân đồng tính là sự phản ánh rõ nét nhất những bất an về tâm lý của xã hội Pháp trước những thay đổi lớn về văn hóa và lối sống trong những năm qua. Ảnh hưởng của văn hóa nhập cư đã khiến các giá trị truyền thống của Pháp bị lung lay nên giờ đây, không ít người muốn thu mình vào trong các giá trị cổ điển của nước Pháp, dù điều này ngày càng trở nên khó khăn trong thời đại thông tin.

Nhưng lung lay các giá trị chỉ là một nguy cơ. Bất ổn hiện hữu nhất mà Bộ luật này mang lại chính là những đấu đá chính trị trên chính trường Pháp.

Luật hôn nhân đồng tính được chính quyền của ông Francois Hollande ủng hộ và chính các nhóm nghị sĩ của Đảng Xã hội (PS) hậu thuẫn mạnh mẽ nhất cho luật này được thông qua trong Quốc hội. Phản đối mạnh nhất chính là nhóm cánh hữu do đảng Liên minh vì phong trào nhân dân (UMP) của ông Jean Francois Copé cầm đầu.

Ngay sau khi luật được Quốc hội Pháp thông qua, phe UMP đã đệ đơn lên Hội đồng Hiến pháp của Pháp đề nghị bác bỏ luật này với lập luận rằng nó vi hiến và đi ngược với Hợp đồng hôn nhân dân sự (PACS) trước đây của Pháp.

Lí do được phía UMP đưa ra là họ muốn sát cánh cùng người dân Pháp để bảo vệ các giá trị chung. Cuộc đấu tranh ngày càng trở nên căng thẳng, khiến một số thành viên cao cấp của UMP như Nghị sĩ Franck Riester, cựu Bộ trưởng Bruno Le Maire... đã phải lên tiếng cảnh báo UMP không được cực đoan hóa các tranh luận về hôn nhân đồng tính.

Ở Mỹ, mặc dù không xảy ra các cuộc biểu tình đông và mang nhiều màu sắc chính trị xon trong xã hội này vẫn tồn tại sự bất bình đẳng trong hôn nhân đồng tính. Tại sao lại như vậy? Ở Mỹ không phải tất cả các bang của Mỹ đều công nhận hôn nhân đồng tính chính vì vậy mà khi các cặp đôi được kết hôn một cách hợp pháp chuyên từ New York đến California lên tiếng thì họ sẽ thấy cuộc hôn nhân của mình tan biến khi dựa vào sự xác định về giới tính

của họ, sự kỳ thị vẫn sẽ còn tiếp tục. Lấy ví dụ điển hình như một cặp đồng tính chuyên tới California sau khi họ đã kết hôn tại New York. Tại đây, cuộc hôn nhân của họ hoàn toàn không được chấp nhận, chiều theo chương 8 đã được luật pháp California sửa đổi tháng 11 năm 2008, xác định rõ rằng hôn nhân hợp pháp là một cuộc hôn nhân giữa một nam giới và một nữ giới. Sự việc trở nên rắc rối đó là cho dù một cặp đôi đồng giới được xem là hôn nhân hợp pháp theo luật pháp của bang, thì cũng sẽ không được luật pháp liên bang thừa nhận. Luật pháp của bang California thừa nhận bốn nhóm hôn nhân đồng giới khác nhau là:

*Thứ nhất*, đó là những cặp đôi đã kết hôn tại California sau khi Tòa án tối cao của bang công khai về pháp luật đối với hôn nhân đồng giới nhưng trước khi hiệu lực của Chương 8 kết thúc. Cuộc hôn nhân của họ vẫn được coi là hợp pháp theo cách nhìn nhận của bang.

*Thứ hai*, đó là những cặp đôi đang sinh sống tại California nhưng kết hôn ở bên ngoài bang trước khi có các quy định chương 8. Họ cũng được xem là kết hôn hợp pháp tại California.

*Thứ ba*, đó là những cặp đôi tham gia vào các hiệp hội những người đồng tính nội địa tại California hoặc tại những nơi khác mà họ được thừa nhận.

*Thứ tư*, đó là những người kết hôn tại các bang, nơi mà việc kết hôn là hợp pháp nhưng họ đã kết hôn sau khi có các quy định của Chương 8. Trên thực tế, họ được xem là các thành viên nội địa tại California. Dĩ nhiên không kể sự khác biệt của họ, tất các cặp đôi này đều có chung một điểm tương đồng đáng chú ý là: Theo luật pháp của liên bang, họ bị coi là những cá nhân riêng lẻ. Thậm chí, những điều này còn tồi tệ hơn khi mà những cặp hôn nhân đồng tính chuyên tới các bang (nơi mà ở đó không thừa nhận sự kết hôn đồng tính nhận ra rằng thậm chí họ còn không có cả quyền được ly hôn.

Ở Iran, pháp luật dựa trên các quan điểm bảo thủ của luật Hồi giáo nên cho rằng ngoài quan hệ tình dục của những cặp vợ chồng đã kết hôn,

những quan hệ tình dục khác là bất hợp pháp, không có cơ sở pháp luật nào thừa nhận các hành vi tình dục đó. Luật pháp Iran không cho phép quan hệ tình dục đồng tính, các hành vi này bị coi là tội phạm kê gian (sodomy law) và bị phạt rất nặng, có thể bị tử hình. Tổ chức nhân quyền Anh trong một báo cáo khẳng định có từ 4000 đến 6000 người đồng tính nam và nữ bị tử hình vì các tội liên quan tới xu hướng tình dục của mình. Tháng 11/2005, hai người đàn ông ở phía bắc thị trấn Gorgan bị treo cổ vì có hành vi quan hệ tình dục đồng giới. Tháng 7/2006, hai thanh niên ở Đông Bắc nước này bị treo cổ vì là người đồng tính. Luật pháp quy định quan hệ tình dục đồng giới lần đầu sẽ bị đánh phạt bằng roi, tái phạm bốn lần sẽ bị xử tử hình. Tuy nhiên, nếu người phạm tội tỏ ra ăn năn hoặc có căn cứ chứng minh họ phạm một tội khác nhỏ hơn thì thẩm phán xem xét để giảm tội hoặc ân xá cho họ. Điều đáng lưu ý ở đây là pháp luật không có những quy định cụ thể để phân biệt giữa hành vi kê gian với các hành vi xâm phạm tình dục khác như hãm hiếp hay bức hại. Cùng với sự phát triển của xã hội, đặc biệt là sự tiến bộ của công nghệ thông tin và sự tham gia của các tổ chức nhân quyền trên thế giới, ngày nay có nhiều phong trào vận động cho quyền của người đồng tính ở Iran hoạt động bất công khai nhằm kêu gọi chính phủ và mọi người đối xử công bằng với những người đồng tính như Đảng Green Party of Iran, Đảng công nhân cộng sản Iran,... Tương tự như Iran, các quốc gia Hồi giáo khác xem đồng tính luyến ái là một tội nghiêm trọng có thể bị tử hình như: Mauritania, Pakistan, Saudi-Arabia, Sudan, các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất, Yemen, một số vùng của Nigeria và Somalia, Cộng hòa Chechnya ở Nga. Tại Zimbabwe, tháng 8/1995, trong Hội chợ sách quốc tế Zimbabwe, tổng thống nước này đã có hành động lên án đồng tính luyến ái. Tháng 9/1995, Quốc hội Zimbabwe ban hành luật cấm hành vi đồng tính luyến ái; ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Chính phủ một mặt công nhận sự tồn tại trên thực tế của người đồng tính và yêu cầu xã hội tôn trọng những người này, mặt khác phản đối các đặc

đồng tính phương Tây, cho đây là sự ủng hộ chủ nghĩa hưởng thụ, phân chia giai cấp và tình dục bừa bãi Pháp luật nước này không có quy định về chống phân biệt đối xử, kỳ thị dựa trên xu hướng tính dục. Quan hệ đồng tính luyến ái không bị xem là vi phạm pháp luật nhưng cũng không được bàn tán công khai ở đất nước này. Với quan điểm hôn nhân nam nữ là nền tảng vững cho xã hội, luật pháp Triều Tiên không thừa nhận kết hôn đồng giới, kết hợp dân sự hay đối tác dân sự. Bên cạnh đó, theo một nghiên cứu gần đây của Cao ủy Liên hợp quốc về Nhân quyền, người dân trên toàn thế giới vẫn đang bị xâm phạm và phân biệt đối xử vì xu hướng tính dục và bản dạng giới của mình. Đồng tính bị xem là tội phạm tại 76 quốc gia và bị trừng phạt bằng tử hình ở ít nhất năm quốc gia.

Tại Châu Á, vấn đề hôn nhân đồng giới "*bảo thủ*" hơn nhiều so với Châu Âu và Châu Mỹ. Nhiều quốc gia, vấn đề chính không phải là liệu các cặp đồng tính có được cưới nhau hợp pháp hay không, mà liệu họ có được quyền sống mà không sợ bị ai ngược đãi không. Một số quốc gia đạo hồi châu Á "*là gay*" không chỉ là bất hợp pháp, mà còn có thể bị trừng phạt. Ở Malaysia, người đồng tính luyến ái bị đánh đòn theo luật, và phải ở tù đến 20 năm. Còn tại Indonesia, 2/5 số vùng sử dụng kinh Koran coi người đồng tính là tội phạm. May mắn thay cho một số người, luật này chỉ áp dụng cho công dân theo đạo Hồi.

Ngay tại quốc gia Singapore phát triển, người đồng tính, đặc biệt là nam giới, vẫn bị coi là bất hợp pháp. Mặc dù vậy, việc bắt bớ và trừng phạt rất hiếm khi xảy ra. Thái độ của nhà cầm quyền ở đây dường như cho những người đồng tính thấy rằng họ có thể tự do làm mọi điều mình muốn, và nên biết ơn vì điều đó, chứ đừng bao giờ đòi hỏi tới các quyền hợp pháp khác.

Ở một số quốc gia khác, như Nhật Bản và Trung Quốc, người đồng tính không bị xem là bất hợp pháp, nhưng cũng không được chấp nhận hôn nhân đồng giới. Nhiều nhà chính trị đã đề xuất cải tổ điều này, song chưa có động thái nào được chấp thuận.

Tại Ấn Độ, hôn nhân đồng giới vẫn chưa được chấp thuận, dù năm ngoái, một phiên tòa ở vùng Gurguon đã chính thức thừa nhận việc kết hôn của một cặp lesbian.

Ở Nhật Bản, có vẻ lạc quan hơn khi Bộ Tư pháp đang đề xuất một kế hoạch (kéo dài suốt 3 năm qua) cho phép người mang quốc tịch nước này được kết hôn với bạn đời đồng giới ở các quốc gia coi hôn nhân đó là hợp pháp.

Từ những phân tích ở trên có thể thấy rằng vấn đề hôn nhân đồng tính là vấn đề quan tâm của rất nhiều quốc gia trên thế giới. Thừa nhận hôn nhân đồng tính không chỉ là vấn đề chính trị, xã hội, đạo đức, mà nó thể hiện quyền bình đẳng giữa con người với con người. Sự đối xử bình đẳng của luật pháp đối với quyền và lợi ích hợp pháp của con người trong đó bao gồm người đồng tính và dị tính.

### **2.1.3. Một số quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay về quyền của người đồng tính**

Ở Việt Nam, hầu như pháp luật không ghi nhận quyền của người đồng tính. Tuy nhiên, một số tài liệu về lịch sử ở nước ta đã từng đề cập vấn đề này, như thế kỷ thứ 16 và 17 có một vài vua chúa có thể thiếp là đàn ông hoặc sách sử có chép rằng, vua Khải Định tuy có tất cả 12 bà vợ nhưng bất lực hoặc không thích gần đàn bà, chỉ thích đàn ông. Luật Hồng Đức có đề cập đến hành vi hãm hiếp, ngoại tình và loạn luân nhưng không nhắc gì đến đồng tính. Chính quyền thực dân Pháp cũng không cấm đoán các hành vi đồng tính trong các thuộc địa mặc dù xác định mại dâm nữ là phạm pháp. Thời điểm hiện nay, tuy không có luật cấm quan hệ tình dục đồng tính nhưng Luật Hôn nhân và gia đình cấm hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

Bộ luật Dân sự 2005 quy định: Trong quan hệ dân sự, các bên đều bình đẳng, không được lấy lý do khác biệt về dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, hoàn cảnh kinh tế, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp để đối xử không bình đẳng với nhau. (Điều 5). Sau đó, Điều 36 quy định quyền

xác định lại giới tính: "Việc xác định lại giới tính của một người được thực hiện trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính" [16].

Đề quy định chi tiết Điều 36 Bộ luật Dân sự, Chính phủ ban hành Nghị định 88/2008/NĐ-CP, trong đó có quy định những hành vi bị nghiêm cấm: "Thực hiện việc chuyển đổi giới tính đối với những người đã hoàn thiện về giới tính và cấm phân biệt đối xử đối với người đã xác định lại giới tính" [3]. Nghị định đã đề cập việc xác định lại giới tính đối với người có khuyết tật bẩm sinh về giới tính hoặc giới tính chưa được định hình chính xác. Những người này hoàn toàn khác với người đồng tính. Hiện nay, nhiều người đồng tính rất không đồng tình với những quy định trong Nghị định 88/2008/NĐ-CP, vì đã khép lại cánh cửa chuyển đổi giới tính để được trở về đúng với sự mong muốn của chính họ. Nghị định chỉ quy định là xác định lại giới tính cho những người khuyết tật về giới hay chưa phân biệt được là nam hay nữ chứ không phải là chuyển đổi giới tính cho những người đã hoàn thiện về giới bởi có thể đó là những trường hợp có sự lệch lạc về tâm lý.

Tuy nhiên, vấn đề mà Nghị định đưa ra là quá hẹp, mới chỉ dừng ở xác định lại giới tính chứ không phải là thay đổi giới tính, cho phép "*làm rõ giới tính*" chứ không phải "*xác định lại giới tính*" vì nếu không mang gen hoặc cá tính nam thì người nữ cũng không muốn chuyển đổi làm gì, mặc dù có nhiều ý kiến cho rằng, việc hạn chế xác định lại giới tính xuất phát từ nguyên nhân tránh bị lạm dụng vì nhu cầu thương mại, hoặc trong thi đấu thể thao, hoặc trốn tránh lệnh truy nã sau khi phạm tội...

Việc hạn chế trên phần nào đi ngược với xu hướng trên thế giới, khi nhiều quốc gia công nhận quyền chuyển đổi giới tính như Mỹ, Canada, Serbia, Thái Lan, Singapore, Philippines, Ấn Độ... Argentina vừa cho phép chuyển giới và thay đổi giới tính trên các giấy tờ liên quan vào ngày 03/10/2012.

Hầu hết các nước cho phép chuyển giới không giới hạn cá nhân muốn chuyển giới bắt buộc phải có bộ phận sinh dục của giới tính mình không mong muốn. Ngoài Thái Lan là trung tâm chuyển giới số một thế giới, bất ngờ là vị trí số hai thuộc về đất nước Hồi giáo Iran. 25 năm về trước, lãnh đạo tối cao Iran Ayatollah Khomeini đã ban hành luật cho chuyển giới và thay đổi giới tính trên giấy tờ liên quan, hiện tại Chính phủ Iran chi trả 50% chi phí chuyển giới.

Luật Hôn nhân và gia đình 1986 không quy định cấm hôn nhân đồng tính, sau đó có một vài đám cưới đồng tính được tổ chức nhưng không nhận được sự đồng tình của dư luận. Đến Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, có khoản 2 Điều 8 xác định: *Kết hôn* là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Và cũng trong Luật này quy định về những trường hợp cấm kết hôn, trong đó có quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính (khoản 5 Điều 10).

Luật Bình đẳng giới năm 2006 cũng chỉ xác định, Việt Nam có hai nhóm giới tính đó là nam và nữ, không có quy định nào xác định giới tính khác (giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội, giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ - Điều 5).

Như vậy, pháp luật Việt Nam hiện hành không thừa nhận sự tồn tại của những người có giới tính thiểu số, người đồng giới (trừ trường hợp người xác định lại giới tính) cũng như mối quan hệ hôn nhân của họ, vì vậy những vấn đề pháp lý phát sinh đang bị bỏ ngỏ do họ không được thay đổi các thông tin cá nhân. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển chung của khoa học, của nhận thức nhân loại, đã đến lúc pháp luật cần thừa nhận sự tồn tại của những người có giới tính thiểu số, người cùng giới để tạo sự bình đẳng và công nhận sự tồn tại và vai trò của người đồng tính trong xã hội. Từ đó chúng ta có thể bảo vệ hiệu quả hơn các quyền và lợi ích hợp pháp cũng như xử lý hành vi vi phạm của họ.

## **2.2. TÁC ĐỘNG CỦA ĐIỀU CHỈNH PHÁP LUẬT VIỆC KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI Ở MỘT SỐ NƯỚC**



Quan niệm về vấn đề kết hôn thì đối với nhiều người chỉ tồn tại hai khái niệm đó là: hôn nhân và không phải hôn nhân. Xong, trên thực tế, pháp luật thế giới tồn tại rất nhiều các chế định khác nhau, thấp hơn hoặc tương tự như hôn nhân. Những chế định này có các tên gọi như quan hệ gia đình (domestic partnership), kết đôi có đăng ký (registered partnership), kết hợp dân sự (civil union) hay các tên gọi khác tùy vào từng quốc gia. Nhìn chung, sự công nhận pháp lý mối quan hệ giữa hai người cùng giới có thể được phân vào ba nhóm chính sau đây (như đã phân tích ở phần trên).

Hôn nhân là hình thức kết đôi có đăng ký với nhà nước, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn với đầy đủ tất cả những quyền, nghĩa vụ và sự công nhận pháp lý như những cặp khác giới.

Kết đôi có đăng ký là hình thức kết đôi có đăng ký với nhà nước, được cấp giấy chứng nhận "có quan hệ gia đình", "kết đôi có đăng ký" hoặc các tên gọi tương tự. Chế định này quy định cho những cặp cùng giới một tình trạng, quyền, nghĩa vụ và sự công nhận pháp lý tương đương (có thể có một vài ngoại lệ). Chế định này thường dành riêng cho những cặp cùng giới; nhưng một vài quốc gia cũng cho phép những cặp khác giới đăng ký theo hình thức này.

Sống chung không đăng ký là hình thức kết đôi tự nguyện giữa hai người, không đăng ký với nhà nước. Chế định này áp dụng cho cả cặp cùng giới và khác giới, tự động phát sinh khi hai người đã chung sống thực tế với nhau một thời gian theo luật định. Hai người chung sống không đăng ký có một số quyền lợi và nghĩa vụ hạn chế liên quan tới tài sản, nhân thân.

Tại những quốc gia hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới, pháp luật đã định nghĩa lại khái niệm hôn nhân, bãi bỏ điều kiện giới tính của hai bên phối ngẫu(vợ/ chồng) dẫn đến việc ban hành một luật hôn nhân thống nhất không phân biệt giới tính. Ví dụ như Thụy Điển ghi trong luật hôn nhân của mình là "luật này áp dụng cho tất cả mọi người".

Ở những quốc gia hợp pháp hóa kết đôi giữa hai người cùng giới, bên cạnh hôn nhân giữa hai người khác giới, trong hầu hết trường hợp sự khác nhau chỉ nằm ở tên gọi. Luật pháp nhiều nơi quy định các quyền, nghĩa vụ dành cho kết đôi có đăng ký giữa hai người cùng giới là hoàn toàn giống với quyền, nghĩa vụ dành cho hôn nhân giữa hai người khác giới. Ví dụ Bộ luật kết đôi dân sự 2004 của Vương quốc Anh quy định những quyền và nghĩa vụ của hai cặp cùng giới trong Kết đôi Dân sự là hoàn toàn giống nhau với hôn nhân của hai cặp khác giới. Hoặc như Bộ luật Gia đình của bang California (Hoa Kỳ) có một hình thức kết đôi dành riêng cho người đồng tính có tên gọi là "quan hệ gia đình có đăng ký". Bộ luật Gia đình của bang tại đoạn 297.5(a) qui định rằng: "Các bên trong quan hệ gia đình có đăng ký có đầy đủ các quyền, sự bảo hộ, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ và bổn phận giống như các quy định dưới luật này". Có hai nguyên nhân chủ yếu mà nhiều nước bắt đầu thừa nhận quan hệ cùng giới bằng hình thức "kết đôi có đăng ký" hoặc "quan hệ dân sự" là do các nhà lập pháp không muốn thay đổi định nghĩa hôn nhân là giữa một nam và một nữ. Bên cạnh đó, các nhà lập pháp cũng muốn có một bước đệm, một khoảng thời gian chuyển tiếp để xã hội có thể thay đổi sự suy nghĩ cố hữu về hôn nhân là giữa một người nam và một người nữ.

Hình thức kết đôi có đăng ký là mô hình của kỹ thuật lập pháp "tách biệt nhưng bình đẳng" (seperate but equal), với ý tưởng rằng không làm đụng chạm đến những chế định truyền thống, nhạy cảm, mà vẫn tạo ra được sự công bằng cho tất cả mọi người một cách hợp pháp. Tuy nhiên, quan điểm của những người ủng hộ hôn nhân không phân biệt giới tính là mặc dù quyền lợi của hai hình thức như nhau, nhưng khi nào vẫn còn sự phân biệt, nghĩa là vẫn chưa có được công bằng thật sự. Ở những quốc gia này, điều mà pháp luật hướng tới là thống nhất lại thành một chế định hôn nhân duy nhất dành cho tất cả mọi người.

Đó cũng là lý do ngày càng có nhiều nước chuyển từ hình thức kết

hợp dân sự hay sống chung có đăng ký sang hình thức hôn nhân cùng giới. Kinh nghiệm một số nước trên thế giới cho thấy, vấn đề này nên được giải quyết theo lộ trình. Trước hết, Nhà nước thừa nhận quyền chung sống như vợ chồng của người đồng tính, sau đó mới có quy định thừa nhận hôn nhân giữa những người này. Ví dụ, Hà Lan quy định về việc đăng ký kết hợp dân sự giữa những người cùng giới tính vào năm 1998, nhưng đến năm 2001 mới thừa nhận chính thức hôn nhân hợp pháp giữa người cùng giới; Canada thừa nhận quyền chung sống của người đồng tính vào năm 1999, đến năm 2005 mới được thừa nhận quyền hôn nhân giữa họ với nhau... Tùy vào từng quốc gia mà thời gian chuyển đổi nhanh hay chậm như được trình bày ở bảng dưới đây.

**Bảng 2.2: Thời gian chuyển đổi ở các quốc gia**

Quốc gia	Tên gọi và năm bắt đầu công nhận quyền lợi, nghĩa vụ giữa hai người cùng giới	Năm áp dụng hôn nhân cùng giới/hôn nhân không phân biệt giới tính	Thời gian giữa hai cột mốc
Hà Lan	Quan hệ có đăng ký (1998)	2001	3 năm
Bi	Chung sống theo pháp luật (1998)	2003	5 năm
Argentina	Kết hợp dân sự (2002)	2012	8 năm
Tây Ban Nha	Nhận con nuôi của những cặp cùng giới (2004)	2005	1 năm
Canada	Phán quyết đầu tiên về lợi ích pháp lý giữa cặp đồng giới (1999)	2005	16 năm
Nam Phi	Phán quyết đầu tiên về lợi ích pháp lý giữa cặp đồng giới (1994)	2006	12 năm
Na Uy	Quan hệ có đăng ký (1993)	2009	16 năm
Thụy Điển	Quan hệ có đăng ký (1995)	2009	14 năm
Bồ Đào Nha	Chung sống không đăng ký (2001)	2010	9 năm
Iceland	Quan hệ có đăng ký (1996)	2010	14 năm
Đan Mạch	Kết hợp dân sự (1989)	15/6/2012	22 năm

*Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu lập pháp (phục vụ kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII).*

Xác lập sự điều chỉnh lên một quan hệ xã hội cụ thể không chỉ dựa trên ý chí, quyền lợi của giai cấp thống trị mà còn phụ thuộc vào bản chất xã hội của quan hệ đó và mối liên hệ với các yếu tố khác. Yêu cầu công nhận, đề ra các biện pháp bảo vệ quyền của người đồng tính trong pháp luật sẽ được xem xét dựa vào các căn cứ:

*Về mặt kinh tế*, mặt trái của nền kinh tế thị trường đã nói rộng khoảng cách giàu nghèo, gia tăng sự chênh lệch trong mức sống và sự hưởng thụ quyền lợi của các nhóm người trong xã hội. Trong đó các nhóm thiểu số yếu tiềm năng kinh tế, thiếu quyền lực chính trị là đối tượng dễ bị tổn thương dưới các tác động tiêu cực đó nhất. Pháp luật vì vậy cần có những điều chỉnh hợp lý để vừa thúc đẩy kinh tế phát triển, vừa hạn chế sự bất bình đẳng trong việc thụ hưởng quyền giữa các nhóm chủ thể khác nhau, vì xét cho cùng, mục đích của phát triển kinh tế là nhằm cải thiện đời sống cho nhân dân và đảm bảo công bằng xã hội. Dưới ảnh hưởng của sự kỳ thị, phân biệt đối xử, người đồng tính có thể được xem như đối tượng yếu thế trong xã hội. Khi tham gia vào các quan hệ kinh tế như: tìm kiếm việc làm, cơ hội thăng tiến trong công việc, vấn đề nhà ở... họ sẽ gặp nhiều trở ngại và có thể bị đối xử bất công. Hơn nữa, do người đồng tính chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trong dân số nên tiếng nói chưa được chú trọng đúng mức; hệ quả là khả năng tự thân chống đỡ, tự bảo vệ khi quyền lợi chính đáng bị xâm phạm thường rất thấp. Nói cách khác, pháp luật cần có các cơ chế hữu hiệu để bảo vệ người đồng tính khỏi các xâm hại nói trên.

*Về mặt chính trị*: Khi ban hành pháp luật cần chú trọng tới địa vị pháp lý, quyền và lợi ích của các bên để có những quy định phù hợp. Thực tế cho thấy, với số lượng ít, chưa có sự góp mặt trên các diễn đàn pháp luật, người đồng tính chưa bày tỏ được quan điểm, nguyện vọng của mình để nhà làm luật xem xét và phát triển thành luật. Điều này không có nghĩa là chỉ đến khi người đồng tính lên tiếng thì pháp luật mới vào cuộc mà phải hiểu rằng, quyền được pháp luật bảo vệ các lợi ích chính đáng là đòi hỏi hợp lý của mọi

công dân. Luật pháp khi ban hành phải tính đến quyền lợi chung cho cả cộng đồng, trong đó quyền của những nhóm người thiểu số, dễ bị tổn thương phải được chú ý đến. Nền luật pháp nếu không đề cập quyền lợi của số ít người yếu thế thì không thể là nền luật pháp dân chủ và tiến bộ. Đồng tính luyến ái không phải là hiện tượng xã hội có tính chất tạm thời. Sự tồn tại của hiện tượng này là tất yếu, xuất hiện ở mọi xã hội, trong mọi giai đoạn lịch sử. Sự phát triển của đời sống đã nâng cao các đòi hỏi về quyền tự do, quyền sống của con người. Trong bối cảnh đó, người đồng tính đã nảy sinh các mâu thuẫn với xã hội liên quan đến các yêu cầu được xã hội công nhận sự tồn tại của mình, được đối xử công bằng, được kết hôn như những người khác, với những giá trị truyền thống, chuẩn mực văn hóa, đạo đức lâu đời. Xung đột ngày một mạnh mẽ của các lợi ích ấy đòi hỏi cần có sự điều chỉnh hợp lý của pháp luật. Cần thiết phải có những quy phạm điều hòa, giải quyết mâu thuẫn trên để duy trì trật tự xã hội hợp lý đồng thời bảo vệ toàn diện các quyền cơ bản mà người đồng tính đáng được hưởng.

Có thể thấy rằng việc thừa nhận hôn nhân cùng giới là một xu hướng tất yếu của xã hội phát triển. Nhìn lại lịch sử việc thay đổi từ "tội phạm hóa đồng tính" đến loại đồng tính ra khỏi danh sách bệnh tâm thần ở Hoa Kỳ (1973) và Tổ chức y tế thế giới (1990) đến việc Đan Mạch là nước đầu tiên thừa nhận hình thức kết hợp dân sự (1989) và Hà Lan thừa nhận hôn nhân cùng giới (2001) cho đến hiện tại đã có 35 nước và 29 vùng lãnh thổ có các hình thức khác nhau hợp pháp hóa quan hệ cùng giới để thấy xã hội loài người đã có những bước tiến dài trong việc bảo vệ quyền của người đồng tính. Các thay đổi này có được là nhờ phong trào xã hội bảo vệ quyền của người đồng tính. Tuy nhiên, việc thay đổi này được dựa trên hiểu biết đúng đắn của con người về đồng tính nhờ nhiều nghiên cứu khác nhau được tiến hành bởi các viện nghiên cứu, trường đại học trên thế giới. Các kết quả nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí có hội đồng khoa học đánh giá

(peer-review) và báo cáo quốc gia về hôn nhân đồng giới và tác động xã hội ở các nước đã công nhận các hình thức chung sống của người đồng tính để cho thấy rằng những lo ngại này là không có cơ sở. Vậy dựa trên những cơ sở nào mà các nước căn cứ vào để công nhận hôn nhân đồng giới? Có lẽ việc không công nhận hoặc chưa công nhận hôn nhân đồng giới có thể do một số những lý do như vấn đề hôn nhân đồng giới sẽ làm suy giảm dân số, làm thay đổi thể chế hôn nhân khác giới truyền thống, chức năng nuôi dưỡng và xã hội hóa con trẻ trong gia đình không được đảm bảo? Dưới đây là một số những nghiên cứu tại các nước đã công nhận hôn nhân đồng giới về những vấn đề như đã nêu ở trên.

### **2.2.1. Những tác động của Hôn nhân đồng giới đối với vấn đề dân số**

Hình thức kết hợp dân sự (civil union) giữa các cặp đồng tính lần đầu tiên được công nhận ở Đan Mạch năm 1989. Trong khi hôn nhân đồng giới được công nhận lần đầu tiên trên thế giới sau đó 12 năm, vào năm 2001 tại Hà Lan. Theo số liệu thống kê chính thức, đến cuối năm 2009 có khoảng 100.000 cặp đồng tính đăng ký kết hôn trên toàn thế giới. Tại các nước châu Âu, số đăng ký kết hôn đồng giới chiếm khoảng 2-3% và ổn định trong tổng số đăng ký kết hôn gần 10 năm qua. Tỷ lệ ly hôn nói chung ở các nước Châu Âu trong khoảng thời gian 2000 - 2010 không thay đổi. Ở các nước Bắc Âu, kể từ khi thông qua luật công nhận kết hợp dân sự của các cặp đồng tính từ năm 1989 cho đến cho phép đăng ký kết hôn, tỷ lệ ly hôn nói chung khá ổn định, thậm chí còn giảm ở Đan Mạch [8]. Điều tra quốc gia 2011 ở Hà Lan chỉ ra có 2,8% là người đồng tính nam, 1,4% nữ là đồng tính nữ và khoảng một phần ba đăng ký sống chung hoặc kết hôn. Như vậy số lượng người đồng tính và tỷ lệ kết hôn của họ chỉ chiếm một phần nhỏ so với tổng dân số và số lượng kết hôn khác giới. Cho đến nay, sự thừa nhận pháp luật đối với các hình thức sống chung của người đồng tính không gây ra tác động gì nhiều đến đặc điểm nhân khẩu học nói chung ở các vùng lãnh thổ và quốc gia.

Tại Đan Mạch, tổng tỷ suất sinh giảm mạnh trong khoảng thời gian 1970-1980 nhưng lại tăng và giữ ổn định suốt từ năm 1980 đến nay. Như vậy, sau 23 năm thừa nhận kết đôi dân sự của người đồng tính và các quyền lợi của họ, dân số Đan Mạch vẫn giữ ở mức ổn định. Tương tự như vậy, tại Hà Lan, tổng tỷ suất sinh cũng bắt đầu giảm từ những năm 1970 và giữ ổn định đến nay. Việc giảm tổng tỷ suất sinh là xu hướng chung của nhiều lục địa và quốc gia trên thế giới khi kinh tế xã hội phát triển. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này. Tuy nhiên, số lượng dân số ở tất cả các quốc gia vẫn liên tục tăng.

Như vậy tác động của việc thừa nhận các hình thức chung sống của người đồng giới không gây ra những thay đổi nhân khẩu học như lo ngại của một số người dân Việt Nam Quan ngại về sự diệt vong của xã hội nếu công nhận hôn nhân đồng giới càng không có cơ sở vì tình trạng này chỉ xảy ra khi toàn bộ dân số trong xã hội là người đồng tính và họ lựa chọn kết hôn nhưng không sinh đẻ.

### **2.2.2. Tác động của hôn nhân đồng giới đối với thể chế hôn nhân khác truyền thống**

Một trong những lo ngại khác về tác động của hôn nhân đồng giới là sẽ gây xói mòn giá trị của hôn nhân vốn đã tồn tại từ lâu trong xã hội theo quan điểm của những người dị tính. Tuy nhiên, quan sát trên thực tế lại ngược lại. Ở các nước cho phép những người đồng tính đăng ký chung sống với nhau giai đoạn 1989-1999 tại Châu Âu, số người cho rằng hôn nhân là hình thức chung sống đã lỗi thời còn ít hơn ở các nước chưa thông qua luật này. Các số liệu nhân khẩu học về xu hướng giảm tỷ lệ kết hôn ở các nước Châu Âu cũng không chỉ ra có mối liên quan nào tới sự công nhận của luật pháp về hình thức chung sống có đăng ký của người đồng tính Sử dụng số liệu của Văn phòng tham khảo dân số Mỹ trong khoảng thời gian 1990-2004 để so sánh tác động tới thể chế hôn nhân giữa các bang cấm và các bang cho phép kết hôn hoặc các hình thức đăng ký chung sống giữa hai người đồng giới, các nhà nghiên

cứu cho thấy không có bất cứ mối liên hệ nào giữa việc cho phép người đồng tính kết hôn hoặc sống chung với các tác động tiêu cực tới hôn nhân. Trái lại, ở những bang đã cho phép người đồng tính chung sống với nhau lại có mối liên quan có ý nghĩa hơn với sự gia tăng tỷ lệ kết hôn, giảm nạo phá thai và giảm số trẻ em sống trong các gia đình mẹ đơn thân.

Bên cạnh đó hôn nhân đồng giới còn mang lại những tác động tích cực cho thể chế hôn nhân truyền thống giữa nam và nữ nói chung. Hôn nhân đồng giới có tính bình đẳng tương đối cao vì hai người ít có sự phân công lao động hay trách nhiệm theo giới. Mặc dù chưa có nghiên cứu chứng minh tác động này, nhưng có thể coi đây là một yếu tố giúp thúc đẩy sự bình đẳng giới trong hôn nhân truyền thống. Nghiên cứu tiến hành trong 3 năm ở Vermont, Mỹ về chất lượng cuộc sống lứa đôi của các cặp đồng tính sống chung có đăng ký và các cặp kết hôn truyền thống cho thấy các cặp đồng tính sống chung có đăng ký có mối quan hệ hài hòa hơn, gần gũi nhau hơn và ít xảy ra xung đột hơn so với các cặp kết hôn giữa nam và nữ.

Trong khi các quan ngại xã hội chỉ thường tập trung vào việc liệu hôn nhân đồng giới mang lại điều gì cho xã hội, thì trên thực tế, việc không chấp nhận điều này đang gây những tác hại xấu. Do áp lực của xã hội và của bố mẹ về hôn nhân truyền thống để tạo dựng gia đình và từ nhu cầu của chính bản thân để có quyền được có con hoặc cần phải có hôn nhân truyền thống mới được coi là người trưởng thành "bình thường" trong xã hội, nhiều người đồng tính đã kết hôn với người khác giới. Hậu quả để lại là cho dù họ có được những đứa con và vai trò là bố, là mẹ của họ được xã hội thừa nhận, nhưng cuối cùng rất nhiều các hôn nhân kiểu này bị đổ vỡ do họ không thể mãi sống với một cái vỏ bọc và để lại những hậu quả của sự đổ vỡ lên người bạn đời, và ảnh hưởng tiêu cực lên thái độ và hành vi của con cái về vấn đề kết hôn.

### **2.2.3. Hôn nhân đồng giới đối với các cá nhân trong xã hội**

#### ***2.2.3.1. Đối với bản thân những người đồng tính***



Việc thừa nhận hôn nhân đồng giới mang lại cho từng cá nhân cảm giác an toàn về mọi khía cạnh của cuộc sống chung khiến cho các cá nhân có cảm nhận về mối quan hệ đồng tính là thực tế, có trách nhiệm và tăng tính cam kết, nỗ lực đầu tư cho cuộc sống chung và do đó làm tăng chất lượng cuộc sống, chất lượng mối quan hệ giữa hai cá thể trong xã. Bên cạnh đó, quan sát ở các nước Bắc Âu cho thấy sau khi thông qua luật cho phép đăng ký chung sống, sự gắn bó của các cá nhân có tính lâu dài khi đăng kí sống chung đồng nghĩa với sự cam kết hành vi chung thủy và do đó giảm lây truyền các bệnh qua đường tình dục. Luật pháp ngăn cấm quyền chung sống của người đồng tính cùng với kỳ thị xã hội đã gây ra các vấn đề sức khỏe tâm trí cho người đồng tính. Điều tra nghiên cứu trên quần thể người đồng tính ở Massachusetts suốt 12 tháng kể từ khi bang này thông qua luật cho phép kết hôn đồng giới đã chỉ ra xu hướng giảm một cách có ý nghĩa thống kê số lượt khám bệnh nói chung (trong khi không giảm các xét nghiệm định kỳ), khám tâm thần và do đó giảm đáng kể các chi phí chăm sóc sức khỏe. Tương tự, sau 5 năm kể từ khi luật kết hôn đồng giới thông qua tại Canada, nghiên cứu trên một nhóm quần thể đăng ký kết hôn đầu tiên cũng chỉ ra các cặp đôi này có chỉ số thỏa mãn với cuộc sống chung tăng lên, lòng tự tin tăng lên và tự kỳ thị giảm đáng kể. Điều quan trọng là sự thay đổi này không chỉ diễn ra ở các cặp đăng ký sống chung mà còn cho cả cộng đồng những người đồng tính nói chung vì vấn đề kết hôn hoặc không kết hôn lúc này trở thành sự lựa chọn cá nhân, chứ không liên quan đến quyền được kết hôn hay không. Như vậy, các qui định luật pháp cho kết hôn đồng giới còn có ảnh hưởng rất tích cực đến sức khỏe cộng đồng, và chi phí hiệu quả đối với các vấn đề liên quan phúc lợi xã hội.

### ***2.2.3.2. Đối với những người xung quanh***

Đối với bố mẹ người đồng tính, họ sẽ có được sự giải tỏa tâm lý khi biết con mình có cơ hội tiến tới hôn nhân và cuộc sống gia đình như những

người khác trong xã hội. Sự thừa nhận pháp luật về chung sống có đăng ký hoặc hôn nhân đồng giới sẽ giúp giảm bớt áp lực xã hội lên bố mẹ, giảm căng thẳng trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Bên cạnh đó, hôn nhân hợp pháp cũng mang lại cảm giác được thừa nhận và gắn bó với gia đình, bố mẹ của người bạn đời. Mọi quan hệ khăng khít, gắn bó giữa các thế hệ gia đình chắc chắn là môi trường tích cực cho sự phát triển tâm lý của tất cả các thành viên gia đình và rõ ràng chức năng xã hội hóa con trẻ của gia đình trong bối cảnh này sẽ được đảm bảo. Điều này giúp tránh được những hậu quả đáng tiếc khi mối quan hệ cha mẹ và con cái đổ vỡ như việc trẻ phải bỏ nhà đi hay các vấn đề sức khỏe tâm trí của bố mẹ.

#### **2.2.4. Chức năng nuôi dưỡng và xã hội hóa con trẻ trong gia đình đồng tính**

Trước khi thừa nhận hôn nhân đồng giới, rất nhiều nước đã tiến hành các nghiên cứu so sánh kết quả phát triển của trẻ em trong các gia đình hôn nhân truyền thống và các kiểu hình gia đình khác. Hội Nhi khoa Hoa Kỳ (The American Academy of Pediatrics) (2002), Hội Y học Sinh sản Hoa Kỳ (The American Society for Reproductive Medicine) (2006) đã kết luận không có bằng chứng nào chỉ ra bất kỳ nguy cơ cho sự phát triển của trẻ khi trẻ được nuôi dưỡng trong các gia đình đồng tính. Thực tế, hầu hết các nghiên cứu về gia đình trong vòng 40 năm gần đây ở các nước và vùng lãnh thổ thừa nhận một trong các hình thức chung sống của người đồng tính đều chỉ ra sự phát triển và hạnh phúc của trẻ lại phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ giữa trẻ và người lớn, sự cởi mở, trao đổi giữa những người trong gia đình và trẻ, sức khỏe tâm trí, sự hòa hợp và hợp tác của những người lớn trong gia đình mà không phụ thuộc vào cấu trúc gia đình bố mẹ khác giới hay cùng giới, hay bố mẹ độc thân. Một số nghiên cứu còn chỉ ra những đứa con do đồng tính nữ sinh ra và được nuôi dưỡng trong gia đình đồng tính nữ thậm chí có một số khả năng vượt trội hơn trẻ em trong các gia đình hôn nhân truyền thống. Trong khi nghiên cứu về khả

năng nuôi dạy con của các cặp đồng tính nam cho thấy sự vượt trội hơn các ông bố dị tính khi họ có cả các khả năng chăm sóc trẻ giống như người mẹ.

Hiện nay, bất cứ cá nhân nào có đủ năng lực dân sự đều được quyền nhận con nuôi theo qui định ở Việt Nam. Người con nuôi sẽ có cơ hội nhận được sự nâng đỡ tâm lý và cảm giác công bằng khi sống với một cặp được luật pháp công nhận như cặp bố mẹ trong các gia đình khác, đặc biệt có được cảm giác ổn định khi cặp bố mẹ đồng tính có mối gắn kết lâu dài thông qua sự thừa nhận của pháp luật.

### *Chương 3*

## **THỰC TRẠNG KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐẶT RA HIỆN NAY**

### **3.1. THỰC TRẠNG KẾT HÔN ĐỒNG GIỚI Ở VIỆT NAM**

#### **3.1.1. Thực trạng về kết hôn đồng giới ở Việt Nam hiện nay**

Ở Việt Nam hiện nay, theo số liệu của ISEE có khoảng 1,65 triệu người đồng tính trong độ tuổi từ 15-59, chiếm từ 3-5% dân số. Mặc dù cho đến nay luật hôn nhân gia đình 2014 đã được quốc hội thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2015, vẫn không thừa nhận hôn nhân đồng tính, và cũng không có quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh giữa việc sống chung giữa những người cùng giới tính

##### ***3.1.1.1. Xét dưới khía cạnh truyền thống văn hóa***

Không một đất nước nào tồn tại và phát triển được nếu như không dựa trên cơ sở, nền tảng của truyền thống văn hóa, và Việt Nam cũng không ngoại lệ, chính những truyền thống văn hóa từ lâu đời của ông cha ta xưa đã góp phần không nhỏ hình thành nên một Việt Nam rất riêng, rất mới, và rất lạ trong mắt của nghị trường thế giới nói chung và ở vùng Đông Nam Á nói riêng. Có những cái nhìn, những quan niệm sống từ thời xưa đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị trong nhiều lĩnh vực nhưng đặc biệt là trong lĩnh vực đời sống gia đình.

Quan niệm về văn hóa gia đình Việt Nam truyền thống cho rằng gia đình là tế bào của xã hội, là một đơn vị cộng đồng ra đời cùng với xã hội loài người, bắt nguồn từ quan hệ nam nữ và việc sinh đẻ, nuôi dạy con cái.

Dưới khía cạnh khách quan, người ta nhìn nhận đồng tính như là một hiện tượng đi ngược lại trật tự tự nhiên, mà đặc biệt là tình dục đồng tính. Thông thường quan hệ tình dục chỉ phù hợp với bản chất và mục đích của nó, khi chúng diễn ra trong quan hệ yêu thương giữa người nam và người nữ. Vì

quan niệm từ xa xưa, kết quả của một tình yêu đích thực là hôn nhân, và một trong những yếu tố duy trì hạnh phúc gia đình chính là quan hệ tình dục và con cái.

Dưới khía cạnh chủ quan, truyền thống từ xa xưa, nước ta cũng như các nước phương Đông khác rất coi trọng việc sinh con đẻ cái, nối dõi dòng giống, tổ tiên, đề cao gia đình, tôn tộc, anh em...

Từ những hướng nhìn khách quan và chủ quan như trên nên người đồng tính không được xã hội Việt Nam nhìn nhận như một người bình thường, và dưới sự ảnh hưởng của xã hội mà pháp luật Việt Nam không quy định bất cứ điều luật nào để bảo vệ quyền lợi cho người đồng tính, thậm chí còn cấm đoán. Nhưng việc cấm kết hôn giữa người đồng tính của pháp luật nước ta không xem như là quá hà khắc như pháp luật của các nước Hồi giáo, vì thế mà nước ta vẫn được xếp vào nhóm nước không thừa nhận quyền của người đồng tính và cũng như không ban hành pháp luật bảo vệ.

### ***3.1.1.2. Xét dưới khía cạnh tôn giáo, tín ngưỡng***

Việt Nam là nước có truyền thống văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng lâu đời. Về tín ngưỡng, từ xa xưa, con người cảm nhận thời gian qua những niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, họ đã hình dung ra thần thánh có sức mạnh thần kỳ, mặc nhiên thống trị cuộc sống nhân gian. Niềm tin đó tạo nên những hành động tương ứng, biểu hiện qua việc thờ cúng, các nghi lễ, tập tục. Tất cả điều đó làm nên tín ngưỡng dân gian.

Các loại tín ngưỡng chủ yếu của người Việt: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ mẫu, sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng thờ thành hoàng, tín ngưỡng tứ bất tử, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và tín ngưỡng thờ thổ công. Trong đó tín ngưỡng phồn thực coi trọng việc giao phối giữa nam và nữ nhằm sinh sôi nở, phát triển giống nòi, nên tín ngưỡng phồn thực tuy không cấm mối quan hệ đồng tính nhưng nó lại xem mối quan hệ đồng tính là trái tự nhiên và đi trái lại niềm tin của tín ngưỡng này.

Về tôn giáo nước ta là nước có nhiều tôn giáo (Phật giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo, Cao đài, Hòa hảo, ...), các tín đồ có tôn giáo chiếm 1/3 dân số cả nước, họ phân bố rải rác từ những vùng xa xôi hẻo lánh của miền Bắc đến tận những cách đồng phì nhiêu ở miền Nam. Các hệ thống tôn giáo này tuy khác nhau nhưng về bản chất nó đều hướng con người, đến cái thiện, phù hợp với đạo đức con người và lối sống từ lâu đời của dân tộc ta, rồi từ đó đưa xã hội đi lên.

Theo lẽ tự nhiên gia đình là nơi bị chi phối mạnh mẽ nhất của tôn giáo. Mỗi cá nhân, mỗi thành viên có cách nghĩ riêng và từ đó hướng gia đình của mình theo những cách nghĩ khác nhau, cũng như mỗi gia đình chịu ảnh hưởng khác nhau từ nhiều tôn giáo. Và đó, chính những quan niệm trong tôn giáo này lại có tác động đối với quan niệm của người Việt Nam khi xem xét, nhìn nhận hay đánh giá về các quan hệ đồng tính hiện nay.

### **3.1.2. Thực trạng kết hôn đồng tính tại Việt Nam**

Chưa có cuộc điều tra nào ước lượng số người là đồng tính ở Việt Nam. Trên thế giới có nhiều nghiên cứu khác nhau nhưng cho các tỉ lệ khác nhau, biến động từ 1% đến 9% người ở độ tuổi sinh hoạt tình dục tự nhận họ là người đồng tính và song tính. Điều tra quốc gia về phát triển gia đình ở Hoa Kỳ năm 2002 cho kết quả 4,1% nam giới và 4,1% nữ giới tự nhận mình là người đồng tính và song tính. Ở Canada, theo kết quả điều tra tháng 6 năm 2012 thì có 5% dân số tự nhận mình là người đồng tính, song tính và chuyển giới. Điều tra quốc gia ở Pháp năm 1991 cho kết quả có 10,7% nam giới và 3,3% phụ nữ có hành vi tình dục đồng giới và 8,5% nam giới và 11,7% phụ nữ thừa nhận có hấp dẫn tình dục đồng giới nhưng không có hành vi quan hệ tình dục đồng giới. Như vậy, nếu lấy tỉ lệ trung bình, "an toàn" mà nhiều nhà khoa học thừa nhận là 3% thì số người đồng tính và song tính tạm tính ở Việt Nam trong độ tuổi từ 15 đến 59 vào khoảng 1,65 triệu người (tính theo dân số Việt Nam năm 2007 có 55,38 triệu người trong độ tuổi 15-59).

Khác với nhiều nước trên thế giới, quan hệ đồng giới ở Việt Nam

không bị tội phạm hóa. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu của iSEE thì kỳ thị với người đồng tính còn phổ biến, đặc biệt là qua lời nói với 95% người đồng tính nam được hỏi đã từng nghe người khác nói người đồng tính là không bình thường. Bên cạnh đó, khi bị phát hiện là người đồng tính 20% mất bạn, 15% bị gia đình chửi mắng hoặc đánh đập; Nghiêm trọng hơn, 4,5% đã từng bị tấn công vì là người đồng tính, 1,5% nói bị đuổi học, 4,1% đã từng bị đuổi ra khỏi chỗ ở và 6,5% bị mất việc vì là người đồng tính.

Có lẽ, có nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng một trong những nguyên nhân quan trọng là hiểu biết về xu hướng tình dục đồng tính ở Việt Nam còn hạn chế, thậm chí là sai lệch. Theo kết quả nghiên cứu của iSEE năm 2011 về hiểu biết của xã hội về đồng tính ở Hà Nội, Hà Nam, Thành phố Hồ Chí Minh và An Giang thì một phần lớn người dân đang có kiến thức sai về đồng tính hoặc có thái độ tiêu cực về đồng tính như được trình bày ở bảng 3.1.

**Bảng 3.1: Quan điểm sai lầm về đồng tính**

Quan điểm về đồng tính	Đồng ý (%)
Đồng tính có thể chữa được	48
Đồng tính là trào lưu xã hội	57
Người đồng tính không thể sinh con	62
Thất vọng nếu con là đồng tính	77
Ngăn cản con chơi với người đồng tính	58

*Nguồn: Theo kết quả nghiên cứu của iSEE năm 2011 về hiểu biết của xã hội về đồng tính ở Hà Nội, Hà Nam, Thành phố Hồ Chí Minh và An Giang.*

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã loại đồng tính ra khỏi danh sách bệnh vào năm 1990. Đã không phải là bệnh thì không phải chữa và không thể chữa. Xu hướng tình dục là tự nhiên, không thể học đòi hoặc thay đổi nên một người là dị tính thì không thể học đòi thành đồng tính và ngược lại. Người đồng tính là những người nam giới hoặc phụ nữ như những người dị tính với

khác biệt duy nhất là xu hướng tình dục - thay vì yêu người khác giới họ yêu người cùng giới. Chính vì vậy, khả năng sinh con là bình thường như những người dị tính. Qua các con số trên thấy rằng cần phải có nhiều hoạt động truyền thông, giáo dục để giảm định kiến và kỳ thị tiến tới bảo vệ quyền bình đẳng cho người đồng tính.

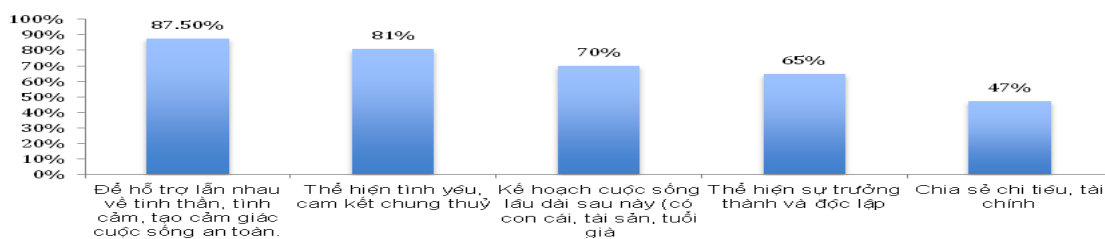
Trên thực tế, nhiều người trong cộng đồng đồng tính không dám tin vào quan hệ lâu dài do không được thừa nhận và bảo vệ. Những sức ép từ gia đình, định kiến từ xã hội và sự cấm đoán kết hôn của pháp luật hiện tại làm cho người đồng tính gặp trở ngại trong quan hệ. Tuy nhiên, hiện nay cộng đồng người đồng tính sống công khai, có quan hệ tình cảm với nhau ngày càng tăng. Theo kết quả nghiên cứu đồng tính nữ năm 2012 thì tại thời gian hỏi có 62% đang có người yêu là nữ và 87% đang hoặc đã từng có người yêu. Chính vì vậy, chắc chắn ngày càng có nhiều người đồng tính có nhu cầu sống chung và muốn được pháp luật bảo vệ. Khi sống chung, có nhiều vấn đề nảy sinh trong cuộc sống của các cặp đôi đồng tính như sở hữu tài sản, đầu tư chung hoặc sinh con và nuôi con nên nhu cầu mong được pháp luật bảo vệ ngày càng tăng.

Trong cuộc điều tra về đồng tính nữ của iSEE năm 2012 có 92% người được hỏi (mẫu nghiên cứu trên 2,401 người) muốn pháp luật cho phép kết hôn cùng giới. Trong điều tra tương tự năm 2012 do Trung tâm ICS thực hiện với hơn hai nghìn người đồng tính nam và đồng tính nữ tham gia thì 71% mong muốn được pháp luật cho phép kết hôn cùng giới, 25% muốn được sống chung có đăng ký và 4% muốn được sống chung không đăng ký. Trong nghiên cứu đồng tính nữ, nếu pháp luật cho phép, 77% cho rằng họ muốn kết hôn, 3% không muốn, 16% cho rằng kết hôn hay không không quan trọng và số còn lại không rõ mong muốn của mình. Về nhu cầu sinh con, 70% người đồng tính nữ muốn có con, 13% không muốn và 17% không rõ. Như vậy, khi phân tích về mục đích sống chung của những người đồng tính Khi phân tích về mục đích sống chung của những người đồng tính thuộc



mẫu nghiên cứu này với những người hiện trong độ tuổi kết hôn, có thể thấy việc quyết định sống chung của những người đồng tính thể hiện khá rõ nét mong muốn thiết lập một cuộc sống chung ổn định, có vai trò và trách nhiệm giống như mối quan hệ hôn nhân của những người nam và nữ. Trong số gần 3.000 người truy cập vào đường dẫn điều tra trực tuyến do Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (ISEE) thực hiện trong năm 2013, hơn 11% người hiện đang trong mối quan hệ cùng giới đang sống chung với nhau tại nhà của một trong hai người hoặc cùng mua, thuê nhà để sống chung. Số ít hơn (5.6%) hiện sống cùng với gia đình hoặc người cùng chung sống. Những cặp đôi cùng giới đang chung sống đều ở độ tuổi có điều kiện để có thể ở chung, có tài chính ổn định, hoặc sống xa gia đình và ở trọ riêng một mình. Thời gian của mối quan hệ này khá lâu dài và ổn định (trên 2 năm và trên 5 năm có xu hướng phổ biến hơn với các cặp nữ). Hầu hết các cặp đôi không hề có nghi lễ ra mắt hoặc thực hiện bất cứ thủ tục gì khi quyết định về sống chung với nhau.

**Hình 3.1: Lý do quyết định sống chung của các cặp trong độ tuổi kết hôn và đang sống chung**



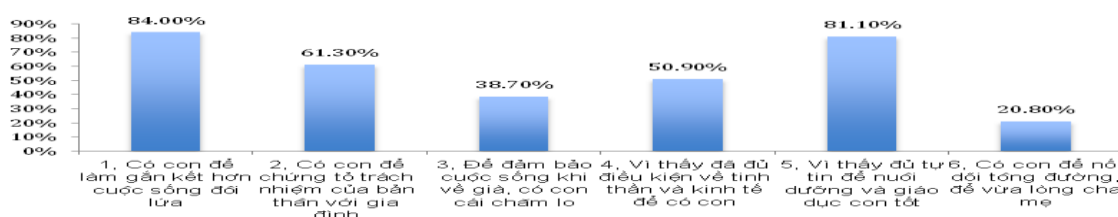
*Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu pháp (phụ lục kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII).*

Có khoảng một phần tư số cặp tham gia nghiên cứu định tính cho biết gia đình của người yêu mình không hề biết về mối quan hệ đồng giới của con họ. Chỉ có một số người tổ chức bữa tiệc nhỏ để những người thân

biết về mối quan hệ đồng giới của họ. Cũng giống như việc tạo dựng và bắt đầu một cuộc hôn nhân giữa những người nam và nữ, các cặp đôi cùng giới khi đi đến quyết định sống chung đa phần là kết quả của mong muốn tạo dựng một không gian chung của hai người mà ở đó họ có thể mang lại sự chia sẻ về tinh thần, tình cảm (87.5%), thể hiện sự cam kết thủy chung (81%), bắt đầu những cam kết ổn định và lâu dài (70%).

*Khảo sát về mong muốn có con* trong nhóm người trả lời thuộc độ tuổi kết hôn và hiện đang trong một mối quan hệ đồng giới cho thấy: 61% mong muốn có con trong tương lai, 9% không muốn có con, 30% còn lại chưa nghĩ hoặc chưa tính đến việc này. Về mục đích và ý nghĩa của việc có con, đa phần các cặp đôi cho rằng việc có con sẽ giúp họ tăng cường sự gắn bó cho cuộc sống đôi lứa (84%) hay coi đó là trách nhiệm của bản thân với gia đình (61.3%). Vì không thể sinh con một cách tự nhiên trong mối quan hệ đồng giới, các cặp đôi lựa chọn cho mình các hình thức đa dạng và tùy vào hoàn cảnh từng gia đình. Khá nhiều cặp đôi chọn cách đầu tư tình cảm, tài chính và công sức cho cháu mình để có thể thay thế người con. Khoảng 1/5 số người tham gia phỏng vấn sâu có ý định có con đẻ của mình. Có những cặp lại muốn nuôi con nuôi (nhận trẻ mồ côi).

**Hình 3.2: Ý nghĩa của việc mong muốn có con**

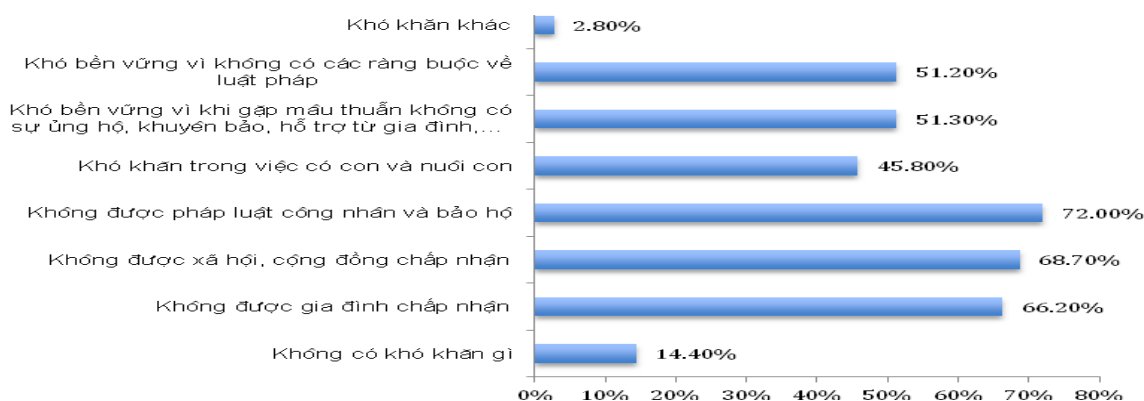


*Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu u lậ p pháp (phụ c vụ kỳ họ p thứ 6 Quốc hội khóa XIII).*

Các cặp đôi cùng giới cho biết đa phần *những khó khăn* của họ đến từ việc không được pháp luật công nhận và bảo hộ (72%), không được sự công

nhận của xã hội và cộng đồng (68.7%) hay gia đình không chấp nhận (66.2%). Bên cạnh đó, việc không có sự ràng buộc về mặt pháp luật (51.2%), hoặc không có sự tư vấn, khuyên bảo hay hỗ trợ từ gia đình khi gặp các mâu thuẫn trong tình cảm cũng khiến quan hệ của họ kém bền vững hơn (51.3%).

**Hình 3.3: Những khó khăn trong mối quan hệ cùng giới**



*Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu pháp (phục vụ kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII).*

Khó khăn trong mối quan hệ giữa hai người đồng tính cũng có thể xuất phát từ chính mong muốn có con. Việc có con trong điều kiện cuộc sống lứa đôi của người đồng tính có nhiều khó khăn, phần nhiều là do không có được sự hỗ trợ từ bên ngoài và môi trường pháp lý trong nuôi dạy con. Họ không những không thể trông cậy vào sự giúp đỡ từ gia đình hai bên trong việc hỗ trợ nuôi dạy con mà còn phải lo kinh tế, tài chính vững vàng trước khi tính chuyện sinh con riêng hoặc nuôi con cũng như nghĩ cách đối phó, hợp thức hóa trước mặt gia đình họ hàng. Đây cũng là khó khăn mang tính đặc thù cho các đôi đồng tính nam và đôi đồng tính nữ khi mối quan hệ của họ chưa được thừa nhận. Khá nhiều cặp đôi thể hiện mối quan ngại về môi trường nuôi dạy con trong một xã hội chỉ chấp nhận hôn nhân giữa những người khác giới nếu họ sử dụng hỗ trợ sinh sản để đẻ con hoặc xin con nuôi.

### **3.2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ ĐẶT RA HIỆN NAY ĐỐI VỚI QUAN HỆ ĐỒNG GIỚI TÍNH**

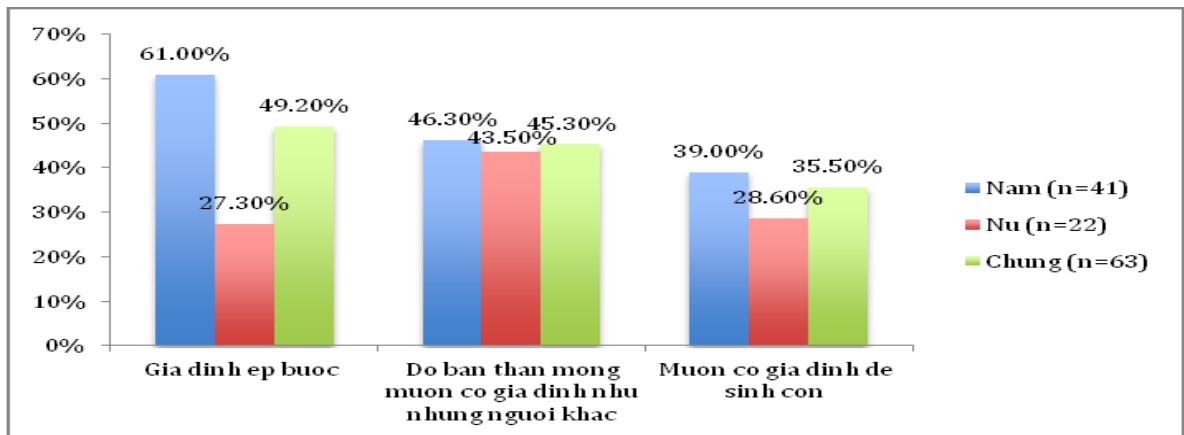
#### **3.2.1. Các vấn đề pháp lý khi hôn nhân đồng giới không được thừa nhận**

Từ thực trạng các mối quan hệ đồng tính ở Việt Nam hiện nay thấy rằng kết hôn là một nhu cầu thực tế của những người đồng tính. Việc không thừa nhận hôn nhân đồng giới dẫn đến một số hệ lụy. Dù pháp luật không công nhận thì họ vẫn đang sinh sống với nhau, từ đó phát sinh các quan hệ về nhân thân, tài sản hoặc về con cái (ví dụ sinh con riêng hoặc cùng nhận con nuôi), tuy nhiên lại chưa có cơ sở pháp lý để điều chỉnh các vấn đề này.

Pháp luật hiện hành chỉ quy định hỗ trợ sinh sản cho các cặp vợ chồng hiếm muộn, nếu những người đồng tính nam muốn có con đẻ, họ phải sử dụng đến dịch vụ đẻ thuê. Trong trường hợp này, người nam đồng tính cùng chung sống cũng không thể nhận là bố nuôi vì pháp luật quy định khi mối quan hệ con nuôi đã được xác định thì bố mẹ đẻ không còn quyền và nghĩa vụ với người con này nữa (Khoản 4 Điều 24 Luật Nuôi con nuôi năm 2010). Như vậy, rất khó duy trì cả quyền và nghĩa vụ của hai người đồng tính với đứa con. Tương tự như vậy, khi một người đồng tính nữ sinh con, người đồng giới cùng chung sống cũng không thể nhận là mẹ nuôi của đứa con và do đó không thể thực hiện quyền giám hộ khi cần thiết. Thực tiễn xét xử của Tòa án trong thời gian qua cho thấy, đã có một số vụ việc tranh chấp về tài sản giữa những người đồng tính có quan hệ sống chung nhưng chưa có cơ sở pháp lý cụ thể để giải quyết tranh chấp. Mặt khác, cho dù hai người trong cặp đôi đồng tính đã có sự sắp xếp tài sản trong quá trình chung sống, nhưng người này sẽ không được quyền thừa kế tài sản của người kia nếu một trong hai người qua đời đột ngột. Trong hoàn cảnh này, sẽ có những tài sản chung phải bán đi để trả phần giá trị đó cho người nhà của người đã mất mà không phải món đồ chung nào hai người cũng thực hiện thủ tục đăng ký dân sự về sở hữu chung tài sản.

Theo số liệu từ cuộc khảo sát về mối quan hệ đồng giới do Trung tâm nghiên cứu về quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới cho thấy, việc không thừa nhận kết đôi đồng giới sẽ tác động đến những người đồng tính ở các khía cạnh: sự kỳ thị xã hội tiếp tục tiếp diễn (87%), người đồng tính có thể bị trở thành nạn nhân của bạo lực gia đình hoặc bạo lực học đường (87.8%), không dám bộc lộ xu hướng tính dục (95.5%), nhiều người kết hôn dị tính giả (89%), không được đảm bảo quyền yêu thương và kết đôi (94%), không được đảm bảo sức khỏe tinh thần (93.9%), không có được đời sống và sức khỏe tình dục viên mãn (92.5%). Về các tác động đến gia đình của những người đồng tính, kết quả điều tra cho thấy: nếu không có sự công nhận của pháp luật, gia đình của những người đồng tính họ tiếp tục phải chịu sự kỳ thị xã hội nặng nề (74.9%), vấn đề bạo hành gia đình sẽ còn tiếp diễn (62,4%). Với xã hội nói chung không có sự công nhận pháp luật với kết hôn cùng giới, sự kỳ thị của xã hội đối với người đồng tính thì sẽ còn tiếp diễn nặng nề (71,2%), từ đó khiến người đồng tính không tự tin tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động kinh tế - xã hội (71,8%), làm gia tăng nguy cơ lây lan Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (HIV/AIDS) và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (82,1 %). Một hậu quả không nhỏ của việc không thừa nhận hôn nhân đồng giới là đã có rất nhiều người đồng tính phải tạo vỏ bọc cho mình. Ví dụ người đồng tính nữ phải lập gia đình và có con, sau đó mới tìm đến hạnh phúc cho riêng mình bằng cách ly dị chồng hoặc duy trì những mối quan hệ bên ngoài với người đồng giới. Trong mẫu nghiên cứu với 63 người đồng tính, tỷ lệ người nữ đồng tính cho biết họ kết hôn với người khác giới vì nguyên nhân bị gia đình ép buộc chiếm 27,3%, do bản thân mong muốn có một gia đình bình thường như những người khác chiếm 43.5% và kết hôn vì muốn có gia đình để sinh con chiếm 28.6%. Tỷ lệ này ở người đồng tính nam lần lượt là 61%, 46.3% và 39%.

**Hình 3.4: Lý do kết hôn với người khác giới của người đồng tính**



*Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu pháp luật (phụ lục kỹ lục phần 6 Quốc hội khóa XIII).*

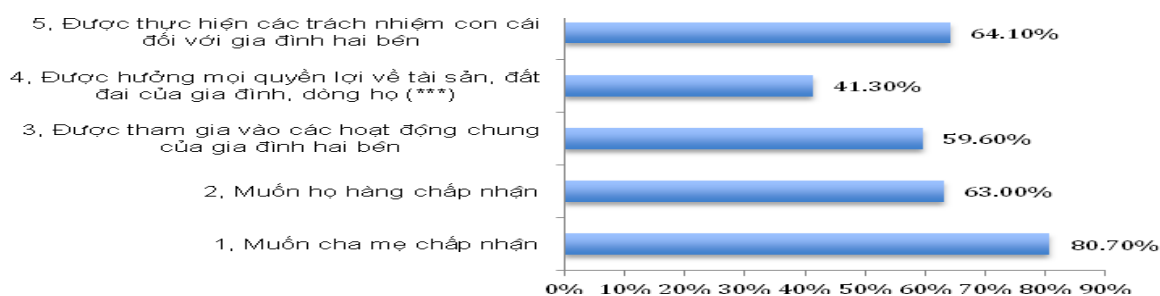
### **3.2.2. Hôn nhân đồng giới: Nên hay không nên được thừa nhận**

Trước khi trả lời câu hỏi pháp luật nên hay không nên thừa nhận hôn nhân đồng giới, có lẽ một điều có thể khẳng định chắc chắn rằng: việc thừa nhận hay không thừa nhận hôn nhân đồng giới không phải là mong muốn chủ quan của các nhà lập pháp, các nhà hoạch định chính sách hay của bản thân những người đồng tính mà điều này phải dựa trên thực trạng mối quan hệ hôn nhân đồng giới ở nước ta cũng như những phân tích, nghiên cứu khoa học có tính thuyết phục về hệ quả tích cực hoặc tiêu cực nếu thừa nhận hoặc không thừa nhận hôn nhân đồng giới, cùng với đó là việc tham khảo kinh nghiệm pháp luật về hôn nhân đồng giới của các nước trên thế giới.

#### **3.2.2.1. Nhu cầu hợp pháp hóa hôn nhân của người đồng tính**

Hơn 80% người trả lời trong điều tra trực tuyến của Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường trong năm 2013 cho biết họ mong muốn được cha mẹ chấp nhận, 63% cho biết họ muốn được họ hàng chấp nhận để có thể làm tròn nghĩa vụ và 64% mong muốn được thực hiện trách nhiệm của con cái với gia đình hai bên.

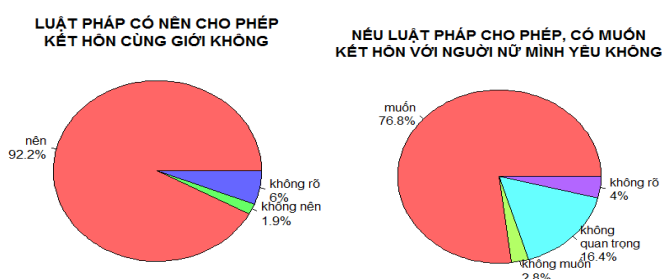
**Hình 3.5: Mong muốn, nhu cầu đối với sự chấp nhận của gia đình**



Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu pháp (phụ lục kỹ họ p thứ 6 Quốc hội khóa XIII).

Cũng trong cuộc khảo sát trực tuyến trên, với những người đồng giới nữ (nữ yêu nữ), 92,2% người được hỏi muốn pháp luật cho phép kết hôn cùng giới, 76,8% cho biết họ sẽ kết hôn nếu luật pháp cho phép, 16,4% nói kết hôn hay không kết hôn không quan trọng. Số trả lời không muốn và không rõ chỉ là 2,8% và 4%.

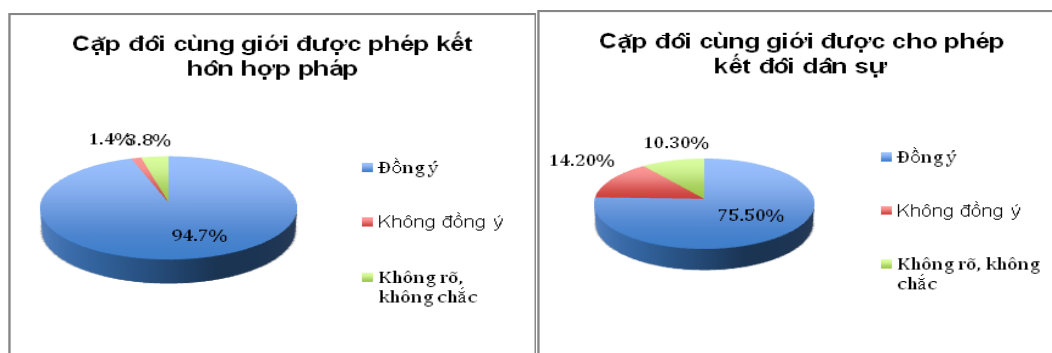
**Hình 3.6: Mong muốn được pháp luật cho phép kết hôn cùng giới của nhóm đồng giới nữ**



Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu pháp (phụ lục kỹ họ p thứ 6 Quốc hội khóa XIII).

Trong khảo sát về kết đôi cùng giới do Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường tiến hành gần đây nhất cho thấy 94,7% người tham gia trả lời điều tra trực tuyến cho biết họ ủng hộ sự công nhận pháp lý đối với hôn nhân cùng giới.

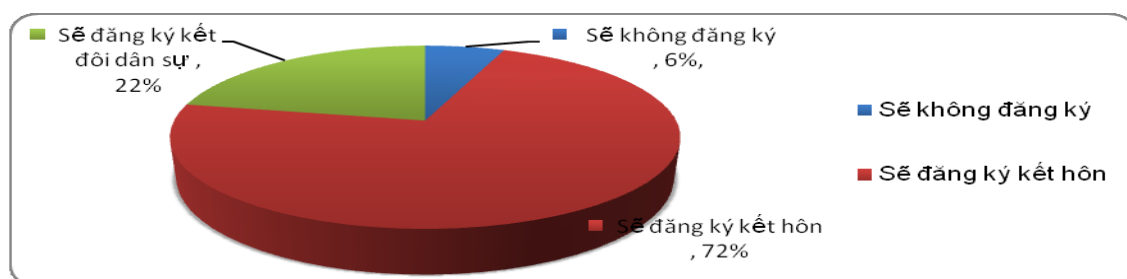
**Hình 3.7: Tỷ lệ ủng hộ sự công nhận pháp lý đối với hôn nhân đồng giới**



Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu u lậ p pháp (phụ c vụ kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII).

Còn trong một khảo sát khác của Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường, với sự tham gia của 1.881 người đồng tính thì 72% người đồng tính cho biết họ sẽ đăng ký kết hôn và 22% cho biết họ sẽ áp dụng hình thức đăng ký kết đôi dân sự, với tình huống giả định là các hình thức đăng ký kết đôi dân sự và kết hôn đồng giới được pháp luật cho phép. Chỉ có 6% cho biết họ sẽ không đăng ký. Ngoài ra, có một số người cho biết họ sẽ cân nhắc giữa việc áp dụng kết hợp hai hình thức đăng ký để đảm bảo cho cuộc sống hôn nhân của mình được bền vững, ví dụ: đăng ký kết đôi dân sự trước, sau một khoảng thời gian nhất định thì sẽ đăng ký kết hôn.

**Hình 3.8: Lựa chọn các hình thức đăng ký trong trường hợp được pháp luật cho phép**



Nguồn: Chuyên đề thông tin: Hôn nhân đồng giới: "kinh nghiệm một số nước và thực tế Việt Nam" - Viện nghiên cứu u lậ p pháp (phụ c vụ kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII).



Phân tích tương quan trong khảo sát nhu cầu kết đôi của người đồng tính cho thấy, những người cho biết sẽ không đăng ký dưới bất kỳ một hình thức nào thường là những người nam, hoàn toàn không bộc lộ về xu hướng tính dục; những cặp đôi bị cha mẹ phản đối, có mức độ gắn kết tình cảm với gia đình hai bên kém và là những người không mong muốn có con trong tương lai. Những người chọn hình thức đăng ký kết hôn chiếm số đông thường là những người cởi mở hoàn toàn với gia đình, là những người được cha mẹ ủng hộ hoặc phần nào ủng hộ quan hệ cùng giới, có quan hệ tốt với hai gia đình và mong muốn có con trong tương lai. Những người chọn hình thức đăng ký kết đôi dân sự có xu hướng là những người không bộc lộ về xu hướng tính dục với cả gia đình và trong các bối cảnh khác, là những cặp đôi bị gia đình phản đối và có quan hệ không tốt với gia đình hai bên, và là những người chưa nghĩ đến việc có con trong tương lai. Như vậy, những thông tin từ số liệu định lượng có thể gợi ý rằng chính sự kỳ thị của gia đình và xã hội, những lo ngại về sợ bị kỳ thị khiến những người đồng tính ngần ngại hơn khi quyết định hợp thức hóa sự sống chung của mình theo hình thức hôn nhân và họ có thể lựa chọn hình thức đăng ký kết đôi dân sự để vừa đảm bảo những quyền lợi pháp luật, vừa tránh được các phán xét mà họ có thể phải chịu đựng từ phía gia đình và xã hội. Còn khi vấn đề về kỳ thị được giải quyết, nghĩa là khi họ thoải mái cởi mở về bản thân và nhận lại được sự ủng hộ của xã hội, họ thể hiện rõ sự sẵn sàng bước vào một mối quan hệ hôn nhân đúng theo giá trị của văn hóa và quy định của pháp luật.

### ***3.2.2. Nên hay không nên thừa nhận hôn nhân đồng giới***

Hiến pháp năm 1992, Điều 52 đã quy định "Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật" [14]. Điều này đồng nghĩa với việc pháp luật không thừa nhận cũng như không cho phép có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào vì lý do giới tính hay xu hướng tính dục của cá nhân. Người đồng tính cũng là một người bình thường như mọi người dân khác trong xã hội, có khả năng thực hiện các nghĩa vụ và được hưởng các quyền bình đẳng như những người khác. Quy

định quyền của người đồng tính trong pháp luật vừa đảm bảo cho người đồng tính có cơ sở pháp lý vững vàng để tự bảo vệ quyền lợi cho chính mình, vừa đảm bảo sự tuân thủ, tôn trọng các quyền đó từ các chủ thể khác trong xã hội.

Hiện nay, quan điểm về việc có nên thừa nhận hôn nhân đồng giới hay không vẫn là vấn đề gây tranh cãi. Trong quá trình xây dựng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hai quan điểm chính khác nhau liên quan đến vấn đề kết hôn đồng giới, cụ thể là:

***\* Quan điểm phản đối hôn nhân đồng giới***

Quan hệ hôn nhân giữa những người cùng giới tính là không phù hợp với chức năng xã hội của hôn nhân. Đây cũng là một trong những vấn đề xã hội nhạy cảm, liên quan đến quan niệm truyền thống về hôn nhân và gia đình. Do đó, cần tiếp tục duy trì quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính như hiện hành.

*Lập luận được đưa ra trong quan điểm phản đối này xuất phát từ các lý do như:*

- Quan hệ hôn nhân giữa những người đồng tính không thể sinh con để duy trì nòi giống.
- Làm tăng quan hệ tình dục đồng giới - một loại quan hệ tình dục được coi là không an toàn.
- Ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của trẻ em.
- Vi phạm các chuẩn mực đạo đức trong xã hội.
- Đi ngược với quy luật tự nhiên, không phù hợp với đa số dân số trong xã hội

*Có ý kiến cho rằng các lập luận trên chưa thật sự thuyết phục và toàn diện bởi:*

*Thứ nhất*, hôn nhân là sự xác lập quyền và nghĩa vụ vợ chồng của những người yêu nhau, mong muốn quan hệ trên được hợp thức hóa và được xã hội công nhận. Đó cũng là ý nghĩa đầu tiên và quan trọng nhất của việc kết

hôn. Mục đích sinh con, duy trì nòi giống chỉ là điều mà xã hội mong muốn khi một quan hệ hôn nhân được xác lập, nhưng đó không phải là nghĩa vụ bắt buộc với các bên khi kết hôn. Bên cạnh đó, không có một căn cứ khoa học nào cho rằng, việc không thể sinh con giữa những người đồng tính kết hôn vốn chỉ chiếm một số lượng ít trong xã hội, là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thoái hóa, tuyệt diệt giống nòi của nhân loại.

*Thứ hai*, quan điểm cho rằng kết hôn đồng giới sẽ làm gia tăng các quan hệ tình dục đồng giới không an toàn, từng có thời gian cộng đồng coi quan hệ tình dục đồng giới là nguyên nhân lây lan đại dịch HIV/AIDS trên toàn cầu. Luận điểm trên là không hợp lý bởi HIV/AIDS xuất phát từ nhiều nguyên nhân, quan hệ tình dục chỉ là một trong số đó, hơn nữa không chỉ riêng gì tình dục đồng giới mà tất cả các loại quan hệ tình dục đều không an toàn nếu các bên không sử dụng các biện pháp an toàn. Mặt khác, có thể thấy điểm không hợp lý trong việc giải thích như trên là nếu cho rằng tình dục đồng giới là không lành mạnh thì không có lý do gì để lý giải cho việc pháp luật chỉ cấm kết hôn đồng giới mà không cấm các quan hệ tình dục đồng giới.

*Thứ ba*, quan điểm cho rằng kết hôn đồng giới sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em là thiếu cơ sở. Quyền lợi của trẻ em chịu ảnh hưởng từ các mối liên hệ đa chiều, phức hợp trong xã hội chứ không chỉ từ quan hệ hôn nhân đồng tính. Nếu nói quyền lợi của trẻ em sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng tại sao pháp luật Việt Nam không cấm những người nhiễm HIV kết hôn và sinh con. Theo nghiên cứu của ngành y tế, tỷ lệ người mẹ có HIV dương tính lây truyền sang con nếu không được điều trị dự phòng là từ 30-35%, có nghĩa là trung bình cứ 100 đứa trẻ sinh ra từ những bà mẹ bị nhiễm HIV thì có tới 30-35 đứa trẻ bị nhiễm HIV. Trong trường hợp này, quyền lợi của trẻ em ít nhiều đã bị ảnh hưởng, thế thì tại sao pháp luật không cấm người nhiễm HIV kết hôn. Nếu vậy, cũng nên đối xử công bằng với người đồng tính và không nên sử dụng lý do này để khước từ quyền kết hôn của họ.

*Thứ tư*, lý do cho rằng hôn nhân đồng giới không phù hợp chuẩn mực đạo đức xã hội cũng không thực sự thuyết phục. Khi nhiều người chưa có nhận thức đầy đủ về nguồn gốc của đồng tính thì sự kỳ thị là điều tất yếu. Không ít người trong xã hội dễ dàng chấp nhận và đã tin rằng hầu hết những người đồng tính là do bị bạn bè rủ rê để thử nghiệm các lối sống mới, chạy theo những thói ăn chơi đua đòi. Do đó, xã hội thiếu sự cảm thông đối với tình trạng đồng tính. Cũng chính vì quan niệm rằng đồng tính là do ảnh hưởng từ lối sống, sinh hoạt của những người đồng tính trước đó nên cộng đồng đã bỏ mặc và xa lánh người đồng tính để tránh khỏi bị "lây lan".

**\* *Quan điểm ủng hộ hôn nhân đồng giới***

Quyền con người của người đồng tính phải được Nhà nước, xã hội và gia đình tôn trọng và bảo đảm thực hiện. Do đó, quy định về cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính cần phải bãi bỏ. Tuy nhiên, trong nhóm có quan điểm ủng hộ này lại chia thành hai nhóm khác nhau:

- *Nhóm ủng hộ tuyệt đối*: Cần chấp nhận hôn nhân đồng giới đầy đủ và ngang bằng với hôn nhân của những người khác giới vì đồng tính luyến ái là hiện tượng bẩm sinh, nhu cầu kết hôn của người đồng tính là một nhu cầu tự nhiên giống như những người dị tính (có xu hướng tính dục khác giới). Việc cấm kết hôn có thể tiếp tục dẫn tới sự kỳ thị, người đồng tính dễ có những suy nghĩ hoặc hành động tiêu cực cho chính bản thân họ, gia đình và xã hội.

- *Nhóm ủng hộ tương đối*: Trước mắt, luật chưa công nhận quyền kết hôn giữa những người cùng giới tính theo thủ tục kết hôn của những cặp khác giới nhưng có thể công nhận bằng hình thức "kết hợp dân sự" hoặc "quan hệ đối tác chung nhà" như kinh nghiệm một số nước trên thế giới tạo cơ sở pháp lý cho việc giải quyết hậu quả về nhân thân, tài sản và con cái (nếu có) từ việc chung sống giữa những người này.

### **3.3. MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VÀ Ý KIẾN VỀ LỘ TRÌNH TIẾN TỚI THỪA NHẬN HÔN NHÂN ĐỒNG GIỚI Ở VIỆT NAM**

Quan điểm cá nhân tác giả hoàn toàn ủng hộ cho pháp luật công nhận kết hôn đồng giới bởi lẽ : Như đã phân tích thì có thể thấy mong muốn được thừa nhận quyền kết hôn là mong muốn hoàn toàn chính đáng của người đồng tính. Khẳng định quyền kết hôn của người đồng tính trong pháp luật. Mặc dù cho đến nay luật hôn nhân gia đình 2014 đã được quốc hội thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2015, vẫn không thừa nhận hôn nhân đồng tính, và cũng không có quy định của pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh giữa việc sống chung giữa những người cùng giới tính, mà chỉ thay thế từ việc “ cấm” bằng từ “ không thừa nhận kết hôn giữa nhưng người cùng giới tính”. Tuy quy định như vậy chưa làm thỏa mãn quyền kết hôn cho những người cùng giới tính xong đó thể hiện sự chuyển biến nhỏ và sự kỳ vọng vào một tương lai không xa cho việc công nhận quyền kết hôn giữa những người đồng tính cho pháp luật Việt Nam. Vì vậy, thiết nghĩ Luật Hôn nhân và gia đình cần phải có quy định cụ thể về vấn đề hôn nhân đồng giới, và qui định giải quyết hậu quả pháp lý của việc sống chung giữa những người cùng giới tính như trong dự thảo sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình như các Điều 17d, khoản 1 Điều 17a, Điều 17c, của dự thảo Luật tháng 11/2013 trình quốc hội. Tuy nhiên quy định đó phải vừa bảo vệ được quyền lợi chính đáng của những người đồng tính, vừa không gây xáo trộn tâm lý xã hội. Theo quan điểm cá nhân tác giả trước khi thừa nhận người đồng tính có quyền kết hôn bình đẳng như người dị tính, chúng ta cần có lộ trình phù hợp, vừa tạo bước đệm trong chuyển biến tâm lý của xã hội; vừa đáp ứng được nguyện vọng của người đồng tính, quan trọng hơn là có những quy định làm cơ sở pháp lý để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về mặt pháp luật trong quá trình sống chung của họ trước tiên cần áp dụng theo hình thức kết đôi có đăng ký hay còn gọi là kết hợp dân sự, và ban hành các văn bản pháp lý có liên quan từ

việc công nhận hình thức kết hôn này và việc giải quyết các hậu quả pháp lý phát sinh từ quan hệ xã hội này, cụ thể như sau:

### **3.3.1. Bước đầu nên áp dụng theo hình thức kết đôi có đăng ký hay còn gọi là kết hợp dân sự như vậy sẽ mang tính khả thi và phù hợp nhất đối với Việt Nam trong thời điểm hiện nay**

Cách sử dụng hình thức kết hợp dân sự này cũng đã được thử nghiệm và đạt được những thành công nhất định tại nhiều quốc gia trước khi các quốc gia này từng bước hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Nhìn chung, hầu hết quốc gia thừa nhận hôn nhân đồng giới đều có quy định quá độ trong Luật từ việc thừa nhận quyền của người đồng giới và việc chung sống như vợ chồng của người đồng giới rồi mới có quy định về thừa nhận hôn nhân đồng giới. Ví dụ: Hà Lan quy định về đăng ký kết hợp dân sự giữa những người cùng giới tính vào năm 1998, nhưng đến năm 2001 mới thừa nhận chính thức hôn nhân hợp pháp giữa người cùng giới. Tại châu Á, Trung Quốc và Ấn Độ không thừa nhận hôn nhân đồng tính, nhưng đã hợp pháp hóa quan hệ đồng tính vào năm 1997 (Trung Quốc), 2009 (Ấn Độ). Nếu Việt Nam công nhận hình thức kết hợp dân sự giữa các cặp đôi cùng giới tính thì những người này sẽ được hưởng một số quyền giống như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Điều này đặc biệt có ý nghĩa nhằm giải quyết những hệ quả phát sinh từ việc chung sống trên thực tế của những người đồng tính.

### **3.3.2. Cùng với việc thừa nhận hình thức kết hợp dân sự thì pháp luật cần phải có những sửa đổi, bổ sung nhằm tạo ra sự thống nhất trong văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình**

Trước hết, cần sửa đổi theo hướng bãi bỏ khoản 5 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về "*cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính*". Điều luật này không phù hợp với quy định cấm cưỡng ép hôn nhân, cấm kết hôn giả tạo, lừa dối để kết hôn (khoản 2 Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) và làm cho xã hội có thêm cơ sở để tạo ra những định kiến, kỳ thị đối với người đồng tính.

### **3.3.3. Ban hành một văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh về**

### **hình thức kết hợp dân sự**

Một điều cần lưu ý là khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật này cần phải tiếp thu kinh nghiệm của các nước tiên tiến. Theo đó, văn bản quy phạm pháp luật này cần phải dự liệu những vấn đề như: tài sản chung phát sinh trong thời kỳ chung sống giữa hai người đồng tính. Khi họ không chung sống nữa, khối tài sản đã tạo lập trong thời gian đã chung sống sẽ phân chia thế nào? Vấn đề hai người đồng tính cùng nhận con nuôi thì cả hai có được cùng đứng tên là bố, hoặc cùng đứng tên là mẹ nuôi của đứa trẻ không? Vấn đề khi một người qua đời mà không để lại di chúc thì người kia có quyền hưởng thừa kế tài sản như quyền thừa kế của vợ, chồng?...

#### **3.3.4. Rà soát các văn bản pháp luật hiện hành nhằm có những điều chỉnh thích hợp theo hướng thừa nhận *vấn đề* kết hợp dân sự**

Theo đó, cần sửa đổi các quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2005 theo hướng thừa nhận các bên trong quan hệ kết hợp dân sự có quyền đại diện cho nhau, giám hộ lẫn nhau... Sửa đổi Luật Nuôi con nuôi theo hướng thừa nhận quyền nuôi con của những người đồng tính. Sửa đổi các quy định trong pháp luật về hộ tịch về quyền đăng ký hộ tịch của những người đồng tính tham gia kết hợp dân sự.

## KẾT LUẬN

Đồng tính là những điều tự nhiên của xã hội loài người, không phải là khiếm khuyết của xã hội, không phải là bệnh và do đó cũng không thể lây lan từ người này sang người khác. Người đồng tính là nhóm người chiếm số ít trong xã hội, nhưng trong xã hội họ vẫn họ bị kỳ thị rất nhiều, quyền lợi pháp lý của họ trong một số lĩnh vực chưa được pháp luật của Việt Nam cũng như một số nước trên thế giới thừa nhận. Quan điểm của xã hội cũng cũng như các nhà lập pháp về những vấn đề trên còn khác nhau, thậm chí mâu thuẫn và ở nhiều mức độ chấp nhận khác nhau và xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân như nội dung trong bài đã phân tích.

Đối với quan niệm của Việt Nam xuất phát từ nhiều quan điểm truyền thống, còn khá lạc hậu, ăn sâu vào suy nghĩ của nhiều người nên không chấp nhận người đồng tính, coi đó là hiện tượng bất bình thường, sự khiếm khuyết của xã hội. Chủ nghĩa độc tôn dị tính đã ăn sâu vào tâm trí của nhiều người dân Việt Nam từ đó, sự bó hẹp trong khuôn khổ của một "*xã hội dị tính*" là điều phổ biến. Mặc dù trong xã hội hiện nay có cái nhìn tích cực hơn về người Đồng tính nhưng vẫn chưa ủng hộ họ có quyền đầy đủ như người dị tính. Điều đó cho thấy, việc chấp nhận, công nhận các quyền bình đẳng của người đồng tính là cần thiết.

Có thể nhận thấy vấn đề xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ, trong đó các quyền con người được bảo đảm và thực thi thông qua cơ chế pháp luật hiệu quả là mục tiêu chung của toàn thể nhân loại. Xu hướng mở rộng phạm vi các quyền con người, tăng cường việc bảo vệ quyền lợi của các nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội là các vấn đề được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm sâu sắc trong thời gian gần đây. Người đồng tính với những đặc điểm riêng về sự hấp dẫn tình dục, quan hệ tình cảm là đối tượng thường xuyên chịu những tác động tiêu cực từ những phân biệt



đối xử, định kiến và kỳ thị dựa trên xu hướng tình dục đặc biệt của mình. Trong thời gian tới, nếu Việt Nam thừa nhận quyền của người đồng tính thì phải xem xét: thừa nhận người đồng tính, sửa đổi bổ sung pháp luật về quyền của những đối tượng dễ bị tổn thương, quyền kết hôn, hưởng các quyền dân sự đầy đủ. Nhu cầu thay đổi quan niệm về gia đình và kết hôn ở Việt Nam là chính đáng. Nhiều người quan niệm hôn nhân cùng giới có thể làm xói mòn giá trị của hôn nhân truyền thống nhưng về bản chất, quan niệm này là không đúng đắn. Các phân tích trong luận văn đã chỉ ra rằng hôn nhân cùng giới không phá vỡ định chế hôn nhân truyền thống mà chỉ làm phong phú thêm, ghi nhận thêm những nội dung mang tính chất nhân văn của xã hội, góp phần đảm bảo công bằng cho các công dân. Từ quá trình lịch sử nhận thấy quan niệm về hôn nhân đã thay đổi nhiều lần theo lịch sử, và "*truyền thống*" là do con người tạo ra, để phục vụ con người chứ không phải "*truyền thống*" trói buộc, điều khiển con người. Bên cạnh đó, trao cho người khác quyền, không có nghĩa là làm mất đi quyền của người khác. Pháp luật mở rộng cơ hội bình đẳng cho nhiều người hơn, nghĩa là xã hội trở nên hạnh phúc hơn. Không ai xâm phạm quyền của ai. Sẽ không có chuyện những người dị tính tan vỡ và "*đổ lỗi*" rằng đó là vì hôn nhân cùng giới. Điều này đã được kiểm nghiệm trên thực tế ở nhiều quốc gia đã hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới.

Trong nhà nước pháp quyền, pháp luật tồn tại vì con người chứ không phải con người tồn tại vì pháp luật. Đã đến lúc pháp luật cần quan tâm hơn đến thực tiễn hôn nhân đồng giới và quyền được kết hôn của những người đồng tính.

Hơn nữa nếu nhìn nhận ở góc độ quyền con người, việc bỏ quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính thể hiện tính nhân văn, góp phần giảm bớt sự kỳ thị đối với nhóm người này và để có cơ sở giải quyết hậu quả về mặt pháp lý của tình trạng chung sống như vợ chồng giữa một bộ phận người cùng giới tính đang diễn ra trong thực tế thì cần phải có quy định pháp

luật để điều chỉnh đảm bảo quyền bình đẳng giữa người với người trong một xã hội văn minh.

Xong, việc thừa nhận, hợp pháp hóa các quyền cho người đồng tính trên thế giới cũng như tại Việt Nam cần theo một lộ trình nhất định. Trong bối cảnh văn hóa truyền thống còn gặp nhiều rào cản, nhận thức của xã hội còn chưa đầy đủ và còn nhiều kỳ thị thì vấn đề hợp pháp hóa một số quyền cho người đồng tính Việt Nam cần đi theo một lộ trình hợp lý. Pháp luật được sử dụng như một công cụ vừa phải để dần định hướng xã hội theo những giá trị chung của thế giới, thì việc đưa ra các quy định về "kết hợp dân sự" để giải quyết việc chung sống giữa những người đồng giới và các hậu quả pháp lý phát sinh từ việc chung sống giữa họ là hợp lý và cần thiết.

Thừa nhận "kết hợp dân sự" không chỉ tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng điều chỉnh quan hệ nhân thân, tài sản và nuôi con của những người đồng tính mà xa hơn còn là một bước đệm quan trọng trong việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng việt

1. Lê Quang Bình (2012), "Hôn nhân cùng giới: xu hướng thế giới, tác động xã hội và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam", Tọa đàm chuyên gia: *Lồng ghép vấn đề giới trong dự án luật*, Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội tổ chức ngày 08/10/2012, Hà Nội.
2. Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo về quan điểm và định hướng lớn trong xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2008), *Nghị định số 88/2008/NĐ-CP ngày 05/8/2008 về xác định lại giới tính*, Hà Nội.
4. "Hôn nhân đồng giới ở Tây Ban Nha", [www.vi.wikipedia.org](http://www.vi.wikipedia.org).
5. Liên hợp quốc (1948), *Hiến chương Liên hợp quốc*.
6. Liên hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn quyền con người*.
7. Diệu Linh (2013), "Trẻ em đường phố đồng tính: Trùng điệp những rủi ro", <http://danviet.vn>, ngày 06/6/2013.
8. Nguyễn Thu Nam (2012), "Xu hướng tác động của hôn nhân cùng giới: Xu hướng thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam", <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn>, ngày 9/10/2012.
9. Nguyễn Thu Nam (2012), "Quan điểm xã hội về đồng tính và hôn nhân đồng giới", Hội thảo khoa học: *Hôn nhân đồng giới*, Viện ISEE tổ chức ngày 13/12/2012, Hà Nội.
10. Đình Phước (2013), "Hoa Kỳ: Bang thứ 13 cho phép kết hôn đồng giới", [Http://thuvienphapluat.vn](http://thuvienphapluat.vn), ngày 27/6/2013.
11. Trương Hồng Quang (2012), "Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về quyền của người đồng tính", *Nhà nước và Pháp luật*, (7), tr. 32-41.
12. Trương Hồng Quang (2012), "Nhận thức về người đồng tính và quyền của người đồng tính", *Nhà nước và pháp luật*, (3), tr. 25-34, 44.

13. Trương Hồng Quang (2014), "Thực tiễn ghi nhận quyền kết hôn bình đẳng của người đồng tính trên thế giới", <http://moj.gov.vn/ct/tintuc>, ngày 10/02/2014.
14. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
15. Quốc hội (2000), *Luật hôn nhân và gia đình*, Hà Nội.
16. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.
17. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
18. Lê Minh Tiến (2011), "Ủng hộ hay không ủng hộ đối với hôn nhân đồng giới", <http://www.thesaigontimes.vn>, ngày 10/3/2011.
19. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2012), "Báo cáo tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2012", <http://gso.gov.vn>, ngày 24/12/2012.
20. Trang, N.Q., et al.(2010), *Sống trong một xã hội dị tính - Nghiên cứu 40 người nữ yêu nữ*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
21. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2006), *Đạo luật bảo vệ hôn nhân bang California của Hoa Kỳ*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
22. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2006), *Bộ luật kết đôi Dân sự 2004 của Vương quốc Anh*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
23. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2006), *Bộ luật Gia đình của bang California (Hoa Kỳ)*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
24. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2006), *Luật bảo vệ hôn nhân năm 1996 của Hoa Kỳ (gọi tắt là DOMA - Defense of Marriage Act)*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.
25. Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo của tổ chức ILGA (International Lesbian, Gay, Bisexual, Trans and Intersex Association) cho đến tháng 5-2010*, (Tài liệu dịch tham khảo), Hà Nội.

### **Tiếng Anh**

26. Brown, S.L. and A. Booth, A Cohabitation Versus Marriage: *A Comparison of Relationship Quality. Journal of Marriage and Family* 1996. 58 (3): p. 668-678.

27. "Denmark National Statistics", <http://www.dst.dk>.
28. *International Statistics*, US Census Bureau. p. 840.
29. Langbein, L. and M. Yost (2009), "Same-sex marriage and negative externalities", *Social science quarterly*, 90(2), p. 292-308.
30. Lannuti, P. (2010), "Security, recognition, and misgivings: Exploring older same-sex couples' experiences of legally recognized same-sex marriage", *Journal of Social and Personal Relationships*, 28(1), p. 64-82.
31. Lannutti, P. (2007), "The Influence of Same-Sex Marriage on the Understanding of Same-Sex Relationships", *Journal of Homosexuality*, 53(3), p. 135-151.
32. Meezan, W. and J. Rauch (2005), "Gay marriage, same-sex parenting, and America's children", *Future Child*, 15(2), p. 97-115.
33. Tasker, F. (2010), "Same-sex parenting and child development: Review the contribution of parental gender", *Journal of Marriage and Family*, (72), p. 35-40.